

**CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HOÀN HẢO THUẬN AN**

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Của cơ sở
“BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HOÀN HẢO THUẬN AN”**

**Địa chỉ: Số 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương**

Bình Dương, Tháng 04 năm 2023

**CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HOÀN HẢO THUẬN AN**

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của cơ sở
“BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HOÀN HẢO THUẬN AN”**

**Địa chỉ: Số 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương**

CHỦ CƠ SỞ

**CHI NHÁNH II - CÔNG TY TNHH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
THUẬN AN**



KAWATE YASUSHI

Bình Dương, Tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT	i
DANH MỤC BẢNG	ii
DANH MỤC HÌNH.....	iii
CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. Thông tin về cơ sở:	1
1.2. Tên cơ sở:.....	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	5
CHƯƠNG II.....	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA cơ sở VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia	11
2.1.2. Sự phù hợp cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
2.2.1. Đối với nước thải	11
2.2.2. Đối với khí thải	11
2.2.3. Đối với chất thải rắn	12
CHƯƠNG III	13
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	13
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	13
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	13
3.1.3. Xử lý nước thải:	13
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	18
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	18
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	19
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	20
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	21
3.6.1. Phương án phòng ngừa.....	21
3.6.2. Ứng phó sự cố môi trường.....	26
CHƯƠNG IV	28
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	28
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	28
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:.....	28
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải:	28
4.1.3. Dòng nước thải:	28
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:.....	28
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:	28
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	28

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	28
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	29
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:	29
CHƯƠNG V.....	32
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	32
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	32
5.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải	32
5.1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động	33
5.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.....	34
5.2.1. Xử lý khí thải	34
5.2.2. Kết quả quan trắc khí thải.....	34
CHƯƠNG VI	38
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	38
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	38
6.2. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ	41
6.2.1. Giám sát nước thải.....	41
6.2.2. Giám sát chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nguy hại).....	41
6.2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	41
CHƯƠNG VII.....	42
CHƯƠNG VIII	43
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	43
DANH MỤC PHỤ LỤC	44



DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
CP	: Cổ phần
STNMT	: Sở tài nguyên và môi trường
CCBVM	: Chi cục bảo vệ môi trường
CTR	: Chất thải rắn
Tp	: Thành phố
QCXDVN	: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
GP	: Giấy phép
UBND	: Ủy ban nhân dân
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
KCN	: Khu công nghiệp
BTNMT	: Bộ tài nguyên môi trường
XLNT	: Xử lý nước thải
VSV	: Vi sinh vật
HĐKT	: Hợp đồng kinh tế
QĐ	: Quyết định
CTNH	: Chất thải nguy hại
TDPCCC	: Thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1: Các khoa khám bệnh tại Phòng khám Đa khoa Hoàn Hào Thuận An	4
Bảng 1.2: Nhu cầu nguyên liệu sử dụng tại Bệnh viện.....	5
Bảng 1.3: Danh mục máy móc/thiết bị y tế tại Bệnh viện.....	6
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng điện của Bệnh viện	6
Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng nước của Bệnh viện	7
Bảng 1.6: Phân bổ nhu cầu sử dụng nước hiện hữu của Bệnh viện	8
Bảng 3.1: Thông số cơ bản của các hạng mục công trình.....	16
Bảng 3.2: Các trang thiết bị của HTXLNT	17
Bảng 3.3: Thống kê chất thải rắn phát sinh của Bệnh viện	18
Bảng 3.4: Thống kê lượng chất thải phát sinh của Nhà máy.....	19
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	28
Bảng 4.2: Bảng đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn	29
Bảng 5.1: Danh mục điểm quan trắc.....	32
Bảng 5.2: Danh mục thành phần, thông số quan trắc	32
Bảng 5.3 Kết quả quan trắc nước thải năm 2021	33
Bảng 5.4: Kết quả quan trắc nước thải năm 2022	33
Bảng 5.5: Thống kê vị trí điểm quan trắc.....	34
Bảng 5.6: Kết quả quan trắc năm 2021	35
Bảng 5.7: Kết quả quan trắc năm 2022	36
Bảng 6.1: Thời gian lấy mẫu trong giai đoạn điều chỉnh	38
Bảng 6.2: Thời gian lấy mẫu nước thải trong giai đoạn vận hành ổn định.	39
Bảng 6.3: Kế hoạch lấy mẫu để đánh giá hiệu quả xử lý giai đoạn điều chỉnh.....	40
Bảng 6.4: Kế hoạch cụ thể thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải tại trước và sau HTXL	40
Bảng 6.5: Kinh phí thực hiện chương trình quan trắc	41

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Quy trình Khám chữa bệnh.....	3
Hình 3.1: Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom nước thải.....	13
Hình 3.2: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	14
Hình 3.3: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải	15
Hình 3.4: Quy trình xử lý chất thải.....	20

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Thông tin về cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: CHI NHÁNH II - CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa chỉ văn phòng: số 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Tatsuya Yamada, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc.
- Điện thoại: (84 8) 2080 043
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 3700681695-002; đăng ký lần đầu ngày 18/02/2008; đăng ký thay đổi lần 7 ngày 27/01/2021.

1.2. Tên cơ sở:

- Tên dự án: “Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An”
- Địa điểm cơ sở: Số 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An thành lập theo Văn bản số 2146/UBND-VX ngày 29/07/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép các liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 3700681695-002; đăng ký lần đầu ngày 18/02/2008; đăng ký thay đổi lần 7 ngày 27/01/2021;
 - + Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 09/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An” quy mô 50 giường bệnh tại 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
 - + Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thoát nước số 751/HĐNT-TA ngày 28/11/2018 về việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thuộc Dự án Cải thiện môi trường Nam Bình Dương;
 - + Văn bản số 4147/STNMT-CCBVM ngày 12/12/2014 về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An” quy mô 50 giường bệnh;
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
 - + Văn bản số 1545/STNMT-MT ngày 02/07/2010 của Sở Tài Nguyên Và Môi Trường về việc kiểm tra, nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải của Chi nhánh II – Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo;
 - + Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 74000964.T (cấp lần 2) ngày 03/09/2013 do Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương cấp;
 - + Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 14/GP-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp;

+ Văn bản số 2484/STNMT-CCBVMT ngày 10/06/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung từ 40 m³/ngày lên 50 m³/ngày;

+ Văn bản số 463/STNMT-CCBVMT ngày 22/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung từ 40m³/ngày đêm lên 50 m³/ngày đêm;

- Quy mô của cơ sở:

Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức đầu tư là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) và thuộc ngành y tế. Căn cứ vào tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án thuộc dự án nhóm C (theo khoản 4 Điều 10 Luật đầu tư công). Dự án đầu tư không thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP do đó dự án đầu tư thuộc phân loại nhóm II tại Mục số 4 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường 2020 thì Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An” của Chi Nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt, vì vậy cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường cho Công ty sẽ là tỉnh Bình Dương.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An thành lập và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 7/2009 với tổng diện tích đất của dự án: 1.849,4m² và hoạt động với ngành nghề khám chữa bệnh với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị máy móc hiện đại và đội ngũ y bác sĩ có chuyên môn cao nhằm phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho mọi đối tượng, kể cả người nước ngoài đang công tác hoặc du lịch ở Bình Dương, các đối tượng lao động tại vùng giáp ranh, vùng xa đến trung tâm tỉnh Bình Dương có thể được hưởng các kỹ thuật khám và điều trị chất lượng cao.

- Ngành nghề hoạt động: Bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa.

- Quy mô hoạt động bao gồm: 50 giường bệnh. Bao gồm các khu như sau:

+ Khu A: Tầng trệt – khám chuyên khoa; Tầng 1 – Khối văn phòng và khám chuyên khoa; Tầng 2 – Khoa nội; Tầng 3 – Khoa ngoại; Tầng 4 – Khối mổ;

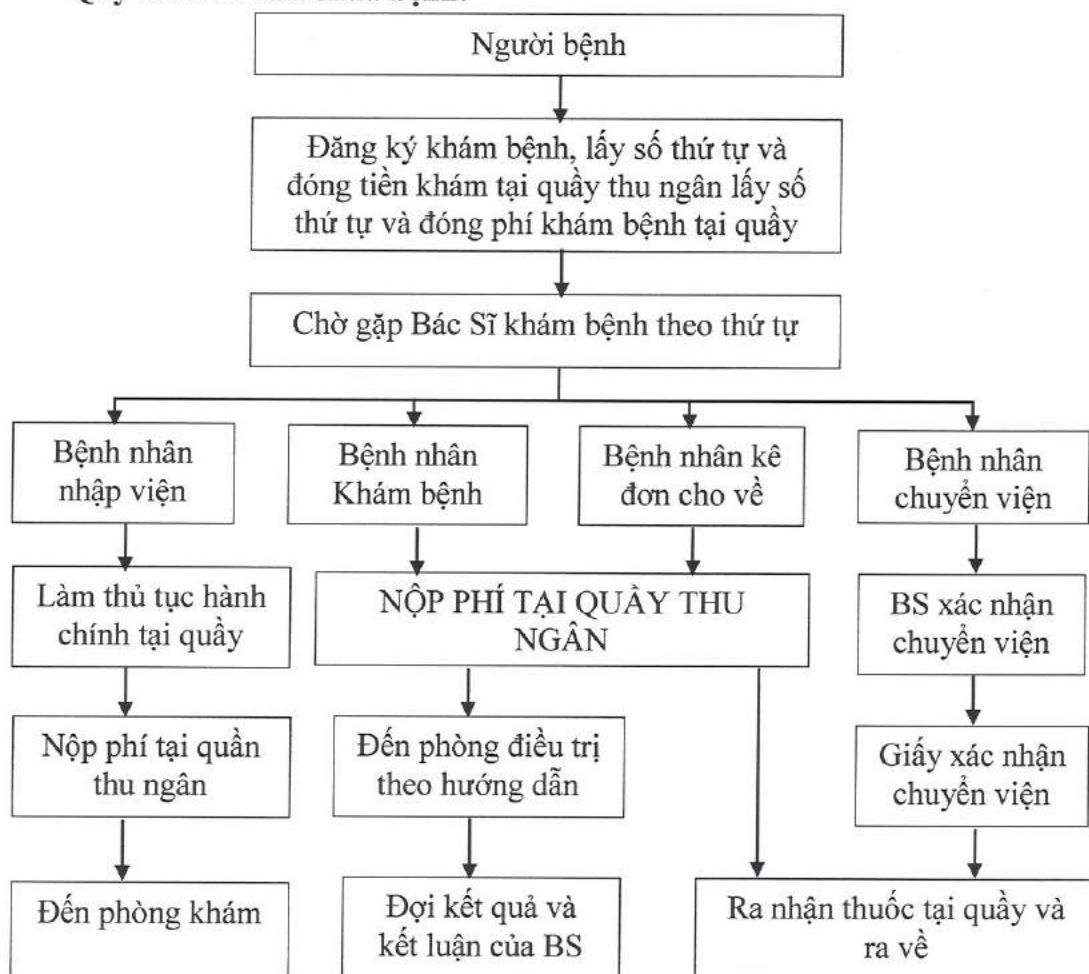
+ Khu B: Tầng trệt – Nhà thuốc, khu để xe, khu vệ sinh; Tầng 1 – Khoa nhi; Tầng 2 – Khoa Y học cổ truyền; Tầng 3 - Khoa lưu trữ;

+ Khu C: Khu vực gửi xe;

+ Khu vực trạm xử lý nước thải, kho rác thải y tế.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình Khám chữa bệnh:



Hình 1.1: Quy trình Khám chữa bệnh

Thuyết minh quy trình:

Quy trình khám chữa bệnh cho bệnh nhân có BHYT:

- Bước 1: Bệnh nhân đến quầy làm thủ tục: đăng ký, mua sổ khám bệnh, nộp thẻ BHYT (nộp CMND khi có yêu cầu) và lấy số thứ tự tại bàn nhận bệnh BHYT.
- Bước 2: Khi tới số thứ tự của mình, bệnh nhân vào phòng gặp điều dưỡng để đo mạch và huyết áp.
- Bước 3: Gặp bác sĩ khám bệnh để chuẩn đoán cận lâm sàng, thảo luận về bệnh lý.
- Bước 4: Thanh toán tiền cận lâm sàng ngoài phạm vi BHYT (nếu có chỉ định của bác sĩ) tại quầy thu ngân.
- Bước 5: Đi làm xét nghiệm, X – quang, siêu âm, đo điện tim,... khi có chỉ định từ bác sĩ.
- Bước 6: Khi có kết quả, cầm tờ giấy kết quả trở lại phòng bác sĩ ban đầu để đưa ra kết quả cuối cùng.
- Bước 7: Nhận toa thuốc từ bác sĩ đến quầy thu ngân thanh toán viện phí và nhận thuốc tại quầy thuốc.
- Bước 8: Bệnh nhân quay trở lại bàn đăng ký để nhận lại thẻ BHYT và xin giấy nghỉ (nếu có).

Quy trình khám chữa bệnh dành cho bệnh nhân khám dịch vụ:

- Bước 1: Bệnh nhân đến quầy để làm thủ khám bệnh: đăng ký, mua sổ khám bệnh và lấy số thứ tự tại quầy nhận khám dịch vụ.
- Bước 2: Khi tới số thứ tự, bệnh nhân vào phòng gặp điều dưỡng để đo mạch, huyết áp, nhiệt độ.
- Bước 3: Thanh toán tiền khám tại quầy thu ngân.
- Bước 4: Gặp bác sĩ để chuẩn đoán lâm sàng, thảo luận về bệnh lý cần điều trị.
- Bước 5: Đến quầy thu ngân để thanh toán tiền cận lâm sàng (nếu có).
- Bước 6: Đi làm xét nghiệm, X – quang, siêu âm, đo điện tim,... tùy vào yêu cầu của bác sĩ mà bệnh nhân thực hiện theo.
- Bước 7: Sau khi có kết quả, bệnh nhân quay về phòng ban đầu, gặp bác sĩ để đưa ra kết quả cuối cùng, và nhận toa thuốc từ bác sĩ.
- Bước 8: Nhận thuốc tại quầy thuốc và thanh toán chi phí.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Bệnh viện chính thức đi vào hoạt động trong nhiều năm liền. Bệnh viện tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ Bệnh viện khác chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh với quy mô hoạt động 50 giường bệnh.
- Hoạt động của Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 1: Các khoa khám bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An

TT	Khoa, phòng khám	Diện tích (m ²)
I	Khu A	450
1	Tầng trệt – khám chuyên khoa:	
	Phòng khám mắt, da liễu, tai mũi họng, nhi	
	Phòng khám ngoại 1, 2; Khám nội 1, 2	
	Phòng cấp cứu, thanh trùng, tiểu phẫu	
	Phòng khám sản 1, 2	
	Phòng X quang, xét nghiệm, bác sỹ trực	
	Nhà thuốc, kho thiết bị, lưu hồ sơ khám	
2	Tầng 1 – Khối văn phòng và khám chuyên khoa	450
	Khối văn phòng (Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Tài vụ - kế toán, Kế hoạch – tổng hợp, Trưởng khoa, hành chính, phòng họp giao ban)	
	Khám RHM, tiểu phẫu RHM, phòng trực bác sĩ, phòng trực y tá điều dưỡng, phòng vật tư thiết bị y tế.	
3	Tầng 2 – Khoa nội	450
	Phòng khám nội, tiểu phẫu, thủ thuật vô khuẩn, trực bác sĩ, xét nghiệm – siêu âm, y tá – điều dưỡng.	
	Khu lưu bệnh (6 phòng: 24 giường)	
4	Tầng 3 – Khoa ngoại	450
	Phòng bác sĩ trực, hộ lý điều dưỡng, cấp cứu – siêu âm.	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

	Khu lưu bệnh (07 phòng: 26 giường)	
5	Tầng 4 bố trí khối mổ	450
	Phòng mổ sản, mổ tổng hợp, mổ cấp cứu.	
	Khu hồi tỉnh, khu tiểu phẫu, tiền mê và tiền phẫu, phòng bác sĩ trực.	
	Kho dụng cụ phụ trợ, phòng đồ thải.	
II	Khu B	398
1	Tầng triệt	398
	Nhà thuốc, khu để xe, khu vệ sinh	
2	Tầng 1- Khoa nhi	398
	Khối khám nhi (4 phòng khám, cấp cứu, xét nghiệm – siêu âm, thủ thuật vô khuẩn)	
	Phòng hành chính khoa, bác sĩ trực, họp giao ban – đào tạo.	
3	Tầng 2 – Khoa Y học cổ truyền	398
	Phòng khám YHCT (3 phòng), phòng xoa bóp và ấn nguyệt (3 phòng), phòng dụng cụ.	
	Phòng hành chính khoa, trực bác sĩ, trực y tá, nhân viên nghỉ	
4	Tầng 3 – khoa lưu trữ	398
	Kho thuốc chính, kho lạnh, phòng chứa vật liệu, kho lưu trữ, kho dụng cụ y tế.	
	Phòng khám hành chính Khoa, Trưởng khoa, vật tư thiết bị y tế, tổng đài, y tá trưởng.	
III	Khu C	351
1	Vị trí đất thuê (thửa đất số 371, tờ bản đồ F3)	
	Phòng răng	
	Phòng xét nghiệm và phòng thay đồ, phòng nghỉ nhân viên khoa xét nghiệm	
	Phòng chụp X- Quang	
	Phòng chụp CT-Scanner, phòng điều khiển	
	Nhà vệ sinh khoa cấp cứu khu cận lâm sản	
	Khu vực bãi xe bệnh viện	
2	Vị trí đất thuê (thửa đất số 303, tờ bản đồ F3)	213
	Nhà để máy phát điện và nhà xe nhân viên (Khoa cấp cứu cũ dời qua tầng trệt khu A)	

Nguồn: CNII Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Các nguyên liệu sử dụng

Bảng 1.2: Nhu cầu nguyên liệu sử dụng tại Bệnh viện

TT	Tên vật dụng	Đơn vị	Số lượng
1	Giăng tay	Đôi/ngày	800
2	Alcoll	Lít/ngày	40
3	Bông gòn	Kg/ngày	20
4	Ống chích	Cái/ngày	500
5	Dây truyền	Bộ/ngày	350

Nguồn: Dự án “Bệnh Viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An”

1.4.2. Danh mục máy móc/thiết bị y tế tại Bệnh viện:

Bảng 1.3: Danh mục máy móc/thiết bị y tế tại Bệnh viện

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Năm sx	Xuất xứ
1	CT scanner	01	2009	USA
2	Máy đo thị lực	01	2009	Japan
3	Máy chống sốc giúp thở	01	2009	USA
4	Nội soi tiêu hóa	01	2009	Italia
5	Nội soi tai – mũi – họng	01	2009	Japan
6	Siêu âm 3 đầu dò	01	2009	Japan
7	Siêu âm màu 4D	01	2009	Japan
8	X quang cao tầng	01	2009	Japan
9	Xét nghiệm sinh hóa	01	2009	Japan
10	Xét nghiệm huyết học	01	2009	Japan
11	Ghế - răng – hàm – mặt	01	2009	-
12	Máy rửa film	01	2009	USA
13	Đo loãng xương	01	2009	Korea
14	Xét nghiệm miễn dịch	01	2009	Japan
15	X quang kỹ thuật số	01	2009	Japan
16	Đo điện cơ	01	2009	Japan

Nguồn: Dự án “Bệnh Viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An”

1.4.3. Nguồn cung cấp điện, nước

Nguồn cung cấp điện:

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của Bệnh viện được lấy từ mạng lưới điện quốc gia do Tổng công ty Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực Bình Dương – Điện lực Thuận An cung cấp. Nhu cầu cấp điện cho Công ty chủ yếu là cấp điện cho hệ thống chiếu sáng của bệnh viện và vận hành các máy móc khám chữa bệnh... với nhu cầu sử dụng điện trung bình là 34.133 kWh/tháng (số liệu thống kê căn cứ theo hóa đơn điện của Bệnh viện cung cấp trong 12 tháng năm 2022).

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng điện của Bệnh viện

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (kWh/tháng)
1	Tháng 1	25.120
2	Tháng 2	23.740
3	Tháng 3	25.350
4	Tháng 4	33.320
5	Tháng 5	33.000
6	Tháng 6	34.390
7	Tháng 7	37.560
8	Tháng 8	37.500
9	Tháng 9	66.080
10	Tháng 10	34.180
11	Tháng 11	32.420
12	Tháng 12	26.940
Lượng điện sử dụng trung bình		34.133

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An

Nguồn cung cấp nước

Nguồn cung cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và khám chữa bệnh của bệnh viện sẽ do Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương cung cấp, thông qua hệ thống cấp nước của khu vực.

Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được thể hiện chi tiết trong bảng:

Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng nước của Bệnh viện

TT	Tháng	Lượng nước tiêu thụ (m ³ /tháng)
1	Tháng 1	666
2	Tháng 2	668
3	Tháng 3	525
4	Tháng 4	675
5	Tháng 5	769
6	Tháng 6	932
7	Tháng 7	875
8	Tháng 8	972
9	Tháng 9	832
10	Tháng 10	696
11	Tháng 11	749
12	Tháng 12	664
Lượng nước sử dụng trung bình		752

Bảng 1.6: Phân bổ nhu cầu sử dụng nước hiện hữu của Bệnh viện

TT	Mục đích sử dụng	Số lượng	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày.đêm)
1	Nước cấp cho hoạt động khám điều trị nội trú	50 giường	400 lít/người/ngày	22
2	Nước cấp cho hoạt động khám điều trị ngoại trú	400 lượt/ngày	10 lít/người	4
3	Nước cấp sinh hoạt cán bộ nhân viên	300 người	60 lít/người	18
4	Nhà ăn	200 suất/ngày	10 lít/suất	2
5	Tưới cây	1000 m ²	3lít/m ² /ngày	3
6	Giặt ủi			1
Tổng cộng				50

Giải trình nhu cầu sử dụng nước:

Nhu cầu nước sử dụng chủ yếu của bệnh viện phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của bệnh nhân, người thân, cán bộ nhân viên; hoạt động của căn tin; hoạt động khám chữa bệnh, phòng xét nghiệm, phẫu thuật; tưới cây xanh trong khuôn viên; dự trữ cho phòng cháy chữa cháy.

Đối với quá trình tráng rửa phim X- Quang của khoa chẩn đoán hình ảnh, bệnh viện sử dụng công nghệ rửa ảnh kỹ thuật số, không có công đoạn rửa phim nên không sử dụng nước cho công đoạn này.

Nhu cầu cấp nước cho bệnh viện quy mô 50 giường:

- Nước cấp phục vụ cho hoạt động khám chữa bệnh từ các phòng ban, nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt của bệnh nhân, thân nhân, khách thăm được tính theo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn TCVN 4470:2012 – Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế: lượng nước cấp cho bệnh viện cho 1 giường bệnh là $Q = 400 \text{ lít/giường bệnh}$ (đã bao gồm lượng nước dùng cho quá trình khám và điều trị bệnh tại các khoa chức năng, nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, nước dùng cho quá trình giặt giũ y phục, vệ sinh phòng bệnh,...). Số giường bệnh $N = 50$ giường, như vậy lượng nước cấp cần thiết cấp theo bệnh nhân và thân nhân (tính trên 1 giường bệnh):

$$Q_{GB} = q \times N \quad Q_1 = 400 \text{ lít/ngày. giường} \times 50 \text{ giường} = 20.000 \text{ lít/ngày} = 20 \text{ m}^3 / \text{ngày}$$

- Nước cấp cho sinh hoạt của bệnh nhân khám và điều trị ngoại trú (số lượng bệnh nhân ngoại trú khoảng 100 người/ngày): trung bình 1 người sử dụng 10 lít/ngày. Như vậy lượng nước cấp cần thiết cho bệnh nhân ngoại trú:

$$Q_2 = 10 \text{ lít/người} \times 400 \text{ người} = 1000 \text{ lít/ngày} = 4,0 \text{ m}^3 / \text{ngày}$$

- Nước cấp cho nhân viên làm việc trong bệnh viện (400 nhân viên) được tính theo QCVN 01:2021/BXD, lượng nước sử dụng 60 lít/người:

$$Q_3 = 60 \text{ lít/người} \times 400 \text{ người} = 15000 \text{ lít/ngày} = 15 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Lượng nước cấp cho nhà ăn: Ước tính 1 ngày khoảng 200 suất ăn, tương ứng với chỉ tiêu dùng nước là 10 l/suất

$$Q_4 = 20 \times 10 \text{ l/ngày} = 2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước phục vụ tưới cây: Chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới tiêu của dự án cho một lần tưới là 3 lít/m²/ngày (QCVN 01:2021/BXD).

$$Q_t = 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 1000 \text{ m}^2 = 3.000 \text{ lít/ngày} = 3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Nước cấp cho hoạt động giặt ủi: Ước tính khoảng 1m³/ngày. đêm

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Vị trí địa lý

Dự án: Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An tọa lạc tại số 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Dự án đầu tư được xây dựng với tổng diện tích là: 1.849,4 m².

- Phía Đông giáp đất dân;
- Phía Tây giáp nhà dân;
- Phía Bắc giáp đường hẻm rộng 2.2m và khu nghĩa trang;
- Phía Nam giáp đường BH22

1.5.2. Các hạng mục công trình của dự án

Hệ thống cung cấp nước

Hiện tại khu vực dự án đã có nguồn cấp nước chung của thủy cục do Xí nghiệp cấp nước Dĩ An – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương cung cấp.

Tuyến cấp nước hiện hữu đi ngang qua khu đất Dự án nên rất thuận lợi cho việc cung cấp nước đối với hoạt động khám chữa bệnh.

Nhu cầu sử dụng nước của dự án khoảng 50 m³/ngày.

Hệ thống cung cấp điện

Dự án sẽ sử dụng điện lưới quốc gia cung cấp chung cho khu vực khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, tuyến đường điện 15Kv hiện tại chạy dọc theo đường BH22 phía trước dự án.

Dự án sẽ lắp trạm điện hạ thế có công suất 250KVA và sẽ ký Hợp đồng với Chi nhánh Điện lực Thuận An để mua điện phục vụ cho nhu cầu sử dụng

Hệ thống giao thông

Một số tuyến đường quan trọng trong khu vực gồm có:

- Quốc lộ 13: đây là tuyến đường huyết mạch nối liền Tp. HCM với các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, và tỉnh Đắk Lắk.
- Quốc lộ 1A: là tuyến đường giao thông huyết mạch của Quốc gia, với lưu lượng xe lớn khoản 10.000 xe/giờ.
- ĐT743, tỉnh lộ 43 và đường BH22: các tuyến đường này đã được nâng cấp xong, mặt đường rộng rãi nên rất thuận tiện cho việc đi lại.

Nguồn tiếp nhận nước thải Dự án

Khu vực dự án hiện nay đã có hệ thống thoát nước chung của thành phố. Nước mưa, nước thải sinh hoạt của người dân trong khu vực được thoát ra hệ thống thoát nước được

nêu trên. Sau đó nước sẽ đổ vào cống Ba Bò, tiếp theo là rạch Vĩnh Bình và sau cùng là đổ ra sông Sài Gòn.

Nguồn tiếp nhận chất thải rắn:

Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt khu vực Dự án hiện tại được Hợp đồng thu gom và xử lý theo hướng dịch vụ công cộng.

Công ty bố trí các nơi lưu giữ bùn từ Trạm XLNT, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt,... định kỳ đơn vị thu gom đến chở đi xử lý.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải, lắp đặt ống khói cho máy phát điện, đầu tư trang thiết bị thu gom rác thải phát sinh từ các hoạt động, lắp đặt hệ thống PCCC phòng ngừa cháy nổ... nhằm ngăn ngừa các tác động xấu ô nhiễm, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa và kiểm soát theo đúng quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu bảo vệ môi trường của Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.1.2. Sự phù hợp cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An tọa lạc tại số 344B, đường BH22, Đồng An, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương đã đầu tư trang thiết bị hiện đại, dịch vụ chăm sóc tận tình sẽ góp phần nâng cao năng lực y tế của khu vực, giúp người dân khu vực tiếp cận được với chăm sóc y tế toàn diện, nâng cao chất lượng đời sống của người dân.... đây là khu vực có mật độ dân cư đông đúc, vùng trong những vùng trọng điểm tỉnh Bình Dương; việc xây dựng và vận hành bệnh viện là phù hợp với mục tiêu phát triển với Quyết định số 462/QĐ-TTg ngày 07/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.2.1. Đối với nước thải

Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt và y tế được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải có công suất 50 m³/ngày đêm QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước thải chung của Thành phố.

Theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, suối, kênh, rạch, đầm, hồ và Điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ; có nêu đánh giá khả năng chịu tải áp dụng cho nguồn tiếp nhận là nguồn nước mặt; vì vậy đối với nguồn tiếp nhận là cống thoát nước thải chung của Thành phố, không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.

2.2.2. Đối với khí thải

Để chủ động trong quá trình hoạt động, Bệnh viện có trang bị máy phát điện dự phòng trường hợp sự cố mất điện xảy ra.

Công ty đã lắp đặt ống khói thải khí thải từ máy phát điện cao 10m để dẫn khí thoát ra ngoài môi trường và chỉ sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm các chất gây ô nhiễm khí thải trong quá trình đốt nhiên liệu. Mặt khác, trên thực tế máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện đột xuất nên việc áp dụng thoát khí thải thông qua ống thải cao là phù hợp và không gây tác động xấu đến môi trường.

2.2.3. Đối với chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải tái chế, chất thải y tế, chất thải nguy hại đều được Chủ đầu tư có biện pháp thu gom và xử lý, có các phương tiện thu gom, nhà rác để phân loại và lưu chứa các loại chất thải, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý, không để phát tán ra môi trường, gây tác động xấu đến con người và môi trường xung quanh.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa của Bệnh viện đã được bố trí và xây dựng hoàn thiện. Công thoát nước mưa: được bố trí thu gom nước mưa trên mái nhà và nước mặt của đường nội bộ. Nước mưa theo đường hệ thống cống này để thoát ra cống chung của đường BH22. Cống thoát nước mưa có đường kính D220 với tổng chiều dài khoảng 360m.

Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng dạng mương kín dọc theo tuyến đường nội bộ trong khuôn viên Bệnh viện, dẫn ra đường BH22. Một số vị trí bố trí hố ga nước mưa được sắp xếp dọc theo các Khu A, Khu B, Khu C, mương thu gom nước mưa là đường mương hở, lưới chắn rác thép có bề rộng các song 2cm, chiều dài đường mương khoảng 4m.

(Sơ đồ bố trí mạng lưới thu gom nước mưa thể hiện chi tiết tại Phụ lục)

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

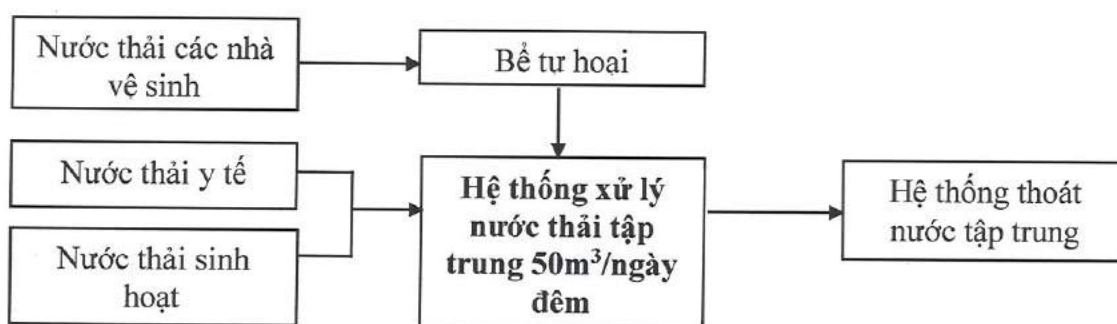
Hệ thống thu gom thoát nước thải tách biệt với hệ thống thoát nước mưa. Cống thu gom nước thải từ các bể tự hoại, các khoa điều trị bệnh được bố trí dọc theo các tòa nhà trong bệnh viện. Hệ thống cống thu gom nước thải có chiều dài 150m, đường kính D250, D300.

(Sơ đồ bố trí mạng lưới thu gom nước thải thể hiện chi tiết tại Phụ lục)

Nước thải sinh hoạt của bệnh viện, bệnh nhân và người thân nuôi bệnh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại. sau đó được dẫn vào đường thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của đường BH22.

Bệnh viện xây 4 cụm bể tự hoại bố trí tại các khu nhà A, B và C, dung tích của mỗi cụm bể tự hoại là 15m^3 nên đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân viên.

(Vị trí hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện đính kèm phụ lục bản vẽ)



Hình 3.1: Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom nước thải

(Vị trí hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện đính kèm phụ lục bản vẽ)

3.1.3. Xử lý nước thải:

a. Công trình xử lý nước thải

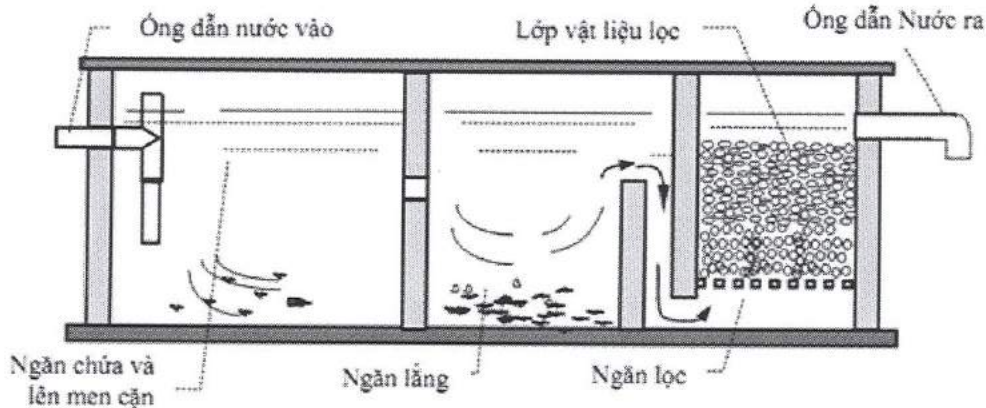
Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Hào Thuận An hoạt động trong lĩnh vực y tế, có số lượng công nhân viên là 250 người, số lượng bệnh nhân tối đa một ngày 400 người. Chi nhánh đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất

50m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại được trình bày như sau:



Hình 3.2: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc được thiết kế đúng quy cách và thường xuyên cho vào các phế phẩm EM để tăng cường mật độ vi sinh để phân giải các chất hữu cơ. Bể tự hoại có 2 chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1 đến 3 ngày. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3-6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất vô cơ hòa tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH₄⁺, CO₂, H₂S, ... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước được thoát vào hệ thống thoát nước thải của công ty.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải y tế:

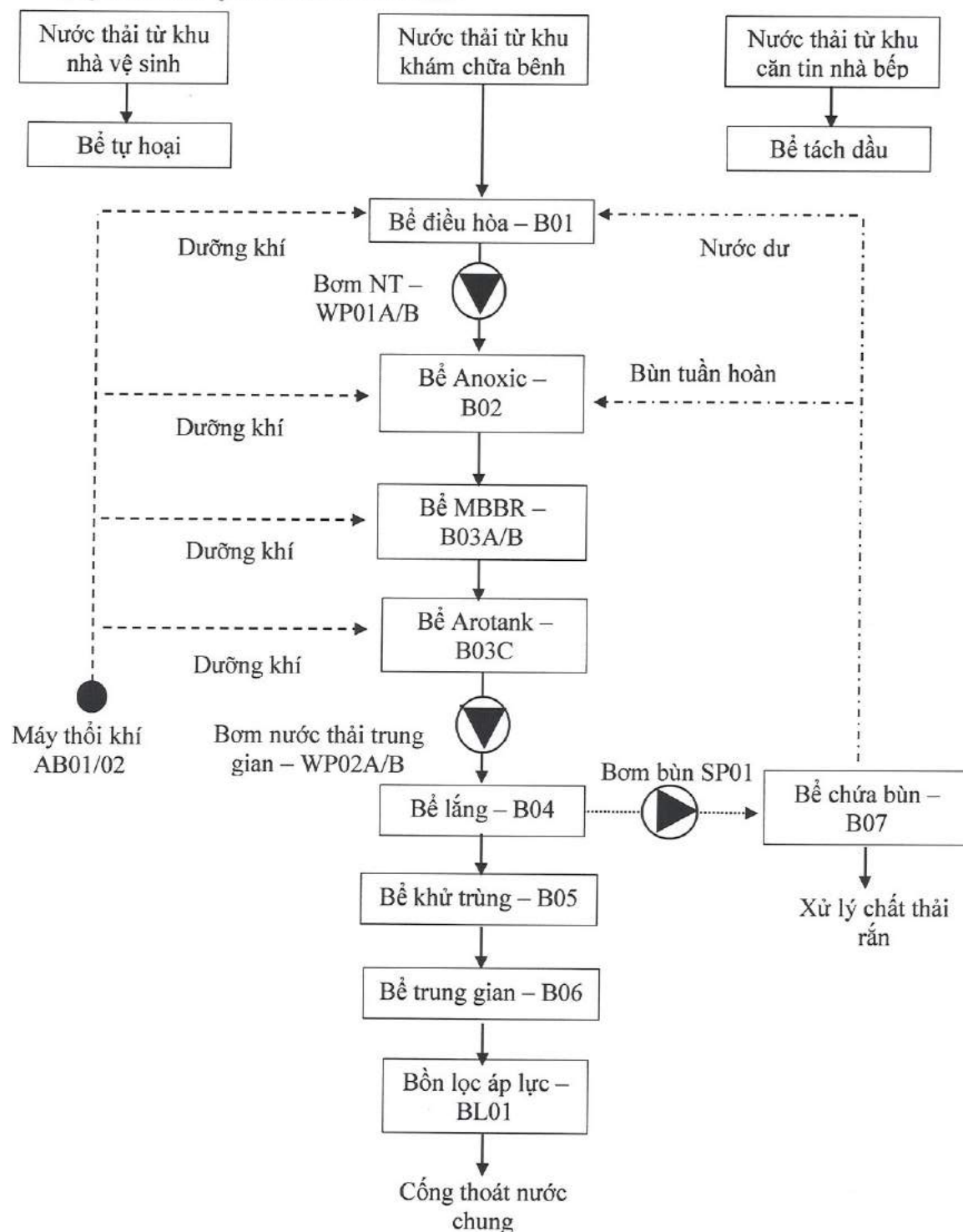
Nước thải y tế được phát sinh chủ yếu từ nhiều khâu và quá trình khác nhau trong phòng khám như giặt tẩy quần áo bệnh nhân, chăn mền, drap cho các giường bệnh, súc rửa vật dụng y khoa, xét nghiệm, giải phẫu, sản nhi, vệ sinh lau chùi làm sạch các phòng bệnh, phòng làm việc.

Tại phòng rửa dụng cụ dơ, phòng khám chữa bệnh bố trí một chậu rửa để vệ sinh toàn bộ các dụng cụ. Toàn bộ lượng nước thải y tế khoảng 1m³/ngày đêm được thu gom và vận chuyển vào hệ thống xử lý nước thải y tế của phòng khám.

Hệ thống xử lý nước thải 50m³/ngày. đêm, đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra cống thoát nước chung của đường BH22. Nước thải sau khi qua module xử lý đạt QCVN

28:2010/BTNMT, cột B.

Quy trình xử lý nước thải như sau:



Hình 3.3: Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

Thuyết minh công nghệ

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh, sinh hoạt của bệnh nhân,... phải qua các công trình xử lý sơ bộ như bể tự hoại, bể tách dầu mỡ,... nhằm tách các cặn lớn và dầu mỡ ĐTV ra khỏi nước thải rồi mới theo hệ thống cống riêng dẫn về trạm xử lý. Riêng

nước thải từ các khu chức năng chảy trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải qua hệ thống cống dẫn.

Tại trạm xử lý, đầu tiên nước thải được dẫn về bể điều hòa (B01), tại đây nước thải được khuấy trộn với dòng khí được cấp từ ngoài vào qua máy thổi khí (AB01) nhằm điều hòa lưu lượng, nồng độ của nước thải và tránh quá trình lên men yếm khí xảy ra.

Kế tiếp, nước thải từ bể cân bằng được các bơm nước thải (WP01) bơm qua bể xử lý sinh học Anoxic (B02) với lưu lượng ổn định. Tại đây, các chất hữu cơ trong nước thải được xử lý nhờ các vi sinh vật bám cố định bên trong bể.

Trong bể phản ứng sinh học MBBR (B03A/B) và bể Arotank (B03C), các giá thể vi sinh bằng polymer được chất đầy, là môi trường phát triển cho các quần thể vi sinh thuộc loài: *Sentor Coerules*, *Litonotus Spec*,... Những vi sinh này sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ trong nước thải nhờ lượng oxy được cung cấp từ máy thổi khí (AB01A/B).

Tiếp tục nước thải được bơm (WP02A/B) qua bể lắng sinh học (B04) và bùn cặn (xác vi sinh bị chết) được tách ra, làm giảm hàm lượng cặn lơ lửng trong nước thải. Sau khi qua bể xử lý sinh học hiếu khí, hiệu suất xử lý BOD đạt 98%.

Nước thải tiếp tục được dẫn về bể khử trùng (B05). Ở đây nước được khử trùng bằng Chlorine để tiêu diệt các vi trùng gây bệnh có thể có trong nước thải.

Sau khi qua bể khử trùng, nước thải tự chảy qua bể chứa trung gian (B06), Và từ đây nước được bơm (WP03A/B) bơm lên thiết bị lọc áp lực trước khi được xả thải ra cống thoát nước thải của bệnh viện.

Phần bùn dư trong bể lắng được bơm bùn (SP01A/B) bơm về bể phân hủy bùn (B07). Ở đây, bùn cặn sẽ được phân hủy yếm khí thành CH_4 , NH_3 , H_2O , ... Làm thể tích của chúng giảm đáng kể.

Định kỳ, bùn dư trong bể được hút đu bằng xe hút bùn và chuyển đi chôn lấp hợp vệ sinh tạo nơi quy định.

Bảng 3.1: Thông số cơ bản của các hạng mục công trình

T T	Hạng mục	Công suất (m ³ /ngày)	Vật liệu	Số lượng	Kích thước bể		Tổng thể tích bể (m ³)
1	Bể điều hòa – B01	50	BTCT	1	LxWxH	3,4x2,2x2,0 (m)	14,96
2	Bể Anoxic B02	50	BTCT	1	LxWxH	3,4x2,2x2,0 (m)	14,96
3	Bể MBBR – B03A	50	BTCT	1	LxWxH	2,4x2,1x2,5 (m)	12,6
	Bể MBBR – B03B	50	BTCT	1	LxWxH	2,6 x2,1x2,5 (m)	13,65
4	Bể Arotank B03C	50	BTCT	1	LxWxH	2,6 x2,1x2,5 (m)	13,65
5	Bể Lắng – B04	50	BTCT	1	LxWxH	2,2 x2,1x2,5 (m)	11,55
6	Bể khử trùng– B05	50	BTCT	1	LxWxH	0,8x1,0x2,5 (m)	2
7	Bể trung gian – B06	50	BTCT	1	LxWxH	0,8x1,0x2,5 (m)	2
8	Bể chứa bùn – B07	50	BTCT	1	LxWxH	0,8x1,0x2,5 (m)	2
9	Bồn lọc áp lực BL01	50	BTCT	1	DxH	0,8x1,8 (m)	1,44

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Danh mục các trang thiết bị của hệ thống

Bảng 3.2: Các trang thiết bị của HTXLNT

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
1	Bơm chìm nước thải	Cái	4	$Q = 6 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 10\text{mH}$, 0,75 kw	Taiwan
2	Song chắn rác thô	Cái	1	Kích thước lỗ 10mm Inox 304	Việt Nam
3	Phao mực nước bể Điều hòa	Cái	1	-	Italia
4	Giá thể cố định	Hệ	1	Diện tích tiếp xúc: $110\text{m}^2/\text{m}^3$ Vật liệu: nhựa pp/pvc	Taiwan
5	Sàn đỡ giá thể	Hệ	1	Inox 304	Việt Nam
6	Bơm định lượng Chlorine	Cái	2	Lưu lượng: 50 lít/giờ	USA
7	Bồn chứa định dưỡng	Bồn	1	Thể tích: 500 lít	Việt Nam
8	Motor khuấy	Bộ	1	Công suất: 0.1Kw Số vòng quay: 30 vòng/phút Inox 304	Việt Nam
9	Máy thổi khí –AB01A	Cái	2	$Q = 1.93 \text{ m}^3/\text{phút}$, $H = 3\text{m}$, 2,2Kw, 280v/50Hz	Longtech
10	Đĩa khí tinh	Cái	16	$Q = 2.5\text{m}^3/\text{giờ}$ $D = 270\text{mm}$ EPDM	Taiwan
11	Hệ gắn giá thể	Bộ	2	Kích thước lỗ: 10 mm	Việt Nam
12	Giá thể vi sinh MBBR	Hệ	1	$S = 3000\text{m}^2/\text{m}^3$ Kích thước: 20x20mm PVC	Việt Nam
13	Men vi sinh	Hệ	1	-	USA
14	Bùn vi sinh	Hệ	1	-	Việt Nam
15	Ống lắng trung tâm	Cái	1	$D \times H = 400 \times 1200 \text{ (mm)}$ inox 304, dày 0.8mm	Việt Nam
16	Máng răng cưa thu nước bể lắng	Cái	1	Inox 304, dày 0.8mm	Việt Nam
17	Đồng hồ đo lưu lượng DN50	Cái	1		Hàn Quốc
18	Tủ điện điều khiển	Bộ	1	Sơ đồ tĩnh điện	Korea - VN
19	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ thống	1	Ống nước: PVC Ống khí: Sắt tráng kẽm	Việt Nam

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
				Ống hóa chất: PE lồng PVC	

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Bệnh viện hoạt động trong lĩnh vực y tế nên không có nguồn phát sinh khí thải, vì vậy bệnh viện không có công trình xử lý khí thải. Nguồn phát sinh khí thải của bệnh viện chủ yếu phát sinh từ hoạt động giao thông, khí thải máy phát điện. Tuy nhiên nguồn phát sinh này không đáng kể.

Khí thải sinh ra chủ yếu từ các phương tiện giao thông khi ra vào bệnh viện. Lượng xe ra vào chiếm đa số là xe máy, xe ô tô nhỏ. Bệnh viện đã hạn chế ô nhiễm bằng các biện pháp:

- Giảm tốc độ xe lưu thông trên tuyến đường vào bệnh viện.
- Sử dụng nhiên liệu đạt chuẩn đúng với thiết kế của động cơ.
- Các hơi dung môi trong quá trình khám chữa bệnh được giám sát chặt chẽ, thực hiện các biện pháp an toàn lao động để đảm bảo an toàn cho cán bộ tiếp xúc trực tiếp với hóa chất, được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió hiệu quả bằng hệ thống máy lạnh và quạt hút gió.
- Thường xuyên dọn vệ sinh lau chùi các phòng ban của bệnh viện.
- Trang bị các thiết bị khám chữa bệnh phải có xuất xứ rõ ràng, kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Bệnh viện sử dụng máy phát điện ứng phó sự cố khi mất điện. Tuy nhiên tình trạng mất điện rất ít xảy ra. Để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh, bệnh viện đã lắp đặt ống khói có độ cao 10m. Nhiên liệu dùng là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,5%). Máy phát điện được bố trí cách xa khu vực làm việc, văn phòng hạn chế ảnh hưởng đến người xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt của Bệnh viện phát sinh chủ yếu là chai, vỏ lon, túi nilon, thức ăn thừa... CTR sinh hoạt của Bệnh viện được thu gom và lưu trữ trong các thùng rác đặt dọc các hành lang khu khám để thu gom đưa về nhà rác sinh hoạt, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý mỗi ngày theo Hợp đồng số 147-RSH/HĐ – KT/23 giữa Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào Thuận An với Chi nhánh Xử lý Chất thải – Công ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương.

Bảng 3.3: Thống kê chất thải rắn phát sinh của Bệnh viện

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng 2022 (Kg)	Đơn vị tiếp nhận	Khối lượng 2021 (kg)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	500	Chi nhánh Xử lý Chất thải – Công ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương	250
2	Chất thải y tế không dính máu, dịch và chất hóa học	3.015		4.134

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

3	Chai lọ thủy tinh, vật liệu nhựa, chất thải văn phòng	3.125		4.594
Tổng khối lượng		6.640		8.978

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại: CTNH của dự án được thu gom và lưu trữ trong các thùng rác có màu vàng và đen dùng để thu gom và đưa về kho lưu trữ chất thải rắn, đảm bảo thời gian lưu trữ không quá 48h, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo Hợp đồng số 1308-RNH/HĐ – KT/20 giữa Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào Thuận An với Chi nhánh Xử lý Chất thải – Công ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương.

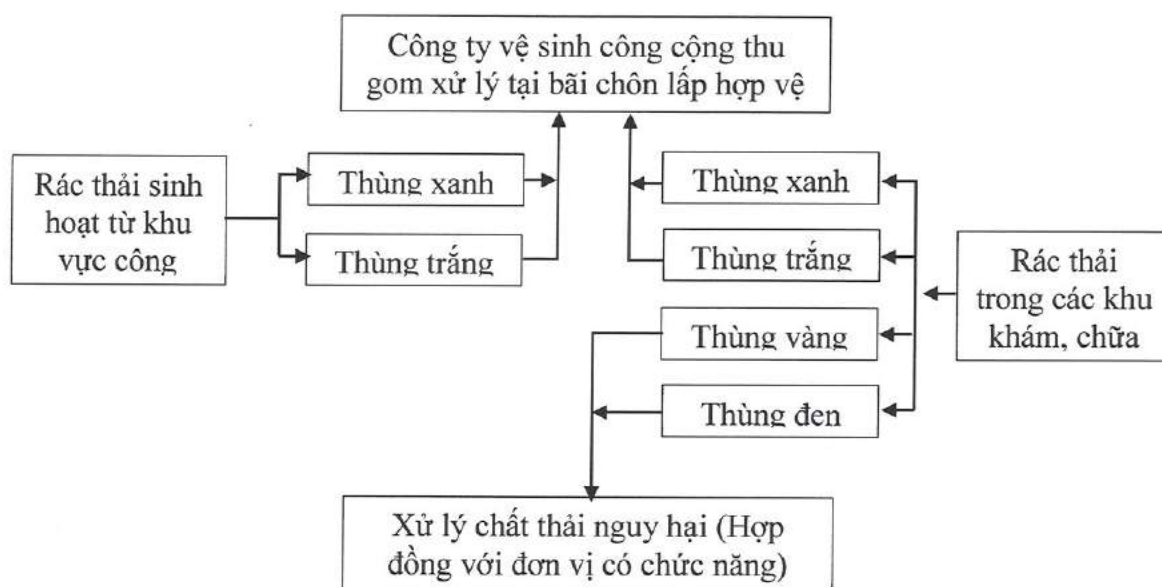
Bảng 3.4: Thống kê lượng chất thải phát sinh của Nhà máy

T T	Nhóm CTRSH	Mã CTNH	Khối lượng 2022 (Kg)	Phương pháp xử lý	Đơn vị tiếp nhận	Khối lượng 2021 (kg)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	578	TĐ	Chi nhánh Xử lý Chất thải – Công ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương; Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX	576
2	Chất lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	5.466	TĐ		3.081
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0	HR		9
Tổng khối lượng			6.044			3.666

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An

➤ **Quy trình vận hành:**

Quy trình vận chuyển thu gom chất thải rắn tại bệnh viện



Hình 3.4: Quy trình xử lý chất thải

Phân loại:

Công ty thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo đúng yêu cầu kỹ thuật như: các thùng chứa CTNH, nhà chứa CTNH phải được dán nhãn theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

- Thực hiện dán nhãn, mã số chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại đối với từng loại chất thải.
- Hướng dẫn công nhân cách thức phân loại, lưu chứa đúng loại chất thải theo nhãn và dấu hiệu nhận biết dán trên các thùng chứa.

Lưu trữ:

Công ty thu gom lưu chứa chất thải nguy hại vào khu vực lưu chứa riêng biệt. Khu lưu chứa được thiết kế với kết cấu nền bê tông, có mái che, có bờ chống tràn, cửa khóa riêng biệt đảm bảo không bị phát tán và rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường; có dán nhãn cảnh báo theo đúng quy định. Có trang bị PCCC theo quy định.

- Có mái che kín nắng, mưa, cửa khóa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu chống thấm.
- Có phân chia cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác.

Xử lý:

Hợp đồng với Chi nhánh Xử lý Chất thải – Công ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương để thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định với tần suất 1 tháng/lần.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình hoạt động của Công ty có phát sinh tiếng ồn, để kiểm soát được tiếng ồn ta có thể áp dụng một số giải pháp sau:

- Đối với tác động tiếng ồn nói chung, các khu vực phát sinh nguồn ồn như: khu vực đặt máy hấp, bãi xe, được tách riêng và được cách âm bằng tường dày và cửa kính.

- Tạo các vách ngăn chống ồn;
- Thiết kế móng đàn hồi cho thiết bị để chống rung và giảm ồn;
- Kiểm tra định kỳ, bôi trơn hoặc thay thế các chi tiết hỏng.

Đồng thời, toàn bộ nhân viên làm việc tại Công ty được tập huấn về môi trường, vệ sinh an toàn lao động và tạo hình ảnh kinh doanh thông qua hình thức trưng bày và môi trường sạch đẹp.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phương án phòng ngừa.

Phòng chống hư, hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu

Thường xuyên kiểm tra định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu. Kịp thời phát hiện và thay thế các thiết bị hư hỏng, không sử dụng được.

Phòng chống rò rỉ hóa chất, nhiên liệu

Lựa chọn, trang bị các dụng cụ, thiết bị dẫn hóa chất, nhiên liệu; thiết bị chứa hóa chất đảm bảo chất lượng, phù hợp với mục đích sử dụng. Kiểm tra các đường ống dẫn hóa chất, tránh bị rỉ sét và nứt do thời tiết. Kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng, kém chất lượng, không phù hợp. Quán triệt cho cán bộ, nhân viên làm việc tại phòng khám có liên quan đến hóa chất, nhiên liệu tính cẩn thận, tinh thần trách nhiệm cao.

Phòng chống cháy nổ

- Yêu cầu chung

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, cơ sở sẽ xây dựng các phương án trên cơ sở các tiêu chuẩn sau:

- + TCVN 2622-78: Tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình.
- + TCVN 3254-89: An toàn cháy – Yêu cầu chung
- + TCVN 5760-93: Hệ thống chữa cháy yêu cầu thiết kế, lắp đặt và sử dụng.

- Trang thiết bị an toàn và hệ thống chống sét

Trang thiết bị an toàn phòng chống cháy nổ:

- Chủ cơ sở sẽ trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC cần thiết theo yêu cầu của cơ quan công an PCCC địa phương. Bao gồm việc xây dựng nội quy PCCC, trang bị các bình chữa cháy cá nhân, xây dựng bể dự trữ nước chữa cháy.

- Đối với các loại hoá chất, dung môi dễ cháy, bình oxy... sẽ được lưu trữ trong các khu cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các kho chứa dung môi được trang bị các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy.

- Trong khu vực khám chữa bệnh sẽ lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

- Thành lập đội cứu hoả tại bệnh viện. Trang bị các phương tiện cứu hoả như: bình chữa cháy (bọt CO₂, nước), xô chữa cháy..., xây dựng nội quy phòng chữa cháy và khu bảo vệ phòng cháy.

- Trong khu vực có thể gây cháy tuyệt đối nghiêm cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa, cấm đi dầy đóng đinh dưới để nhằm tránh phát tia lửa do ma sát.

Thiết kế chống sét công trình và mạng lưới tiếp địa:

- Trên công trình bố trí các kim thu sét bằng thép mạ kẽm Ø24mm, dài 2,5cm. Kim thu sét hàn vào các đỉnh vì kèo hoặc đặt trên mái, có biện pháp chống dột. Trên các bờ nóc có các dây thu sét bằng thép Ø10mm.

- Dây dẫn sét có thể sử dụng vì kèo, hoặc dây dẫn bằng thép Ø10mm nối các bộ phận thu sét với tiếp địa. Bộ phận tiếp địa cấu tạo từ các cọc tiếp địa thẳng đứng làm từ thép góc 50x50x5mm, dài 2,5cm, hàn liên kết với tiếp địa ngang bằng thép tròn Ø14mm, chôn sâu 0,7m, điện trở tiếp địa tính toán Ø10m.

- Tất cả vỏ thiết bị điện trạm biến áp, thiết bị công nghệ, tủ, hộp điện vỏ cáp và các kết cấu kim loại khác dùng để lắp đặt thiết bị điện và hệ thống điện được nối đất phù hợp với chế độ của điện trung tính của máy biến thế nguồn, thông qua một mạng lưới tiếp địa bằng dây đồng trần, điện trở tiếp địa thiết bị Ø4m.

Không chế ô nhiễm do khí thải máy phát điện

Máy phát điện chỉ để phòng ngừa sự cố mất điện nên nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, để giảm thiểu sự ô nhiễm của khí thải sinh ra từ máy phát điện có thể giải quyết thông qua việc lắp đặt ống khói có đường kính chiều cao phù hợp là 10 m.

Ngoài ra, bệnh viện sẽ dùng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,5%) để chạy máy phát điện nên đã giảm thiểu khả năng ô nhiễm khí thải.

Không chế ô nhiễm do hóa chất bay hơi

Hơi hóa chất, dung môi bay hơi, hơi xả lò hấp sinh ra từ các khu vực phòng khám, điều trị, phòng thanh trùng, phòng xét nghiệm, ... được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió hiệu quả, hoạt động liên tục với lưu lượng luôn đảm bảo khả năng trao đổi 20 - 40 lần khí sạch với bên ngoài (quạt trần, quạt cây, máy lạnh, quạt hút).

Riêng phòng xét nghiệm sẽ được bố trí 01 tủ hút cách ly với chụp hút và ống thải cao để thu gom phát tán hơi dung môi hóa chất ra ngoài.

Ngoài ra, để giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi tại các khu vực như phòng khám, buồng bệnh, ... các biện pháp sau có thể áp dụng trong suốt quá trình hoạt động sau này của bệnh viện, bao gồm:

Áp dụng biện pháp kháng mùi và che mùi trên cơ sở sử dụng các chất kháng mùi và che mùi như phun nước hoa cục bộ vào những nơi thường phát sinh mùi hôi.

Áp dụng biện pháp xử lý mùi hôi bằng thiết bị sản xuất Ozon quy mô nhỏ, được lắp đặt trên tường nhà.

Tăng cường công tác vệ sinh bệnh viện, lau, rửa thường xuyên những nơi phát sinh mùi hôi.

Biện pháp an toàn bức xạ X quang y tế

Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp an toàn bức xạ đúng theo qui định tại thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/06/2014 giữa Bộ Trưởng Bộ Khoa

Học và Công Nghệ Và Bộ Trưởng Bộ Y Tế về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế. Đồng thời, việc xây dựng, bố trí các thiết bị có khả năng bức xạ có hại tới con người được tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành được quy định tại Quyết định số 32/2005/QĐ-BYT, ngày 31/10/2005 về việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế khoa chẩn đoán hình ảnh.

➤ *Phòng đặt thiết bị bức xạ*

- Cần đặt xa các khu vực đông người, khu vực khoa sản và khoa nhi, các khoa khác của bệnh viện không có liên quan trực tiếp đến bức xạ và phải cách xa lối đi công cộng.

- Phòng X - quang có kích thước theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam, cửa sổ thông khí không thấp hơn 2m so với sàn phía ngoài.

- Khi tính toán, thiết kế chiều dày tường, sàn, trần, cửa ra vào của phòng đặt thiết bị bức xạ phải chú ý các thông số của thiết bị (điện thế, cường độ dòng điện, hoặc hoạt độ phóng xạ của nguồn), hệ số sử dụng thiết bị, hệ số chiếm cứ của từng khu vực bên ngoài phòng đặt thiết bị nhằm đảm bảo giữ liều giới hạn hàng năm đối với dân chúng ở ngoài phòng là 1mSv.

- Thiết bị được che chắn để sao cho liều giới hạn hàng năm đối với nhân viên vận hành máy không vượt quá 20mSv.

➤ *Bố trí thiết bị bức xạ*

- Mỗi phòng chỉ đặt một thiết bị bức xạ. Thiết bị bức xạ phải đặt sao cho lúc sử dụng, tia chiếu không hướng vào tủ điều khiển, cửa ra vào, cửa sổ hoặc khu vực đông người.

- Tủ điều khiển thiết bị bức xạ phải đặt ngoài, sát phòng đặt thiết bị, phải có phương tiện quan sát bệnh nhân, có phương tiện thông tin giữa người điều khiển và bệnh nhân. Trường hợp thiết bị phát tia X làm việc ở điện áp nhỏ hơn 150KV, tủ điều khiển có thể đặt trong phòng đặt thiết bị nhưng phải có bình phong chì.

➤ *Tín hiệu cảnh báo*

- Đặt ở phía trên cửa ra vào phòng thiết bị bức xạ một đèn đỏ, phát sáng khi thiết bị bức xạ bắt đầu hoạt động.

- Đặt trên cửa ra vào phòng thiết bị bức xạ một biển cảnh báo bức xạ.

➤ *Che chắn chì hạn chế rò rỉ tia X*

- Chủ đầu tư sẽ có thiết kế che chắn chì (dày 2mm) xung quang tường, sàn, trần và cửa ra vào phòng đặt thiết bị phát tia X (máy X quang, máy CT).

- Khối lượng chì cần thiết cho việc che chắn các phòng đặt thiết bị là 1,5tấn.

Chống nhiễm khuẩn

- Phòng khám sẽ được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật về vô trùng, khử khuẩn đối với các dụng cụ y tế, vệ sinh khoa, phòng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm,...

- Các điều kiện thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn bao gồm: nước sạch, dụng cụ, phương tiện, hóa chất khử khuẩn...

➤ *Kỹ thuật vô khuẩn*

- Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong phải được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi loại bỏ hoặc dùng lại.
- Khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hóa chất phải đảm bảo đúng quy định, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc đúng nhiệt độ.
- Trước khi tiến hành các thủ thuật phẫu thuật, thủ thuật vô khuẩn, người thực hiện sẽ tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về vô khuẩn.
- Kỹ thuật vô khuẩn sẽ được tiến hành trong điều kiện vô khuẩn.
- *Trật tự, vệ sinh khoa và buồng bệnh*
- Các phòng sẽ được cấp đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô, chậu, xà phòng, dung dịch khử khuẩn ...
- Mỗi khoa có một đường nước cọ rửa dụng cụ, có đủ giá kệ bảo quản dụng cụ vệ sinh và đồ vải chờ mang đi giặt.
- Các thiết bị, dụng cụ y tế trong buồng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế.
- Có đủ thùng rác có nắp đậy, để trên hành lang, đủ để sử dụng cho người bệnh và các thành viên trong khoa.
- Trần, tường, bệ cửa, cánh cửa các khoa, buồng sẽ được giữ gìn luôn sạch, không có mạng nhện.
- Nền các buồng được lát gạch men hoặc vật liệu tương đối nhẵn, khô, không thấm nước, luôn sạch.
- Tường các buồng phẫu thuật, buồng hậu phẫu, buồng đẻ, buồng trẻ sơ sinh, buồng chăm sóc đặc biệt, buồng xét nghiệm, buồng tiêm được lát gạch men kính toàn bộ đến sát trần nhà.
- Phòng khám tổ chức giặt là tập trung nhưng sẽ tách giặt riêng các đồ vật sau:
 - + Quần áo các thành viên trong bệnh viện;
 - + Quần áo đồ vải người bệnh;
 - + Quần áo đồ vải của khoa truyền nhiễm.
- Người bệnh sẽ được mặc quần áo phòng khám theo quy chế trang phục y tế và vệ sinh cá nhân. Người bệnh sẽ được dùng đồ cá nhân riêng.
- Khi người bệnh chuyển khoa, chuyển viện hoặc ra viện, đặc biệt đối với người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm sẽ thực hiện ngay vệ sinh tẩy rửa buồng bệnh, đồ dùng cá nhân.
- Khi người bệnh tử vong, thi thể của bệnh nhân sẽ được vận chuyển và bảo quản theo quy chế giải quyết người bệnh tử vong và luật bảo vệ sức khỏe, buồng bệnh và đồ dùng cá nhân sẽ được tẩy uế và khử trùng ngay.
- Trường hợp người nhà được phép ở lại để phối hợp cùng chăm sóc phục vụ người bệnh sẽ thực hiện nội quy, giữ gìn vệ sinh và mặc quần áo bệnh viện.
- Nêu cao tinh thần gương mẫu vệ sinh cá nhân và vệ sinh chung, nơi làm việc vệ sinh ngăn nắp.
- Giám đốc phòng khám sẽ có trách nhiệm:
 - + Tổ chức và chỉ đạo công tác chống nhiễm khuẩn;

- + Bảo đảm trang bị các phương tiện khi làm việc;
- + Có kế hoạch tổ chức kiểm tra công tác chống nhiễm khuẩn.
- Trưởng khoa, trưởng phòng có trách nhiệm:
 - + Đôn đốc các thành viên trong khoa, phòng thực hiện quy chế chống nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - + Hàng ngày kiểm tra công tác giám sát vệ sinh, sạch sẽ bệnh viện. Vệ sinh vô khuẩn tại các khoa, buồng bệnh trong phạm vi phụ trách.
 - + Kết hợp giữa các khoa chống nhiễm khuẩn, khoa vi sinh định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra vi khuẩn về môi trường, buồng phẫu thuật, buồng thủ thuật, bàn tay phẫu thuật viên, nhân viên y tế làm thủ thuật và các dụng cụ triệt khuẩn.
 - + Kết hợp giữa các khoa chống nhiễm khuẩn, khoa vi sinh, khoa dinh dưỡng thực hiện định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định kỹ thuật phòng khám về dinh dưỡng.
 - + Thực hiện báo cáo theo quy định về kết quả thực hiện chống nhiễm khuẩn bệnh viện.
- *Trật tự vệ sinh ngoại cảnh*
 - Đường đi sẽ được dọn dẹp sạch, bằng phẳng, bảo đảm an toàn khi vận chuyển người bệnh.
 - Quần áo, đồ vải sẽ được phơi tập trung tại khu vực quy định.
 - Có nơi để xe tập trung cho các thành viên trong bệnh viện, học viên, người bệnh và gia đình người bệnh.
 - Có nơi tập trung chất thải rắn trong toàn bệnh viện, có đủ thùng chứa rác có nắp đậy ở nơi công cộng và trên đường đi.
 - Chất thải được thu gom và xử lý đúng quy định.

Nhận xét: Các biện pháp chống nhiễm khuẩn nêu trên tuân thủ theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế, đảm bảo khả năng hạn chế đến mức tối đa nguy cơ lây lan, phát tán dịch bệnh đến con người và môi trường xung quanh, phòng khám sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống nhiễm khuẩn này.

Hạn chế rủi ro lây nhiễm từ hoạt động khám chữa bệnh

Nguy cơ lây nhiễm bệnh của cán bộ nhân viên y tế là rất ít, thực tế không có khả năng lây bệnh qua phục vụ, săn sóc, hộ lý nếu được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ y tế khi tiếp xúc với bệnh nhân như áo blouse, găng tay, kính,... và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy tắc an toàn khi làm việc. Bên cạnh đó, khả năng lây nhiễm ra cộng đồng là không có nếu chất thải y tế và nước thải của phòng khám được xử lý theo đúng quy định của Nhà nước.

Quy trình phòng chống và ứng cứu sự cố

Huấn luyện thường xuyên cho cán bộ công nhân viên và đội phòng chống sự cố của Phòng khám nhằm duy trì khả năng giải quyết tại chỗ.

Tại các khu vực chứa hoá chất dễ cháy, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng.

Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng của nhà nước. Các thiết bị này phải có đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất,... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật.

Các loại nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

Cán bộ công nhân viên không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực có thể gây cháy. Tất cả các hoạt động sửa chữa, hàn cắt, phải được giám sát nghiêm ngặt.

3.6.2. Ứng phó sự cố môi trường

Kho chứa chất thải:

- Xây dựng nhà kho lưu trữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.
- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế khoảng cách theo quy định lưu trữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác của các chất thải và khả năng xảy ra sự cố trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu trữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.
- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải y tế: Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và chất thải y tế theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải y tế.

Hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí). Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.
- Đối với các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp nước: thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên các hệ thống cấp thoát nước để phát hiện sớm các sự cố.
- Đối với hệ thống xử lý nước thải:
 - + Công ty đã tính toán thiết kế công suất hệ thống xử lý nước thải ứng với trường hợp nước thải cao nhất.
 - + Bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.
 - + Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
 - + Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.
 - + Những người vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được đào tạo các kiến thức về: Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải; Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị; cách sử lý các sự cố đơn giản khi cần thiết cấp bách; Thực hành các thao tác vận hành hệ thống và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

+ Yêu cầu đối với cán bộ vận hành đối với các sự cố thường gặp: Phải lập tức báo cáo với cấp trên khi có sự cố xảy ra đồng thời tiến hành khắc phục sự cố và nhận chỉ đạo từ cấp trên. Nếu chưa thể khắc phục được thì phải xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn về tài sản; 3- An toàn công việc.

+ Viết biên bản báo cáo sự việc và lưu hồ sơ.

+ Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải hư hỏng, ngưng hoạt động thì bệnh viện cam kết ngưng hoạt động các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải để tiến hành khắc phục cho đến khi hệ thống hoạt động bình thường trở lại.

+ Trong năm 2022, Bệnh viện không phát sinh sự cố môi trường trong quá trình hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt:

- Phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám.
- Phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt của bệnh nhân.

Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động khám điều trị nội, ngoại trú, giặt ủi quần áo bệnh nhân của bệnh viện.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh là: $Q_{\text{ngày}} = 50 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

4.1.3. Dòng nước thải:

01 (một) dòng nước thải sau khi xử lý qua HTXLNT $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm sẽ được dẫn theo đường ống dẫn nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Các chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn QCVN 28: 2010/BTNMT (cột B, K=1,2)
1	pH	6,5 – 8,5
2	BOD5	60
3	COD	120
4	TSS	120
5	Nitrat (tính theo N)	60
6	Phosphat (tính theo P)	12
7	Tổng Coliform	5.000

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố. Tọa độ X=12.04.148; Y=06.88.785
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy
- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Ba Bò → Sông Sài Gòn.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 28: 2010/BTNMT (cột B, K=1,2)

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải phát sinh từ ống khói máy phát điện, công suất máy phát điện là 250KVA

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Lưu lượng xả thải tối đa: $P < 5.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

4.2.3. Dòng khí thải:

Dòng khí thải từ máy phát điện công suất 250KVA (Không phát sinh thường xuyên)

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng khí thải

Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Bụi, CO, NO₂, SO₂, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm tham khảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19: 2009/BTNMT cụ thể như sau;

TT	Các chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, K _v =0,8)
1	Bụi tổng	200
2	CO	850
3	NO _x	1.000
4	SO ₂	500

4.2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải

- Vị trí xả khí thải: Tại ống khói sau máy phát điện.
- Phương thức, chế độ khí thải: tự thoát qua ống khói
- Nguồn tiếp nhận khí thải: môi trường xung quanh khu vực cơ sở.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Quá trình sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh rung động do va đập của các bộ phận cơ học của máy móc, thiết bị khám chữa bệnh, máy phát điện... sẽ truyền xuống sàn và lan truyền trong kết cấu đất nền. Độ rung của máy móc thiết bị sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe bệnh nhân và nhân viên phòng khám.

- Về tiếng ồn, căn cứ theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, Bệnh viện đề nghị được cấp phép giá trị giới hạn của tiếng ồn như sau: Giá trị giới hạn của tiếng ồn trong khu vực công cộng và dân cư (khu vực đặt máy phát điện) là ≤ 70dBA từ 6 giờ - 21 giờ và ≤ 55dBA từ 21 giờ - 6 giờ.

- Về độ rung, căn cứ theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, Bệnh viện đề nghị được cấp phép giá trị giới hạn của độ rung như sau: Giá trị giới hạn của độ rung (áp dụng cho khu vực đặc biệt): Từ 6 giờ - 21 giờ, gia tốc rung ≤ 70dB; từ 21 giờ - 6 giờ, gia tốc rung ≤ 60dB.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:

Bảng 4.2: Bảng đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

TT	Hạng mục	Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt và y tế không nguy hại	Chất thải nguy hại
1	Quy trình vận hành	<u>Phân loại:</u> Các loại rác thải sinh hoạt phát sinh sẽ được phân thành 02 loại chính như sau: - Rác hữu cơ – rác dễ phân hủy (chủ yếu là rác thực phẩm).	<u>Phân loại:</u> Công ty thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo đúng yêu cầu kỹ thuật như: các thùng chứa CTNH, nhà chứa CTNH phải

	- Rác còn lại – bao gồm các loại rác vô cơ và khó phân hủy. <u>Lưu trữ:</u> Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong thùng nhựa có dung tích 220 lít, có nắp đậy kín được bố trí ngay tại các nơi phát sinh (tại các phòng khám, hàng lang phòng khám...) <u>Phương thức thu gom:</u> Công ty thực hiện quét dọn đường bộ, đồng thời đặt các thùng chứa rác trong khu vực một cách hợp lý, tiến hành thu gom hằng ngày, tập kết các thùng tập trung tại khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt, đợi xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển đem đi xử lý. <u>Xử lý:</u> Công ty đã hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý để thu gom toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh với tần suất 01 ngày/lần. (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).	được dán nhãn theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau: - Thực hiện dán nhãn, mã số chất thải, dấu hiệu cảnh báo nguy hại đối với từng loại chất thải. - Hướng dẫn công nhân cách thức phân loại, lưu chứa đúng loại chất thải theo nhãn và dấu hiệu nhận biết dán trên các thùng chứa. <u>Lưu trữ:</u> Công ty thu gom lưu chứa chất thải nguy hại vào khu vực lưu chứa riêng với diện tích 4 m². Khu lưu chứa được thiết kế với kết cấu nền bê tông, có mái che, có bờ chống tràn, cửa khóa riêng biệt đảm bảo không bị phát tán và rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường; có dán nhãn cảnh báo theo đúng quy định. Có trang bị PCCC theo quy định. - Có mái che kín nắng, mưa, cửa khóa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu chống thấm. - Có phân chia cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác. <u>Xử lý:</u> Hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình
--	---	--

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

			Dương đề thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định với tần suất 1 tháng/lần
--	--	--	---

Nguồn: CNII - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

5.1.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:
 - + Thời gian đo đặc nước thải định kỳ theo từng đợt quan trắc của năm 2021 bao gồm: 31/03/2021; 21/05/2021; 30/09/2021; 03/12/2021.
 - + Thời gian đo đặc nước thải định kỳ theo từng đợt quan trắc của năm 2022 bao gồm: 29/03/2022; 08/06/2022; 06/09/2022; 09/11/2022.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: 1 mẫu HTXL nước thải sau xử lý.

Bảng 5.1: Danh mục điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Nước thải sau HTXL	NT	31/03/2021 21/05/2021 30/09/2021 03/12/2021 29/03/2022 08/06/2022 06/09/2022 09/11/2022	1204543	606654	Nước thải đầu ra của HTXL nước thải

Nguồn: Công ty TNHH TVMT Tân Huy Hoàng

- Thông số quan trắc:

Bảng 5.2: Danh mục thành phần, thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Thông số: pH, BOD, COD, Nitrat, TSS, Phosphat, Sunfua, Tổng Coliforms.	QCVN 28:2010/BTNMT cột B

Nguồn: Công ty TNHH TVMT Tân Huy Hoàng

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải qua các đợt quan trắc định kỳ, tất cả các chỉ tiêu giám sát trong nước thải đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

Kết quả mỗi thành phần quan trắc được tổng hợp vào bảng bên dưới:

Bảng 5.3 Kết quả quan trắc nước thải năm 2021

T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						
			pH	BOD ₅	COD	TSS	Nitrat	Phosphat	Tổng Coliform
			-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100 mL
1	Nước thải đầu vào của HTXL nước thải	NT-03	6,81	13	20	7,0	8,4	0,84	150
		NT-05	7,62	10	21	9	7,09	0,76	1,2x10 ³
		NT-09	7,59	9	20	8	6,63	0,69	1,5x10 ³
		NT-12	7,19	53	109	46	24,6	2,76	4,3x10 ³
QCVN 28: 2010/BTNM Cột B			6,5 – 8,5	50	100	100	50	10	5.000

Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2021

Bảng 5.4: Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

Bảng CVN Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số						
			pH	BOD ₅	COD	TSS	Nitrat	Phosphat	Tổng Coliform
			-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100 mL
1	Nước thải đầu vào của HTXL nước thải	NT-03	6,58	11	20	10	10,1	0,26	9,3x10 ²
		NT-06	6,67	13	25	14	12,4	0,35	1,2x10 ³
		NT-09	7,53	11	29	18	10,2	0,29	1,1x10 ³
		NT-11	8,32	16	35	21	12,6	0,42	1,4x10 ³
QCVN 28: 2010/BTNM Cột B			6,5 – 8,5	50	100	100	50	10	5.000

Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2022

Ghi chú:

- NT-03; NT-05; NT-09; NT-12: Ký hiệu mẫu nước thải sau HTXL lấy mẫu ngày 31/03/2021; 21/05/2021; 30/09/2021; 03/12/2021
- NT-03; NT-06; NT-09; NT-11: Ký hiệu mẫu nước thải sau HTXL lấy mẫu ngày 29/03/2022; 08/06/2022; 06/09/2022; 09/11/2022
- QCVN 28: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Kết luận: Qua kết quả giám sát, đo đạc chất lượng môi trường nước thải sau hệ thống xử lý của công ty năm 2021, 2022, cho thấy tất cả các chỉ tiêu giám sát trong nước thải sau hệ thống xử lý qua các đợt quan trắc định kỳ đều nằm trong ngưỡng cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

5.1.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải liên tục, tự động.

5.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

5.2.1. Xử lý khí thải

- Bệnh viện hoạt động trong lĩnh vực y tế nên không có nguồn phát sinh khí thải, vì vậy bệnh viện không có công trình xử lý khí thải. Nguồn phát sinh khí thải của bệnh viện chủ yếu từ hoạt động giao thông, khí thải máy phát điện. Tuy nhiên nguồn phát sinh này không đáng kể.

- Trong quá trình vận hành máy phát điện phát sinh một lượng khí thải có thành phần chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_x , CO , CO_2 , ...

5.2.2. Kết quả quan trắc khí thải

Quan trắc định kỳ khí thải

Để đánh giá được chất lượng không khí xung quanh và khu vực lao động tại Công ty, Công ty đã cho thuê đơn vị có chức năng tiến hành đo đạc, phân tích. Kết quả phân tích như sau:

Thời gian quan trắc năm 2021:

- Đợt 1: 31/03/2021
- Đợt 2: 21/05/2021
- Đợt 3: 30/09/2021
- Đợt 4: 03/12/2021

Thời gian quan trắc năm 2022:

- Đợt 1: 29/02/2022
- Đợt 2: 08/06/2022
- Đợt 3: 06/09/2022
- Đợt 4: 09/11/2022

Tần suất quan trắc: 3 tháng/ lần.

Vị trí quan trắc:

- 01 mẫu không khí tại khu vực cổng phòng khám
- 01 mẫu tại khu vực phòng chụp X quang

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

- QCVN 26: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và đảm bảo an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5.5: Thống kê vị trí điểm quan trắc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

T T	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Khu vực 1					
	Cổng phòng khám	KK1	31/03/2021 21/05/2021 30/09/2021 03/12/2021 29/02/2022 08/06/2022 06/09/2022 09/11/2022	120541	0600445	Khu vực cổng chính ra vào
2	Khu vực 2					
	Khu phòng chụp X Quang	KK2	31/03/2021 21/05/2021 30/09/2021 03/12/2021 29/02/2022 08/06/2022 06/09/2022 09/11/2022	-	-	

Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2022

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

- Nhìn chung các chỉ tiêu về không khí xung quanh và khí thải trong và ngoài công ty đều đạt chất lượng cho phép theo tiêu chuẩn cho phép.
- Kết quả mỗi thành phần quan trắc được tổng hợp thành các bảng bên dưới:

Bảng 5.6: Kết quả quan trắc năm 2021

T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số							
			Tiếng ồn	Nhiệt độ	Tia X	Tốc độ gió	Bụi	SO ₂	CO	NO ₂
			dBA	°C	mSv/hr	m/s	mg/m ³	mg/m ₃	mg/m ³	mg/ m ³
1	Khu vực 1	KK1-03	56,7	32,9	-	61,6	0,243	0,077	4,515	0,059
		KK1-05	61,3	31,2	-	0,6	0,238	0,072	4,380	0,053
		KK1-09	60,8	30,6	-	0,6	0,221	0,059	5,709	0,047
		KK1-12	66,5	32,0	-	0,7	0,233	0,54	5,617	0,39
QCVN 05:2013/BTNMT			-	-	-	-	0,3	0,2	30	0,35
QCVN 26:2010/BTNMT			70	-	-	-	-	-	-	-
2		KK2-03	61,6	27,7	0,001	0,3	0,38	0,13	5,13	0,1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

Khu vực 2	KK2-06	56,6	29,1	0,002	0,3	0,35	0,13	5,19	0,11
	KK2-09	54,8	28,7	0,002	0,5	0,3	0,11	5,12	0,091
	KK2-11	47,9	26,1	0	0,3	KPH	0,16	5,37	0,12
QCVN 03:2019/BYT		-	-	-	-	-	3,13	12,5	3,13
QCVN 02:2019/BYT		-	-	-	-	5	-	-	-
TT19/2012/TT-BKHCN		-	-	0,011	-	-	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT		≤85	-	-	-	-	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT		-	18-32	40-80	0,2-1,5	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2021

Bảng 5.7: Kết quả quan trắc năm 2022

Bảng 01. Kết quả quan trắc năm 2022

T	T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số							
				Tiếng ồn	Nhiệt độ	Tia X	Tốc độ gió	Bụi	SO ₂	CO	NO ₂
				dBA	°C	mSv/hr	m/s	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	Khu vực 1	KK1-03	55,5	31,5	-	0,6	0,225	0,059	5,359	0,036	
		KK1-06	60,8	30,0	-	0,6	0,217	0,064	5,307	0,041	
		KK1-09	61,2	29,4	-	0,6	0,206	0,063	4,589	0,066	
		KK1-11	60,8	29,8	-	0,6	0,233	0,056	4,263	0,058	
QCVN 05:2013/BTNMT			-	-	-	-	0,3	0,35	30	0,2	
QCVN 26:2010/BTNMT			70	-	-	-	-	-	-	-	
2	Khu vực 2	KK2-03	52,7	29,3	0,00015	0,4	0,32	0,099	0,16	5,27	
		KK2-06	55,2	29,6	0,00024	0,4	0,23	0,014	0,24	5,35	
		KK2-09	56,4	28,3	0,00024	0,4	0,34	0,086	0,16	5,12	
		KK2-11	55,1	28,2	0,00031	0,3	0,37	0,089	0,14	5,23	
QCVN 03:2019/BYT			-	-	-	-	-	3,13	12,5	3,13	
QCVN 02:2019/BYT			-	-	-	-	5	-	-	-	
TT19/2012/TT-BKHCN			-	-	0,011	-	-	-	-	-	
QCVN 24:2016/BYT			≤85	-	-	-	-	-	-	-	
QCVN 26:2016/BYT			-	18-32	40-80	0,2-1,5	-	-	-	-	

Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2022

- Kết luận:

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng không khí tại các vị trí: bên ngoài và bên trong công ty đều đạt tiêu chuẩn quy định. Các chỉ tiêu đều thấp hơn mức quy định trong QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT, TT19/2012/TT-BKHCN, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT. Nghĩa là không tại công ty đạt yêu cầu cho phép và không gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân viên, khách hàng và người dân xung quanh.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần. Do đó, sau khi được cấp Giấy phép môi trường, Công ty lập kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường như sau:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm là từ 3 -6 tháng, kể từ ngày giấy phép môi trường được cấp. Công trình, thiết bị xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện với công suất 50 m³/ngày đêm.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

+ *Giai đoạn 1 – giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của từng công trình xử lý:* Thời gian dự kiến trong vòng 45 ngày, tần suất lấy mẫu 15 ngày/lần, lấy 5 lần. Vị trí lấy mẫu tổ hợp tại đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý, với thông số ô nhiễm đặc trưng theo ĐTM đã được duyệt.

+ *Giai đoạn 2 – giai đoạn đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý:* Thời gian dự kiến liên tục trong vòng 7 ngày liên tiếp sau khi thực hiện xong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải, tần suất 1 ngày/1 lần, bao gồm 1 mẫu đầu vào và 07 mẫu đầu ra của trạm XLNT, và 7 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý trước khi thải ra môi trường. Dự kiến trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công suất nước thải đạt 50m³/ngày.đêm

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu:

Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải

Số lần đo đạc, lấy mẫu và phân tích các mẫu: 3 lần trong 3 thời điểm khác nhau trong ngày tại đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý (tối thiểu 15 ngày/lần).

Bảng 6.1: Thời gian lấy mẫu trong giai đoạn điều chỉnh

TT	Tần suất lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời điểm tiến hành lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích
I	Nước thải					
1	Lần 1	Ngày 15	8h-12h-16h	Mẫu nước thải đầu vào và đầu		pH, BOD ₅ , COD, TSS, Phosphate

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường năm 2023

TT	Tần suất lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời điểm tiến hành lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích
2	Lần 2	Ngày 30	8h-12h-16h	ra HTXLNT		(PO ₄ ³⁻), Nitrat (NO ₃), Coliform.
3	Lần 3	Ngày 45	8h-12h-16h			

Ghi chú: Phương thức lấy mẫu theo kiểu mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 3 thời điểm khác nhau được trình bày cụ thể tại Bảng 5.8 và Bảng 5.9, sau đó trộn đều 3 mẫu lấy tại 3 thời điểm khác nhau và tiến hành gửi mẫu phân tích đối với nước thải.

Đối với khí thải: mẫu tổ hợp được lấy theo phương pháp lấy mẫu liên tục để đo đặc, phân tích các thông số theo quy định hoặc mẫu tổ hợp được xác định kết quả là giá trị trung bình của 3 kết quả đo đặc của các thiết bị đo nhanh hiện trường tại 3 thời điểm khác nhau.

Giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý

Số lần đo đặc, lấy mẫu và phân tích các mẫu: 3 lần trong 3 ngày liên tiếp; trong trường hợp không thể đo đặc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì Công ty sẽ phối hợp với đơn vị lấy mẫu thực hiện đo đặc, lấy và phân tích mẫu sang ngày tiếp theo.

Bảng 6.2: Thời gian lấy mẫu nước thải trong giai đoạn vận hành ổn định.

TT	Tần suất lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời điểm tiến hành lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích
I	Nước thải					
1	Lần 1	Đầu vào HTXLNT	Ngày thứ 46	09h30		pH, BOD ₅ , COD, TSS, Phosphate (PO ₄ ³⁻), Nitrat (NO ₃), Coliform.
2	Lần 1	Đầu ra HTXLNT	Ngày thứ 46	09h30		
3	Lần 2		Ngày thứ 47	09h30		
4	Lần 3		Ngày thứ 48	09h30		

Quy chuẩn so sánh: Nước thải: QCVN 28:2010/BTNMT, cột B

Ghi chú:

Phương thức lấy mẫu theo kiểu mẫu đơn.

Nước thải đầu vào được lấy tần suất 1 lần, riêng mẫu nước thải đầu ra lấy 03 ngày liên tiếp.

6.1.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý trong giai đoạn điều chỉnh:

Bảng 6.3: Kế hoạch lấy mẫu để đánh giá hiệu quả xử lý giai đoạn điều chỉnh

Loại mẫu	Loại mẫu	Ngày lấy mẫu			Chỉ tiêu đặc trưng từng công đoạn	Số lượng mẫu
	tổ hợp	Lần 1	Lần 2	Lần 3		
Nước thải (mẫu tổ hợp)	Mẫu đầu vào (bể thu gom)	Ngày 15	Ngày 30	Ngày 45	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Phosphate (PO ₄ ³⁻), Nitrat (NO ₃), Coliform.	3
	Mẫu đầu ra (Sau khi qua bể khử trùng - T11)	Ngày 15	Ngày 30	Ngày 45		3
Tổng cộng						6

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý hệ thống xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành ổn định

Bảng 6.4: Kế hoạch cụ thể thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải tại trước và sau HTXL

STT	Mẫu	Thời gian lấy mẫu	Vị trí	Chỉ tiêu	Số lượng mẫu
I	Nước thải				
1	Mẫu đơn nước thải đầu vào	Ngày thứ 50	Đầu vào HTXLNT	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Phosphate (PO ₄ ³⁻), Nitrat (NO ₃), Coliform.	1
2	Mẫu đơn nước thải đầu ra lần 1	Ngày thứ 50	Đầu ra HTXLNT		2
3	Mẫu đơn nước thải đầu ra lần 2	Ngày thứ 51			2
4	Mẫu đơn nước thải đầu ra lần 3	Ngày thứ 52			2
Tổng cộng					7

Quy chuẩn so sánh: Nước thải: QCVN 28:2010/BTNMT, cột B

6.1.4. Đơn vị thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích

Tên đơn vị dự kiến: Công ty CP KH MT &ATLD Miền Nam

- Địa chỉ: 190 đường III, KDC Intresco, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp.HCM.
- Tel: 0972.680.108

Công ty CP KH MT & ATLD Miền Nam đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 266 tại quyết định số 1777/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 8 năm 2020 về

việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Hoặc Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng lấy mẫu theo quy định

6.2. Chương trình quan trắc nước thải định kỳ

6.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống XLNT
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Phosphate (PO₄³⁻), Nitrat (NO₃), Coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/ lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT cột B (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế).

6.2.2. Giám sát chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nguy hại)

Nội dung giám sát: Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Chủ đầu tư sẽ giám sát: khối lượng, thành phần và chứng từ thu gom.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.
- Tần suất thu gom, xử lý: 01 tháng/lần.

Nhật ký quản lý chất thải rắn của chủ đầu tư sẽ được lưu giữ, định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý môi trường (01 năm/lần).

6.2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm được tổng hợp như sau:

Bảng 6.5: Kinh phí thực hiện chương trình quan trắc

STT	Hạng mục	Số đợt quan trắc	Thành tiền
1	Quan trắc nước thải	1	10.000.000
2	Quan trắc môi trường không khí	1	5.500.000
3	Chi phí khác (lấy mẫu, xe)	1	5.000.000
Tổng			20.500.000

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần đây, Chi Nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An chưa tiếp các đoàn thanh, kiểm tra. Chi Nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An luôn tuân thủ luật Bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ việc quan trắc giám sát môi trường và báo cáo đầy đủ về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương với đầy đủ thông số theo quy định.



CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Trong quá trình hoạt động của xưởng sản xuất, Công ty cam kết bảo đảm xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (TCVN) cụ thể:

Chi Nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An xin cam kết thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của “Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An”, cụ thể:

- Độ ồn và rung động: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của cơ sở sẽ đạt Tiêu chuẩn Giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT).
- Chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn khu vực sản xuất đạt QCVN 22:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; TCVN 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; TT19/2012/TT-BKHCN. Khí thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.
- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom nước thải;
- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải phải đạt QCVN 28: 2010/BTNMT (cột B, K=1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.
- Chất thải rắn sản xuất và sinh hoạt sẽ được quản lý và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.
- Chất thải nguy hại sẽ tuân thủ theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.
- Công ty cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ cơ sở đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà chủ cơ sở đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải của quy trình sản xuất thì chủ cơ sở sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.
- Công ty cam kết tuân thủ quy định hiện hành về việc kiểm định máy móc thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp (Quyết định 136/2004/QĐ-BCT ngày 19/11/2004 của Bộ công nghiệp nay là Bộ Công Thương, thông tư 32/2011/TT-BLĐTBXH ngày 14/11/2011 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động) theo đúng quy định.
- Thực hiện việc giám sát nguồn thải định kỳ theo quy định khi cơ sở đi vào hoạt động đúng như đã cam kết và định kỳ lập báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tối thiểu 1 lần/năm.

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	45
Phụ lục 2 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê nhà đất.....	46
Phụ lục 3 - Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải và biên bản nghiệm thu bàn giao công trình.	47
Phụ lục 4 - Công văn nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải của Chi Nhánh II Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An.	48
Phụ lục 5 – Hợp đồng đấu nối vào hệ thoát nước.....	49
Phụ lục 6 - Giấy phép xả thải vào nguồn nước.	50
Phụ lục 7 - Sổ chủ nguồn thải.	51
Phụ lục 8 - Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn thông thường	52
Phụ lục 9 - Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.....	53
Phụ lục 10 - Phiếu kết quả quan trắc môi trường 2021, 2022.....	54
Phụ lục 11 – Quyết định phê duyệt DTM và Hồ sơ điều chỉnh nội dung Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường.	55
Phụ lục 12- Hóa đơn điện 2022.....	56
Phụ lục 13 - Hóa đơn nước 2022.....	57
Phụ lục 14 - Chứng từ thu gom chất thải.....	58

Phụ lục 1 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3700681695-002

Đăng ký lần đầu, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 27 tháng 01 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO - THUẬN AN

2. Địa chỉ:

Số 344B Đường BH22, Khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 08.2080043

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TATSUYA YAMADA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/09/1980

Dân tộc:

Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TT1497288

Ngày cấp: 07/07/2020

Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: Kanagawa-ken, Aoba-ku, Utsukushigaoka nishi 2-15-9, Sunkutasuhyuman tama puraza, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: T3-A33.05 Masteri Thảo Điền, 159 Xa Lộ Hà Nội, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

Mã số doanh nghiệp: 3700681695

Địa chỉ trụ sở chính: 26/14 Khu phố Bình Dương 2, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 9864 quyền số 05-SCT/BS
Ngày 05 tháng 05 năm 2022

TU. CHỦ TỊCH

TU. PHÁP. HỘ TỊCH



Nguyễn Hồng Chính

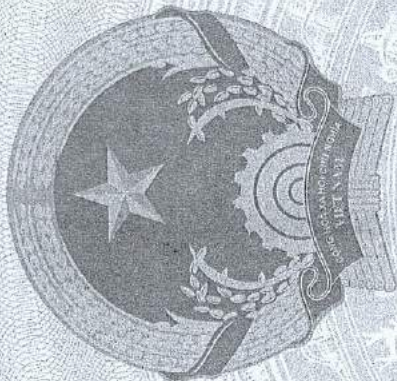


TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH

Nguyễn Thanh An

**Phụ lục 2 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng
thuê nhà đất.**



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: Phạm Phan Hải Yến

Năm sinh: 1984, CMND số: 023878432

Địa chỉ thường trú: 18/4 đường 3, tổ 7, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

BY 907740

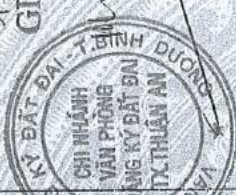
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Ngày 22/8/2019



Đỗ Thị Hồng Nhung

13/11/2019
GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Hồng Nhung



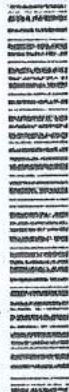
Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thành đất ở tại đô thị (ODT) với diện tích 338,9m² thửa 378, tờ bản đồ số 136, thời hạn sử dụng: lâu dài, theo QĐ số: 6891/QĐ-UBND ngày 01/11/2019, theo hồ sơ số: 003545.CM.005

Diện tích sau khi chuyển mục đích: 838,9m² ODT

Diện tích sau khi chuyển mục đích: 838,9m² ODT

Diện tích sau khi chuyển mục đích: 838,9m² ODT

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2508715003545

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 378, tờ bản đồ số: 136
b) Địa chỉ: khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: 838,9m², (bảng chữ: Tám trăm ba mươi tám phẩy chín mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: ODT: Đất ở tại đô thị (500m²); HNK: Đất trồng cây hàng năm khác (338,9m²)
e) Thời hạn sử dụng: ODT: Lâu dài; HNK: sử dụng đến tháng 07/2019
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (ODT), Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (HNK)

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà ở cho thuê

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà ở cho thuê	450	2316	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

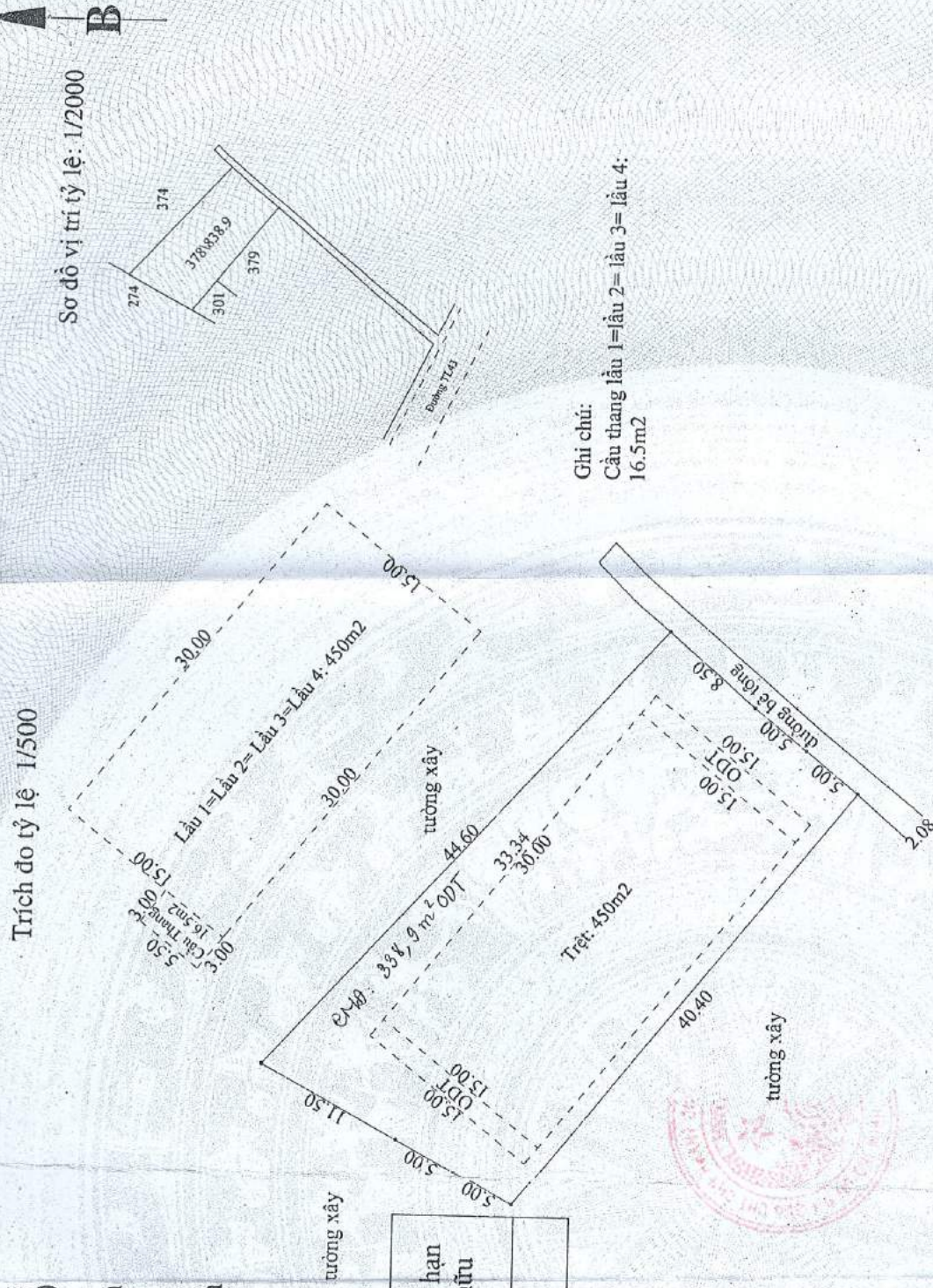
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Cấp đổi từ GCN số BP 142963 số vào sổ CH03526/BH ngày 27/02/2014 và cấp QSH công trình xây dựng

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Thuận An, ngày 11 tháng 12 năm 2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tâm

Số vào sổ cấp GCN: CH05500

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thuận An, địa chỉ: 30/1 Đại lộ Bình Dương, P.Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo hồ sơ số 069943.TC.CVP (đã đăng ký ngày 11/08/2014)

Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 11/08/2014 theo hồ sơ số 003545.XC.002

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Đỗ Thị Hồng Nhung

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Huyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 378

Tờ bản đồ số: 136

Số phát hành GCN: BY 907740

Số vào sổ cấp GCN: CH05500

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ: số 549 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, theo hồ sơ số 003545.TC.003



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Bích Huyền

Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 19/09/2016 theo hồ sơ số 003545.XC.006

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 002788 quyền số 02 -SCT/BS

Ngày 23 tháng 02 năm 20 23

TUQ. CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH



Thạch Hồng Chinh



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Bích Huyền



Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

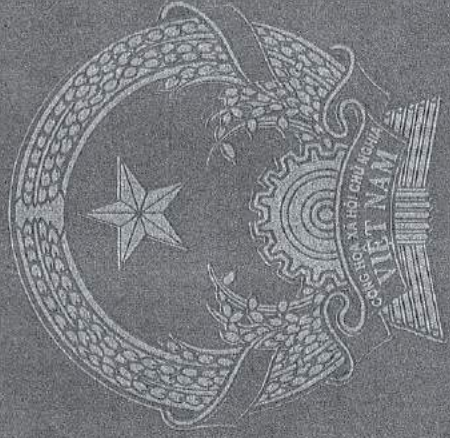
VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất với Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu theo hợp đồng thế chấp số 128/TV được Phòng Công chứng số 2 công chứng ngày 27/08/2007 Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn (ONT) với diện tích 323.2m² thuộc thửa 304 tờ 13(F3), thời hạn sử dụng lâu dài theo QĐ số: QĐ-UBND ngày 14-12-2007 - Diện tích sau khi chuyển mục đích: 482.9m² trong đó: 423.2m²ONT, 59.7m²HLATDB. Xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất vào lúc 14 giờ 40 phút ngày 10/03/2008. Thế chấp bằng quyền sử dụng đất với Chi nhánh Ngân hàng NN và PTNT Thủ Đức- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam theo hợp đồng thế chấp số: 01.94184HDTG được Phòng công chứng số 2 công chứng ngày 12/03/2008.	Ngày 25/12/2007 TM. WNN PCT Phạm Thị Thu Phạm Thị Thu

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHÂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi các bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SÖAI 734857

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN

HUYỆN THUẬN AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Bà Phạm Phan Hai Yến

Sinh năm 1984, Số CMTND: 023878432 cấp ngày 15/02/2001 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: 47/1, QL 1K, phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

- Thửa đất số: 304
- Tờ bản đồ số: 13(F3)
- Địa chỉ thửa đất: ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 482,9 m²
Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi hai phẩy chín mét vuông
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 423,2 m²
 - + Sử dụng chung: không m²
- Mục đích sử dụng đất: ONT: Đất ở tại nông thôn (100m²); CLN: Đất trồng cây lâu năm (323,2m²)
- Thời hạn sử dụng đất: ONT: Lâu dài; CLN: Ngày 03/02/2049
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

Nhà cấp 4: 48,5m² tường xây, mái ngói, nền xi măng

IV- Ghi chú

59,7m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ (HLATDB): chỉ cho phép khai thác, sử dụng mang tính chất tạm thời và không được ảnh hưởng đến an toàn công trình. Khi nhà nước có yêu cầu sử dụng thì người sử dụng đất sử dụng hành lang phải di dời công trình trong thời hạn cho phép và tự chịu kinh phí theo Quyết định số 272/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của UBND tỉnh Bình Dương.

V- Sơ đồ thửa đất

Trích đồ tỷ lệ 1/500

Sơ đồ vị trí tỷ lệ: 1/2000



Ngày 14 tháng 8 năm 2007
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ƯU CHU TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Văn Ba

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00334 /BH

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 304

Tờ bản đồ số: 13 (F3)

Số phát hành GCN: AI 734857

Số vào sổ cấp GCN: H00894/BH

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ: 549 Đường Bình Dương, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo hồ sơ số 007658.TC.002



PHÓ GIÁM ĐỐC

Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 17/05/2016 theo hồ sơ số 007658.XC.003

Ngô Thị Bích Huyền

15.01.2020

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Bích Huyền

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 002788 quyền số 02 - SCT/BS

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

TU. CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH



Thạch Hồng Chinh



Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



Mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy		
Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Ký, đóng dấu)
(1)	(2)	(3)



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

- Chủ sở hữu có quyền và nghĩa vụ đối với nhà ở theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, nhận chia nhà ở phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận mới.
- Chủ sở hữu không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa, viết thêm bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận.
- Chủ sở hữu có trách nhiệm:
 - Giữ gìn, bảo quản giấy chứng nhận; trường hợp mất giấy chứng nhận phải báo ngay với công an phường, xã, thị trấn nơi gắn nhất và cơ quan cấp giấy.
 - Khi giấy chứng nhận bị hư hỏng, rách nát hoặc mục IV hết chỗ ghi thì chủ sở hữu phải đến cơ quan cấp giấy chứng nhận làm thủ tục để được cấp đổi giấy mới.

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN THUẬN AN

7	4	7	2	5	2	5	9	8	7	0	0	1	4	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

CHỨNG NHÂN

Mục I. Chủ sở hữu nhà ở

- Bà: PHẠM PHAN HẢI YẾN, sinh năm: 1984, CMND số: 023878432

- Ngày cấp: 15/02/2001, nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh.

Mục II. Thực trạng nhà ở

1/ Nhà ở	344B, ấp Đồng An, xã Bình Hòa huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.	1593,26	m ²
Địa chỉ:	Móng, cột, sàn BTCT, vách gạch, nền gạch ceramic, mái tole.		
Diện tích sàn (nhà ở, căn hộ):			
Kết cấu nhà:			
Cấp (hạng) nhà ở:	Cấp 2 (1 tầng hầm, 1 trệt, 2 lầu)		
Số tầng (tầng):	04		
Năm xây dựng:	2008		
Diện tích sàn nhà phụ (nếu có):		/	m ²
Thời hạn được sở hữu:			

Mục III, Mục IV ở trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Thuận An, ngày 27 tháng 10 năm 2009

TM. Ủy ban nhân dân huyện Thuận An

PHÓ CHỦ TỊCH



Qing Van Ba

Hồ sơ gốc số 0069/09/bH

Mục III. Sơ đồ nhà ở



CHHCHH*

- + Tổng DTXD : 1593,26 m² TRONG ĐỒ
- + DTXD bằng hầm : 392,37 m²
- + DTXD Trệt : 392,37 m²
- + DTXD Lầu 1 : 404,26 m²
- + DTXD Lầu 2 : 404,26 m²

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 304

Tờ bản đồ số: 13 (F3)

Số phát hành GCN: 747252598700149

Số vào sổ cấp GCN: 00139/09/BH

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ: 549 Đường Bình Dương, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo hồ sơ số 007658.TC.002



17/05/2016
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Bích Huyền
15.01.2020
PHÓ GIÁM ĐỐC

Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 17/05/2016 theo hồ sơ số 007658.XC.003



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực quyền số 02 SCT/BS

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

TU. CHỦ TỊCH

THỰC TỰ PHÁP-HỘ TỊCH



Chạch Hồng Chinh



Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Chúng tôi gồm có:

Bên chuyển nhượng (sau đây gọi là Bên A):

Bà : **PHẠM PHAN HẢI YẾN**
Năm sinh : 1984
Chứng minh nhân dân : 023878432 cấp ngày 09/09/2009 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng với chồng là Ông : **BÙI MINH THÀNH**
Năm sinh : 1984
Chứng minh nhân dân : 025644113 cấp ngày 30/05/2012 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng hộ khẩu thường trú tại : 18/4 đường 3, tổ 7, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên nhận chuyển nhượng (sau đây gọi là Bên B):

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

Trụ sở : 26/14 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Mã số doanh nghiệp: 3700681695, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký lần đầu ngày 15/12/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 13/12/2019.

Đại diện ông/bà : **MATSUNAGA HIROYUKI**, chức vụ: Tổng Giám đốc
Hộ chiếu số : TR8124938

Hai bên đồng ý giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với các nội dung thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHUYỂN NHƯỢNG

Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên A theo:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY907740 (số vào sổ cấp GCN: CH05500) do UBND thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/12/2015, đăng ký biến động lần cuối ngày 13/11/2019, có đặc điểm sau đây:

1. Thừa đất:

- Thừa đất số : 378
- Tờ bản đồ số : 136
- Địa chỉ : khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Diện tích : 838,9m² (Tám trăm ba mươi tám phẩy chín mét vuông)
- Hình thức sử dụng : Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng : ODT: Đất ở tại đô thị
- Thời hạn sử dụng đất : Lâu dài

2. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà ở cho thuê

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn (m2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà ở cho thuê	450	2316	Sở hữu riêng	cấp 3	-/-

II. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI734857 (số vào sổ cấp GCN: H00894/BH) do UBND huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/08/2007, đăng ký biến động lần cuối ngày 15/01/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở số 747252598700149 (số vào sổ cấp GCN: 00139/09/BH) do UBND huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 27/10/2009, đăng ký biến động lần cuối ngày 15/01/2020, có đặc điểm sau đây:

1. Thửa đất:

- Thửa đất số	: 304
- Tờ bản đồ số	: 13(F3)
- Địa chỉ	: ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An (nay là khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương
- Diện tích	: 482,9m2 (Bốn trăm tám mươi hai phẩy chín mét vuông)
- Hình thức sử dụng	: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng	: ONT: 423,2m2; 59,7m2 HLATĐB
- Thời hạn sử dụng đất	: ONT: lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng đất	: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

2. Nhà ở:

- Địa chỉ	: 344B, ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An (nay là khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An), tỉnh Bình Dương.
- Diện tích sàn (nhà ở, căn hộ)	: 1593,26m2
- Kết cấu nhà	: Móng, cột, sàn BTCT, vách gạch, nền gạch ceramic, mái tole
- Cấp (hạng) nhà ở	: Cấp 2 (1 tầng hầm, 1 trệt, 2 lầu)
- Số tầng (tầng)	: 04
- Năm xây dựng	: 2008

ĐIỀU 2

GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại điều 1 của hợp đồng này là: **124.952.230.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ chín trăm năm mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn Việt Nam đồng).

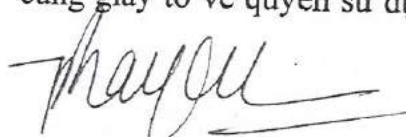
2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng theo thông tin tài khoản do Bên A cung cấp cho Bên B.

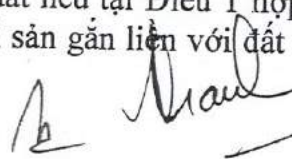
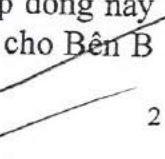
3. Việc thanh toán số tiền tại Khoản 1 điều này do hai bên tự thực hiện, đã hoàn thành và hai bên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 3

VIỆC GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Bên A có nghĩa vụ giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 hợp đồng này cùng giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Bên B

ngay khi hợp đồng được công chứng; trong thời gian chưa giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất thì Bên A có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản thửa đất và tài sản gắn liền với đất đó.

ĐIỀU 4

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Bên A có nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền; bên B sẽ phối hợp với bên A hoàn thành các thủ tục đăng ký đó.

2. Quyền sử dụng đối với thửa đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 hợp đồng này được chuyển cho bên B kể từ thời điểm: theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5

VIỆC NỘP THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

1. Bên A chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân và tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất và các khoản phí phát sinh từ việc chuyển quyền sử dụng đất cho Bên B để Bên B đứng tên là người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Bên B chịu trách nhiệm nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên Bên B.

3. Bên A chịu trách nhiệm nộp phí công chứng Hợp đồng này.

ĐIỀU 6

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Bên A có nghĩa vụ chuyển giao đất và tài sản gắn liền với đất đúng như đã thoả thuận tại Điều 1 nêu trên cho bên B, đồng thời giao toàn bộ giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản cho bên B; trong thời gian chưa giao đất bên A phải giữ gìn, bảo quản thửa đất và tài sản gắn liền với đất đó.

b. Chịu trách nhiệm pháp lý về đất và tài sản trên đất theo hợp đồng này trước pháp luật để bên B tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền.

c. Bên A có nghĩa vụ cùng với bên B hoàn thành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sang tên cho bên B.

d. Nộp thuế theo qui định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bên B.

b. Quyền sở hữu, sử dụng đối với thửa đất và tài sản gắn liền trên đất nêu tại Điều 1 hợp đồng này được chuyển cho bên nhận chuyển nhượng, bên mua kể từ thời điểm: theo quy định của pháp luật.

c. Nộp thuế theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 8

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

1. Bên A cam đoan:

a. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất và tài sản gắn liền với đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b. Thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp;

c. Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành

án;

d. Việc giao kết Hợp đồng này trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận theo quy định pháp luật, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

a. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

b. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất và nhà ở gắn liền với đất nêu trên và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

c. Việc giao kết Hợp đồng này trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận theo quy định pháp luật, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

d. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 9

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

2. Hai bên cam đoan thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về thuế đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên.

3. Từng bên đã đọc lại Hợp đồng và được công chứng viên giải thích rõ nội dung hợp đồng, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chúng tôi đã đọc và đồng ý
Phạm Phan Hải Yến
Phạm Phan Hải Yến

Maul
Huê Mout Thanh

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)



Matsunaga
Hiroyuki MATSUNAGA



Tôi, tên là Châu Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh năm 1987, căn cước công dân số 079187006930
Tôi đã dịch lại toàn bộ nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài
sản gắn liền với đất này từ tiếng Việt sang tiếng Anh cho ông Matsunaga Hiroyuki
nghe trong trạng thái tỉnh thức minh mẫn. Sau khi nghe, ông Matsunaga Hiroyuki
đã hiểu đồng ý, ký tên và đóng dấu vào Hợp đồng này trước mặt công chứng viên và tôi.

Châu Nguyễn Trúc Quỳnh

Châu Nguyễn Trúc Quỳnh

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 17 tháng 01 năm 2020 (Ngày mười bảy tháng một năm hai nghìn không trăm hai mươi), tại trụ sở Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, tỉnh Bình Dương, đường Trần Hưng Đạo, khu phố Tây A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tôi **NGUYỄN HỮU HOÀNG VŨ** Công chứng viên - Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, tỉnh Bình Dương.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa:

Bên chuyển nhượng:

Bà : **PHẠM PHAN HẢI YẾN**
Năm sinh : 1984
Chứng minh nhân dân : 023878432 cấp ngày 09/09/2009 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng với chồng là Ông : **BÙI MINH THÀNH**
Năm sinh : 1984
Chứng minh nhân dân : 025644113 cấp ngày 30/05/2012 tại Công an thành phố Hồ Chí Minh.
Cùng hộ khẩu thường trú tại : 18/4 đường 3, tổ 7, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên nhận chuyển nhượng:

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

Trụ sở : 26/14 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Mã số doanh nghiệp: 3700681695, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký lần đầu ngày 15/12/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/01/2018.

Đại diện ông/bà : **MATSUNAGA HIROYUKI**, chức vụ: Tổng Giám đốc.
Hộ chiếu số : TR8124938

Do ông MATSUNAGA HIROYUKI không biết tiếng Việt nên có mời người phiên dịch là bà Châu Nguyễn Trúc Quỳnh, sinh năm 1987, Căn cước công dân số 079187006930 cấp ngày 17/5/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư, địa chỉ thường trú: 352/47 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Bà Châu Nguyễn Trúc Quỳnh đã dịch lại nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất này từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh cho ông MATSUNAGA HIROYUKI nghe. Sau khi nghe ông MATSUNAGA HIROYUKI đã hiểu, đồng ý, ký tên và đóng dấu vào Hợp đồng này trước mặt tôi và người phiên dịch

- Bên giao kết còn lại đã đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào hợp đồng này trước mặt của tôi;

- Hợp đồng này được lập thành 03 bản chính (mỗi bản chính gồm 05 tờ 05 trang, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản chính, Bên B giữ 01 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, tỉnh Bình Dương).

Số chứng thư: **002787** quyền số 02-SCT/BS

Ngày 23 tháng 02 năm 2020

TU. CHỦ TỊCH

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH



Thạch Hồng Chinh



CÔNG CHỨNG VIÊN

NGUYỄN HỮU HOÀNG VŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



Hôm nay ngày 05 tháng 8 năm 2022, Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A) : Ông HỒ HOÀN THÀNH

Sinh ngày : 24/12/1970

Căn cước công dân số : 079070018891

Ngày cấp : 02/04/2021

Nơi cấp : Cục trưởng cục cảnh sát QLHCVTTXH

Địa chỉ cư trú : 142 Hoàng Văn Thụ, tổ 98, khu 11, KDC Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, Thành Phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0913.951.092

(Sau đây gọi là "**Bên Cho Thuê**")

Là người sử dụng đất có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 471 có diện tích 351m² thuộc tờ bản đồ F3 thửa 471 tại ấp xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là đường BH22, Khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U747157 vào sổ số 01897QSDĐ/BH ngày 05/02/2002 của UBND huyện Thuận An (nay là TP. Thuận An) cấp.

BÊN THUÊ (BÊN B) : CHI NHÁNH II CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ : 344B đường BH22, Khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế : 3700681695-002

Cơ quan cấp : Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương
Ngày cấp : 25/07/2012
Điện thoại : (0274)3769722 / 0981581130
Đại diện bởi : Ông TATSUYA YAMADA
Chức vụ : Tổng Giám Đốc

(Sau đây gọi là "**Bên Thuê**")

Hai Bên đồng ý ký kết và thực hiện **Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất** này ("**Hợp đồng**") theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1: QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO THUÊ

Bên Cho Thuê đồng ý cho Bên Thuê thuê toàn bộ lô đất số 471 có diện tích 351m² thuộc tờ bản đồ F3 thửa 471 tại Ấp Bình Đáng, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U747157 vào sổ số 01897QSDĐ/BH ngày 05/02/2002 của UBND huyện Thuận An (nay là Thành phố Thuận An) cấp, cụ thể như sau:

- Thửa đất số : 471
- Tờ bản đồ số : F3
- Địa chỉ thửa đất : Ấp Bình Đáng, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố Đồng An 2, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương)
- Diện tích : 351 m² (ba trăm năm mươi một mét vuông)
- Mục đích sử dụng : T: 60 m² Vườn: 291m²
- Thời hạn sử dụng : T: lâu dài, Vườn: 12/2048
- Nguồn gốc sử dụng : cha cho con

Bên Cho Thuê đồng ý cho Bên Thuê thuê toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê: Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 10 (mười) năm kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: làm địa điểm kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh và các công trình phụ trợ theo Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An.

ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này như sau:

1.1. Giá thuê trong 05 (năm) năm đầu:

- (a) Năm thứ nhất (Từ ngày 01/06/2022 đến 31/05/2023) Giá thuê là: **25.723.000 VNĐ/ tháng** (Hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn đồng một tháng).
- (b) Năm thứ hai (Từ ngày 01/06/2023 đến 31/05/2024) Giá thuê là: **28.295.300 VNĐ/ tháng** (Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm đồng một tháng).
- (c) Năm thứ ba (Từ ngày 01/06/2024 đến 31/05/2025) Giá thuê là: **31.124.830 VNĐ/ tháng** (Ba mươi một triệu một trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm ba mươi đồng một tháng).
- (d) Năm thứ tư (Từ ngày 01/06/2025 đến 31/05/2026) Giá thuê là: **34.237.313 VNĐ/ tháng** (Ba mươi bốn triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm mười ba đồng một tháng).
- (e) Năm thứ năm (Từ ngày 01/06/2026 đến 31/05/2027) Giá thuê là: **37.661.000 VNĐ/ tháng** (Ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng một tháng).

1.2. Giá thuê trong 05 (năm) năm còn lại:

Hai Bên theo đây đồng ý rằng giá thuê 05 (năm) năm còn lại sẽ được thỏa thuận sau và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng, căn cứ vào giá cả thị trường và tình hình thực tế của hai Bên.

- 2. Bên Thuê đặt cọc cho Bên Cho Thuê số tiền cọc là **36.000.000 VNĐ** (Ba mươi sáu triệu đồng chẵn). Bên Cho Thuê trả lại tiền cọc cho Bên Thuê ngay sau khi Hợp đồng này hết hạn.
- 3. Phương thức thanh toán như sau: Bên Thuê đồng ý thanh toán cho Bên Cho Thuê tiền thuê 03 (ba) tháng một lần bằng hình thức: tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên Cho Thuê vào ngày 01 đến ngày 10 dương lịch đầu mỗi kỳ thanh toán, theo tài khoản như sau:



Chủ tài khoản: HỒ HOÀN THÀNH

Số Tài Khoản: 0281000666789

Ngân Hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

Chi nhánh: Bình Dương.

4. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai Bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN CHO THUÊ

1. Bên Cho Thuê có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho Bên Thuê vào thời điểm ngay khi Hợp đồng này được công chứng;
- Kiểm tra, nhắc nhở Bên Thuê bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Nộp thuế sử dụng đất;
- Báo cho Bên Thuê về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có; Theo đó, trong bất kỳ trường hợp nào, Bên Cho Thuê phải đảm bảo rằng tất cả các bên kế thừa hoặc bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rằng trong thời hạn thuê, bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có) sẽ chịu sự ràng buộc của Hợp Đồng này, và sẽ thay Bên Cho Thuê thực hiện nghĩa vụ và cam kết phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này.
- Bảo vệ và giữ cho Bên Thuê vô hại trước mọi yêu cầu, khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến quyền sử dụng đất nêu trên.

2. Bên Cho Thuê có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên Thuê thanh toán đúng hạn và đủ tiền thuê theo định kỳ;
- Yêu cầu Bên Thuê chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm sút giảm giá trị của đất; Nếu Bên Thuê không chấm dứt hành vi vi phạm, thì Bên Cho Thuê có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, yêu cầu Bên Thuê hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại; Trong trường hợp Bên Cho Thuê đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Thuê, mọi chi phí và thiệt hại phát sinh do Bên Cho Thuê chịu.
- Yêu cầu Bên Thuê trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN THUÊ

1. Bên Thuê có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng thời hạn thuê, đúng mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng đất ;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận;
- Tuân theo các qui định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền và lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được Bên Cho Thuê đồng ý bằng văn bản;
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê.



Handwritten signature

2. Bên Thuê có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên Cho Thuê giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận;
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7: VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật (bao gồm: thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng) do Bên Cho Thuê chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Các loại thuế khác ngoài 2 loại thuế (TNCN và GTGT) trên liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này thì Bên Thuê chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các Bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được thì vụ việc tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền nơi địa phương có vị trí đất đang cho thuê để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng cả hai Bên phải tuân thủ.
2. Trường hợp để xảy ra sự cố cháy nổ, hỏa hoạn hoặc sửa chữa làm thay đổi kết cấu, hư hỏng hay sụp đổ do lỗi của Bên Thuê thì Bên Thuê phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Handwritten signature
Handwritten signature

ĐIỀU 9: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

1. Việc ký kết Hợp đồng này giữa các Bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hoặc lừa dối. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu thấy cần thay đổi hoặc bổ sung nội dung của Hợp đồng này thì các Bên thỏa thuận lập thêm Phụ lục Hợp đồng có chữ ký của hai Bên, phụ lục Hợp đồng có giá trị pháp lý như Hợp đồng.
2. **Bên Cho Thuê cam đoan :**
 - Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.
 - Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.
 - Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - + Thửa đất không có tranh chấp;
 - + Quyền sử dụng đất không bị cho thuê, bán, cầm cố, thế chấp cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc kê biên để đảm bảo thi hành án.
 - Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc
 - Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
3. **Bên Thuê cam đoan :**
 - Những thông tin về Doanh nghiệp đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.
 - Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.
 - Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc
 - Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được hai Bên đồng ý ký tên.
2. Trường hợp một trong hai Bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thì hạn thì Bên đó phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước ít nhất là 03 (ba) tháng.
3. Hai Bên đã đọc, đã hiểu và đồng ý tất cả những điều khoản, điều kiện ghi trong Hợp đồng này. Hai Bên sẽ ký vào biên bản bàn giao hiện trạng của mặt bằng thuê trước khi Bên Thuê chính thức sử dụng. Biên bản bàn giao này sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

4. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản Tiếng Việt, mỗi bản gồm : 07 trang, có giá trị pháp lý như nhau. Bên Cho Thuê giữ 02 (hai) bản, Bên Thuê giữ 02 (hai) bản và Văn phòng công chứng giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ

Tôi đã đọc và đồng ý

Hoàn

Hồ Hoàn Thành



ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ

TATSUYA YAMADA



U

Người phiên dịch
Tôi tên: *Ngô Phi Hòa*, chứng minh nhân dân số *B15 05919*
do công an *phòng cấp* ngày *17/11/2009*.
Tôi cam kết đã dịch lại chính xác văn bản nội dung
của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất trên cho ông
Tatsuya Yamada ghi, sau khi nghe xong ông *Tatsuya*
Yamada đã hiểu rõ nội dung của hợp đồng thuê
quyền sử dụng đất, đã đồng ý, thể hiện bằng
xác ý chí, nguyện vọng của mình và đã điền chữ
vào hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Ngô Phi

U

Ngô Phi Hòa



LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 05 tháng 08 năm 2022 (Ngày năm tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)

Tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Gái, tỉnh Bình Dương, địa chỉ: 604 đường Lê Hồng Phong, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tôi **ĐẶNG LƯƠNG GIAO**, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giao kết giữa:

Bên cho thuê:

Ông : **HỒ HOÀN THÀNH**
Ngày tháng năm sinh : 24/12/1970
Căn cước công dân : 079070018891 cấp ngày 02/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Nơi cư trú tại : 142 Hoàng Văn Thụ, Khu dân cư Chánh Nghĩa, tổ 98, khu 11, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bên thuê:

CHI NHÁNH II CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Trụ sở : 344B đường BH22, Khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 3700681695-002, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký lần đầu ngày 18/02/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/01/2021.

Đại diện ông/bà : TATSUYA YAMADA, chức vụ: Tổng giám đốc.
Hộ chiếu : TT1497888

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào hợp đồng này trước mặt của tôi;
- Đại diện bên thuê là ông TATSUYA YAMADA do là người nước ngoài nên CHI NHÁNH II CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN đã cử người phiên dịch là bà Hoàng Thị Hoa, sinh năm 1987, chứng minh nhân dân số 031505419 do Công an Hải Phòng cấp ngày 17/01/2009 dịch lại toàn bộ nội dung Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nêu trên cho ông TATSUYA YAMADA nghe, sau khi nghe xong ông TATSUYA YAMADA đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng nêu trên, ông TATSUYA YAMADA đồng ý toàn bộ nội dung và đã ký vào từng trang của hợp đồng, đồng thời điểm chỉ và đóng dấu vào trang 07 của hợp đồng này trước mặt tôi; chữ ký, mẫu dấu và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký, mẫu dấu và dấu điểm chỉ của bên thuê

nêu trên. CHI NHÁNH II CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc mời người phiên dịch của mình. Bà Hoàng Thị Hoa cam đoan chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình và đã ký vào từng trang của hợp đồng và đồng thời điểm chỉ vào trang số 07 (Bảy) của hợp đồng này trước mặt tôi;

- Hợp đồng này được lập thành 05 (Năm) bản chính (mỗi bản chính gồm 09 tờ, 09 trang, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản chính, Bên B giữ 02 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Gái, tỉnh Bình Dương).

Số công chứng: **10959**, quyền số: 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD

Phí công chứng: 1.331.000 đồng



CÔNG CHỨNG VIÊN



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực **002786** quyền số 02 - SCT/BS

Ngày 23 tháng 07 năm 2023

TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP-HỘ TỊCH

Dặng Lương Giao



Chạch Hồng Chinh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---000---

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

(Một phần đất và ngôi nhà cấp 4 số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.)

Hôm nay ngày 01 tháng 04 năm 2021, tại Chi Nhánh II Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An, chúng tôi gồm có:

Bên Cho Thuê: (GỌI TẮT LÀ BÊN A)

- Bà **HỒ THỊ BẠC**

Sinh năm: 1946

Chứng minh nhân dân: 28098779 Ngày cấp: 27/03/2007, nơi cấp: Công An tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0775005517

Địa chỉ cư trú: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

- Và Ông **LÂM VĂN KHIẾN**

Sinh năm: 1939

Chứng minh nhân dân: 020129911 Ngày cấp: 19/07/1996, nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0933773404

Địa chỉ cư trú: 910, Kha Vạn Cân, phường Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Là đồng sở hữu lô đất 303 (bao gồm phần đất cho thuê là 213m² có căn nhà cấp 4 với diện tích nhà là 5m*10m đang sử dụng), thuộc tờ bản đồ F3 thửa 303 tại ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 01145/QSDĐ/BH ngày 23/6/2000 của UBND huyện Thuận An cấp.

Bên Thuê: (GỌI TẮT LÀ BÊN B)

CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

- Địa chỉ trụ sở: 344B đường BH22, Khu phố Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

- Mã số thuế: 3700681695 – 002

- Điện thoại: (0274) 3769722

- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 3700681695 – 002 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp lần đầu, ngày 18/02/2008

- Đại diện ông: **TATSUYA YAMADA** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Quốc tịch: Nhật Bản

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1980

Passport số: TT1497888

cấp ngày: 07/07/2020

Nơi cấp: Bộ Ngoại Giao

Nhật Bản

11/1

Bảng hợp đồng này, chúng tôi thỏa thuận hợp đồng thuê đất và nhà với nội dung như sau;

ĐIỀU 1. Diện tích thuê:

Lô đất thuộc quyền sở hữu của Bên Cho Thuê theo các giấy tờ tài liệu nêu trên, được Bên Cho Thuê đồng ý cho thuê theo hợp đồng này là một phần đất 213m² (có căn nhà cấp 4 với diện tích 5m*10m đang sử dụng), thuộc tờ bản đồ F3 thửa 303 tại số 344B đường BH22, Khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (thông tin cũ: ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 01145/QSĐĐ/BH ngày 23/6/2000 của UBND huyện Thuận An cấp.

ĐIỀU 2. Thời gian thuê – Giá cả - Phương thức thanh toán

2.1. Thời gian thuê đất và nhà:

Thời gian thuê đất và nhà là 05 (năm) năm, được tính từ ngày 01/04/2021 đến ngày 31/03/2026. Trong trường hợp Bên Thuê có nhu cầu gia hạn thêm thời hạn thuê, thì Bên Thuê phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày.

Trong thời gian hợp đồng được chứng thực và đã nhận đủ tiền cọc, Bên Cho Thuê phải bàn giao mặt bằng cho Bên Thuê.

2.2. Giá thuê:

02 (hai) năm đầu (Tính từ ngày 01/04/2021 đến 31/03/2023), giá thuê là 21.780.000 VNĐ /1 tháng. Từ năm thứ ba, mỗi năm tăng 5% (Từ 01/04/2023 đến 31/03/2026). Cụ thể như sau:

- Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024 giá cho thuê là 22.869.000 VNĐ/ 1 tháng
- Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 giá cho thuê là 24.012.000 VNĐ/ 1 tháng
- Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 giá cho thuê là 25.213.000 VNĐ/1 tháng

Giá thuê không bao gồm chi phí dịch vụ như điện, nước, điện thoại, fax, internet, truyền hình cáp và các dịch vụ khác, Bên Thuê sẽ thanh toán riêng theo khối lượng tiêu thụ cho bên cung cấp dịch vụ.

Giá thuê trên cũng không bao gồm thuế VAT và thuế thu nhập cá nhân (Bên Cho Thuê sẽ hỗ trợ cung cấp các giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của Bên Thuê)

Tiền thuê được tính từ ngày hai bên ký hợp đồng vào ngày 01/04/2021

2.3. Bên Thuê sẽ thanh toán các loại thuế phí phát sinh từ hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh phát sinh trong thời hạn thuê.

2.4. Phương thức trả tiền thuê:

Tiền thuê đất được Bên Thuê thanh toán bằng chuyển khoản từ ngày 01 – 10 dương lịch hàng tháng. Mỗi lần thanh toán là 03 tháng liên tiếp.

2.5. Bên Thuê thanh toán tiền thuê đất đầy đủ, đúng hạn cho Bên Cho Thuê, chấp hành các qui định về phòng cháy chữa cháy, môi trường theo quy định hiện hành.

2.6. Bên Cho Thuê cam kết chịu trách nhiệm đối với tính chính xác của các thông tin tài khoản do Bên Cho Thuê cung cấp và chịu mọi chi phí và thiệt hại phát sinh do việc cung

12/11

cấp sai thông tin tài khoản này, Tiền thuê sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do Bên Cho Thuê chỉ định dưới đây:

TÊN TÀI KHOẢN: **HỒ THỊ BẠC**

SỐ TÀI KHOẢN: **9912107**

NGÂN HÀNG: **Ngân hàng TMCP Á Châu, phòng giao dịch Tam Hà**

2.7. Trong thời hạn cho thuê, trường hợp hai người của Bên Cho Thuê trong hợp đồng này là Ông Lâm Văn Khiển và Bà Hồ Thị Bạc không còn đủ năng lực tinh thần và sức khỏe hoặc không còn để tiếp tục thụ hưởng hợp đồng này, thì việc thụ hưởng và chịu trách nhiệm tiếp tục theo các nội dung trong hợp đồng này sẽ được ủy quyền đại diện cho cô LÂM THUY TRANG, đại diện cho các con của hai người đứng tên cho Bên Cho Thuê trong hợp đồng này.

Tên người được ủy quyền: **LÂM THUY TRANG**

Năm sinh: 1971

Chứng minh nhân dân: 079171005231

Ngày cấp: 17/05/2017, nơi cấp: Công An

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0963445494

Địa chỉ cư trú: A10.4, khu cao ốc Phú Hoàng Anh, đường Nguyễn Hữu Thọ, Tổ 9, Ấp 5, xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 3. Đặt cọc:

Bên Thuê đặt cọc cho Bên Cho Thuê số tiền cọc là **60.000.000 VNĐ** (Sáu mươi triệu đồng) ("Khoản đặt cọc"). Khoản đặt cọc sẽ được Bên Cho Thuê giữ trong suốt Thời Hạn Thuê. Khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn bởi các sự kiện bất khả kháng được nêu tại Điều 8, Khoản đặt cọc phải được hoàn trả đầy đủ lại cho Bên thuê trong vòng 30 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4. Bàn giao và đảm bảo quyền sử dụng diện tích thuê

- 4.1. Bên Cho Thuê có trách nhiệm bàn giao căn nhà có diện tích 5mx10m đang sử dụng và diện tích đất thuê 213m² nêu trên cho Bên Thuê vào ngày ký hợp đồng thuê 01/04/2021 để tiến hành cải tạo và sửa chữa phù hợp theo yêu cầu kinh doanh của Bên Thuê như nâng nền nhà, thông cửa, thay trần, mái, chống dột. Sau này khi bàn giao lại, khi kết thúc hợp đồng thì Bên Thuê có thể để lại phần thay đổi như trên mà không phải khôi phục lại như ban đầu.
- 4.2. Bên Cho Thuê bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn và riêng rẽ cho Bên Thuê đối với diện tích thuê trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực. Cam đoan phần diện tích đất và nhà cho thuê không bị thế chấp, khiếu nại, khởi kiện hoặc đang trong quá trình giải quyết tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào. Bên cho thuê theo đây sẽ cam kết giải quyết và giữ cho Bên Thuê vô hại trước bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện có liên quan đến phần khu vực đất và nhà cho thuê theo hợp đồng này.
- 4.3. Giúp đỡ và hỗ trợ Bên Thuê thực hiện các thủ tục cần thiết cho hoạt động kinh doanh và các thủ tục hành chính khác với các cơ quan chức năng trong thời hạn cho thuê nếu Bên Thuê có yêu cầu. Hỗ trợ Bên Thuê trong việc giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh có liên quan đến người sử dụng bất động sản liền kề đối với căn nhà hoặc khu vực cho thuê này.

Handwritten signature

3105
INH
IG T
HIỆN
IÂN
IUA
AN-

4.4.. Khi hợp đồng thuê vẫn đang còn thời hạn mà Bên Cho Thuê chuyển quyền sở hữu đối với diện tích thuê, Bên Cho Thuê phải có nghĩa vụ bảo đảm rằng chủ sở hữu mới sẽ thay thế Bên Cho Thuê tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Thuê hình thành từ hợp đồng này trong thời gian sở hữu diện tích thuê.

4.5. Bên Cho Thuê đồng ý để Bên Thuê đặt máy móc thiết bị, hệ thống máy điều hòa, máy làm lạnh và các vật dụng khác (bao gồm kệ hàng) ("thiết bị hoạt động") để phục vụ hoạt động kinh doanh của mình tại khu vực cho thuê. Thiết bị hoạt động này sẽ luôn là tài sản của Bên Thuê, Bên Thuê sẽ được tự do di dời thiết bị hoạt động đó và không được coi là tài sản cố định gắn liền với khu vực cho thuê hoặc khoản bảo đảm, cầm giữ, cầm cố hoặc bất kỳ quyền nào khác phục vụ lợi ích của Bên Cho Thuê.

ĐIỀU 5. Bảo tồn và sửa chữa

5.1. Bên Thuê có trách nhiệm sử dụng diện tích thuê theo đúng mục đích thuê trong hợp đồng.

5.2. Bên Cho Thuê tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cung cấp thủ tục cần thiết để Bên Thuê thực hiện việc tu sửa, thiết kế, cải tạo lại ngôi nhà theo nhu cầu sử dụng của Bên Thuê để sớm đưa vào hoạt động.

5.3. Bên Thuê hoàn toàn chịu trách nhiệm thực hiện và chịu mọi chi phí liên quan đến việc tu sửa, thiết kế, cải tạo lại ngôi nhà nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng cho Bên Thuê. Việc thiết kế, tu sửa, cải tạo phải tuân thủ theo các yêu cầu về xây dựng cơ bản của các cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm yêu cầu phòng cháy chữa cháy.

5.4. Bên Thuê tiến hành xin phép đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng theo qui định của pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm của mình trước pháp luật.

ĐIỀU 6. Sử dụng diện tích thuê

6.1. Diện tích thuê sẽ được sử dụng vào mục đích kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh và các hoạt động khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Bên Thuê.

6.2. Trong khi sử dụng, Bên Thuê có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, bao gồm các quy định về đăng ký hoạt động, các quy định về thuế liên quan, đăng ký tạm trú, giữ gìn trật tự công cộng tại diện tích thuê, bao hàm cả trật tự âm thanh và môi trường.

6.3. Bên Thuê không được cho bên thứ ba thuê lại một phần diện tích hoặc tất cả diện tích khi chưa được sự đồng ý của Bên Cho Thuê.

ĐIỀU 7. Kiểm tra diện tích thuê

Bên Cho Thuê có quyền kiểm tra diện tích thuê vào bất kỳ thời điểm hợp lý nào, với điều kiện phải thông báo việc kiểm tra đó cho Bên Thuê ít nhất 01 (một) ngày.

ĐIỀU 8. Dịch vụ khác

8.1. Bên Cho Thuê, trong phạm vi kiểm soát của mình có nghĩa vụ bảo đảm cho Bên Thuê quyền sử dụng liên tục các dịch vụ công cộng đã được thực hiện đối với diện tích thuê, bao gồm các dịch vụ cung ứng điện, điện thoại, nước, vệ sinh.

8.2. Bên Cho Thuê hướng dẫn và phối hợp với Bên Thuê thực hiện đúng quy định của nhà nước về tạm trú, tạm vắng, phòng cháy chữa cháy, an ninh khu phố, vệ sinh môi trường và những quy định tương tự.



8.3. Bên Cho Thuê giúp đỡ, hỗ trợ Bên Thuê thực hiện các thủ tục lắp đặt thêm các dịch vụ bưu chính viễn thông, internet, truyền hình cáp...nếu Bên Thuê có yêu cầu và Bên Thuê phải chịu mọi chi phí lắp đặt..

8.4. Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí hàng tháng phát sinh từ việc sử dụng điện tích thuê đối với các bên thứ ba, bao gồm cả chi phí các dịch vụ công cộng.

ĐIỀU 9. Bảo hiểm

Bên Cho Thuê tạo điều kiện để Bên Thuê tham gia các hình thức bảo hiểm nếu Bên Thuê có nhu cầu nhằm bảo hiểm các tài sản, con người của Bên Thuê tại diện tích cho thuê. Phí bảo hiểm do Bên Thuê thanh toán.

ĐIỀU 10. Sửa đổi hợp đồng thuê

Mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng này chỉ có giá trị khi được các Bên thỏa thuận bằng văn bản mà không cần công chứng trừ trường hợp chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng.

ĐIỀU 11. Quyền ưu tiên thuê

Bên Cho Thuê cam kết sẽ dành cho Bên Thuê quyền ưu tiên được ký hợp đồng thuê mới nếu hợp đồng cũ đã hết hạn thuê mà vẫn dùng để cho thuê có điều kiện thuê tương tự so với bên thuê khác.

ĐIỀU 12. Chấm dứt hợp đồng thuê

12.1. Hợp đồng chấm dứt khi:

- Hợp đồng hết hạn và Bên Thuê không thông báo cho Bên Cho Thuê về việc gia hạn tiếp hợp đồng cho thuê.
- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- Nhà và phần đất cho thuê bị giải tỏa hoặc tịch biên theo quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

12.2. Bên Cho Thuê không đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ khi Bên Thuê vi phạm một trong các hành vi sau đây nhưng phải báo trước cho Bên Thuê ít nhất 60 (sáu mươi) ngày:

- Không thanh toán tiền thuê nhà quá 15 ngày đầu tiên của mỗi đợt thanh toán;
- Vi phạm các điều khoản cho thuê trong hợp đồng này.
- Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, sinh hoạt bình thường của khu phố, vệ sinh môi trường.
- Thực hiện các hoạt động vi phạm pháp luật, bị chính quyền địa phương trực xuất.

Trong trường hợp này, Bên Cho Thuê sẽ không bồi hoàn tiền đặt cọc và phần tiền thuê đã trả trước đó chưa sử dụng (nếu có). Ngoài ra Bên Thuê phải bồi thường thiệt hại hoặc khôi phục lại hiện trạng ban đầu của phần diện tích cho thuê.

Nếu không thuộc các trường hợp này, Bên Cho Thuê muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước ít nhất 60 (sáu mươi) ngày, sẽ phải bồi hoàn gấp đôi số tiền đặt cọc, hoàn lại tiền thuê nhà đã trả trước đó chưa sử dụng (nếu có), cùng với các chi phí sửa chữa và các thiệt hại khác nếu có trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận thông báo chấm dứt hợp đồng thuê do Bên Cho Thuê thông báo.

002
NH
TNI
A KI
HAC
IAM
BINH

nh

12.3. Bên Thuê không đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ khi Bên Cho Thuê vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này, nếu Bên Thuê muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho Bên Cho Thuê ít nhất 60 (sáu mươi) ngày và mất toàn bộ số tiền đã đặt cọc cho Bên Cho Thuê và bất kỳ khoản thuê nào đã thanh toán trước đó chưa sử dụng (nếu có)

ĐIỀU 13. Hoàn trả diện tích thuê

13.1. Hợp đồng chấm dứt, Bên Thuê phải trả lại diện tích thuê cho Bên Cho Thuê nguyên trạng bàn giao ban đầu. Bên Cho Thuê khi nhận lại diện tích thuê, sẽ chấp nhận những hao mòn theo thời gian và theo sử dụng phù hợp với hợp đồng (hao mòn tự nhiên). Ngoài ra, diện tích thuê không cần phải được sơn sửa lại, mà chỉ cần được vệ sinh sạch trước khi bàn giao lại.

13.2. Bên Thuê phải giao lại cả phần xây dựng, cải tạo, sửa chữa thêm bao gồm: tường, mái, vách ngăn, nền nhà, hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, cửa kính, nhà vệ sinh, cùng toàn bộ hệ thống đường điện, nước đi ngầm trong tường, dưới nền nhà, mà không được tháo dỡ, không được đòi tiền bồi hoàn nếu không khôi phục lại hiện trạng như ban đầu.

13.3. Bên Thuê có toàn quyền định đoạt khi trả lại diện tích thuê đối với những trang thiết bị di động có thể tháo rời thuộc sở hữu của Bên Thuê đã lắp đặt trong thời gian thuê bao gồm: Các trang thiết bị nhà bếp, hệ thống máy điều hòa không khí, quạt máy, hệ thống kho, kho lạnh, kệ kho, hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, đèn chiếu sáng, máy phát điện, hệ thống máy bơm, hệ thống lọc nước, thang máy, thiết bị phòng cháy chữa cháy, kệ, tủ, bàn ghế, hệ thống bảng hiệu và hệ thống ống thông gió.

Điều 14. Bất khả kháng

- Khi xảy ra sự kiện nào ("Sự kiện bất khả kháng") ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng này thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản tới bên kia chậm nhất trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng
- Để giải thích cho điều này, Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là bất kỳ sự kiện xảy ra vượt quá sự kiểm soát hợp lý của Bên Cho Thuê và Bên Thuê mà ngăn cản Bên Cho Thuê và Bên Thuê thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trong hợp đồng thuê này bao gồm nhưng không giới hạn động đất, lũ lụt, chiến tranh, hỏa hoạn không do lỗi của các bên.
- Nếu Khu vực cho thuê bị thiệt hại bởi Sự kiện bất khả kháng, gây ảnh hưởng đến việc sử dụng của Bên Thuê hoặc sự chiếm giữ và sử dụng khu vực cho thuê, tiền thuê sẽ được điều chỉnh giảm (mức giảm tương ứng với phần diện tích thuê của khu vực cho thuê mà Bên Thuê không thể sử dụng hoặc bị chiếm giữ). Trong trường hợp căn nhà không được khôi phục lại theo cấu trúc và diện tích như trước khi thiệt hại xảy ra, Bên Thuê sẽ không chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê và có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường cho Bên Cho Thuê và Bên Cho Thuê phải hoàn lại khoản đặt cọc cho Bên Thuê.

ĐIỀU 15. Thông báo

15.1. Mọi thông báo cần thiết theo hợp đồng này phải được bên cần thông báo (bên gửi) thực hiện bằng văn bản tiếng Việt theo hình thức thư tay có biên nhận hoặc thư đảm bảo có ghi số đến địa chỉ bên kia (bên nhận).

(Chữ ký)

**ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
(BÊN A)**

(Ký và ghi rõ họ tên)



LÂM VĂN KHIÊN



HỒ THỊ BẠC

**ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ
(BÊN B)**

(Ký và ghi rõ họ tên)



TATSUYA YAMADA
Tổng Giám Đốc



Phụ lục 3 - Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải và biên bản nghiệm thu bàn giao công trình.

1

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HÀNG MỤC: THI CÔNG VÀ CUNG CẤP VẬT TƯ, THIẾT BỊ, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Y TẾ CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY.ĐÊM

CÔNG TRÌNH: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
VỊ TRÍ: 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH
BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

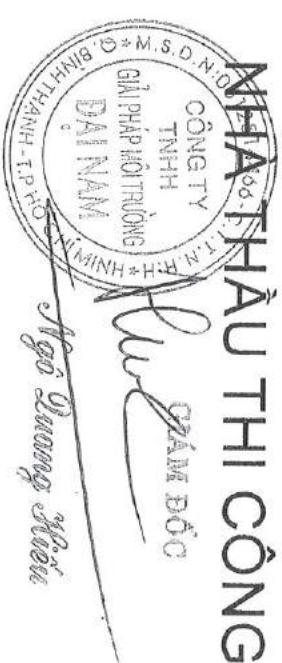


BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 50M³/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ



BẢN VỀ CÔNG NGHỆ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIỆT KẾ SƠ BỘ	☐
TÌNH HÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
ĐÀ KHOA HOÀN HẢO

ĐƠN VỊ TỰ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG
ĐẠI NAM



ĐC: 146 Chu Văn An, P.26, Q. Bình Thạnh, TP HCM
SĐT: 0280 6290 2086. Email: taomai@tongnai.net

GIAM ĐỐC PHÁP LUẬT TONGNAI

(Signature)

TS. NGUYỄN QUANG HIẾU

CHỦ TRỊ THIẾT KẾ


TH. S. NGỎ QUANG HIẾU

THẺ HIỆN

Ma
KS. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

DỰ ÁN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
CHI NHÁNH II

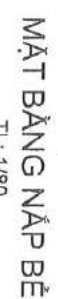
CỘNG TRÌNH - HÀNG MỤC

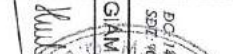
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY ĐÊM

BÊ TÔNG CỐT THÉP

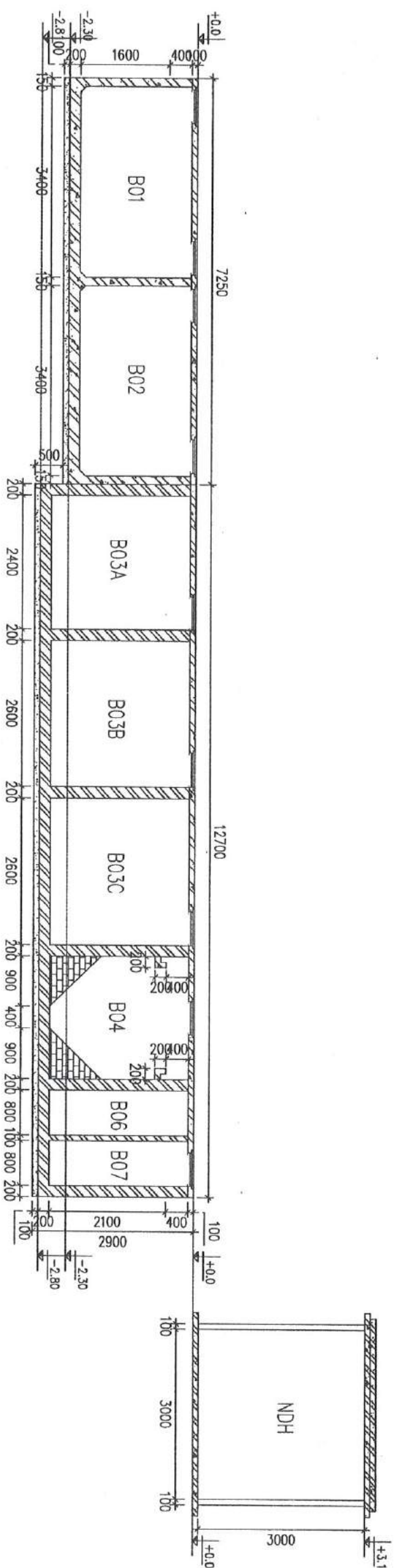
 BÊ TÔNG CỘT THÉP

BÊ TÔNG LỘT



 CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM	
	
Địa chỉ: Khu phố 4, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Số điện thoại: 028.6290.2086 - Website: truanhtriviet.com.vn	
Giám đốc:  Th.S NGÔ QUANG HIẾU	
Chủ trì thiết kế: _____	
Thuyết minh:  Th.S NGÔ QUANG HIẾU	
Thuyết minh:  K.S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG	
Dự án: _____	
Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Hảo Chi nhánh II	
Công trình - hạng mục: _____	
Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m ³ /ngày đêm	
Ký hiệu bản vẽ: _____	02
Khung giấy - tỉ lệ: _____	A3 - 1:80
Ngày hoàn thành: _____	11/12/2020

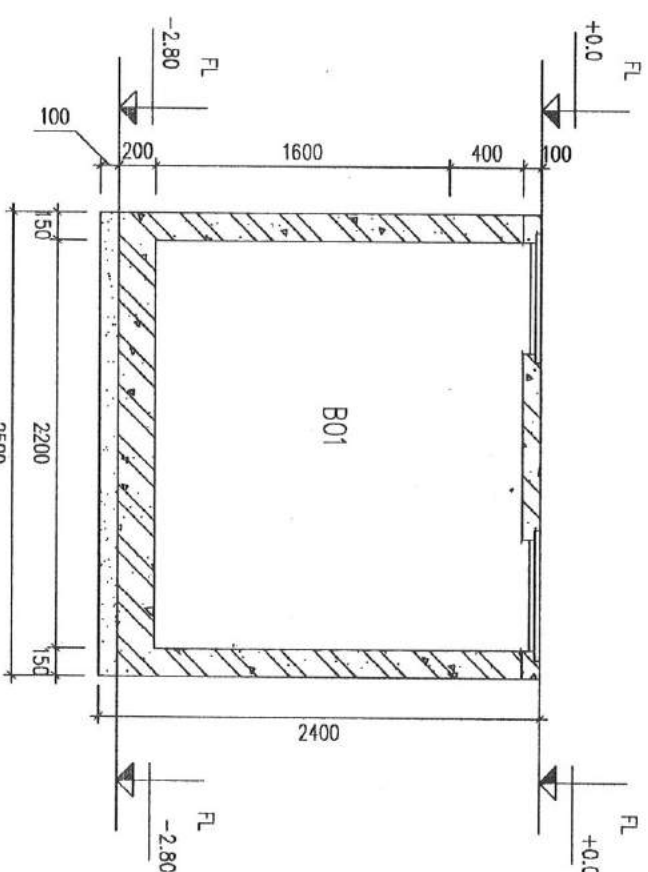
MẶT CẮT 1 HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/ NGÀY, ĐÊM.



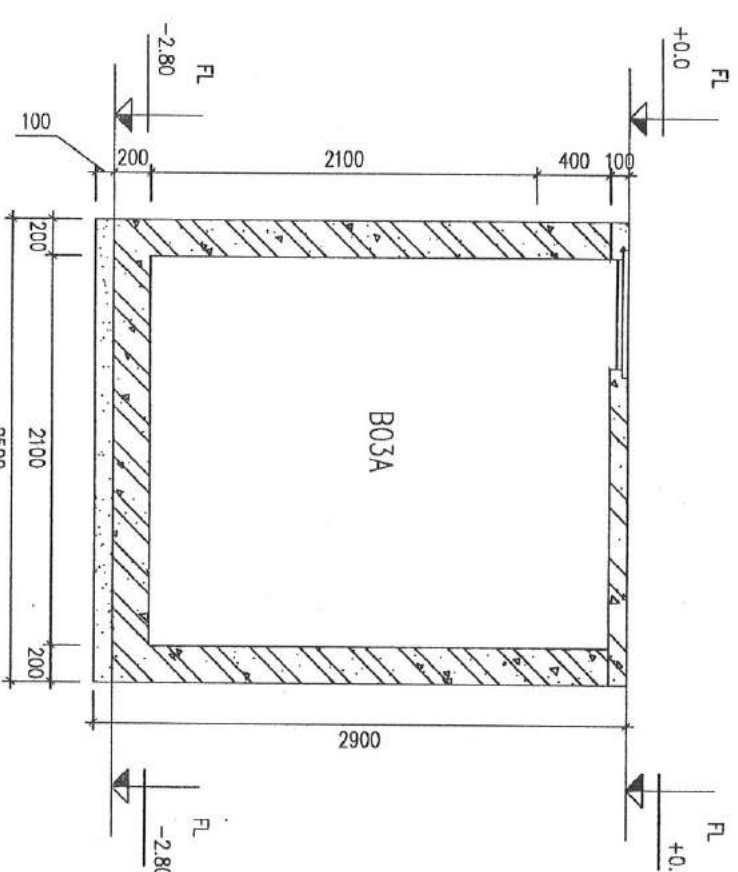
KÍ HIỆU	TÊN BỂ	KÍCH THƯỚC	KÍ HIỆU	TÊN BỂ	KÍCH THƯỚC
B01	BỂ ĐIỀU HÒA	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B05	BỂ TIẾP XÚC	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B02	BỂ THIẾU KHÍ	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B06	BỂ TRUNG GIẢN	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B03A	BỂ HIẾU KHÍ MBBR 1	L x W x H = 2,4m x 2,1m x 2,5m	B07	BỂ CHỨA BÚN	L x W x H = 0,8m x 2,2m x 2,5m
B03B	BỂ HIẾU KHÍ MBBR 2	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m		BỒN LỌC ÁP LỰC	D x H = 0,8m x 1,8m
B03C	BỂ AEROTANK	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m	CT01	BỒN CHỨA DINH DƯỠNG	D x H = 0,72m x 0,89m
B04	BỂ LÀNG	L x W x H = 2,2m x 2,1m x 2,5m	CT02	BỒN CHỨA JAVEN	D x H = 0,92m x 1,0m

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ SƠ BỐ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG DẠI NAM	
	
ĐC: 44 Chu Văn An, P.26, Q. Bình Thạnh, TP HCM SĐT: (028) 6.290.2886 - Website: www.dainam.vn	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Th.S NGỎ QUANG HIỆU	
THỂ HIỆN	
KS. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG	
DỰ ÁN	
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO CHI NHÁNH II	
CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC	
HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 50 M ³ /NGÀY ĐÊM	
KÝ HIỆU BẢN VẼ	03
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ	A3 - 1:90
NGÀY HOÀN THÀNH	11/12/2020

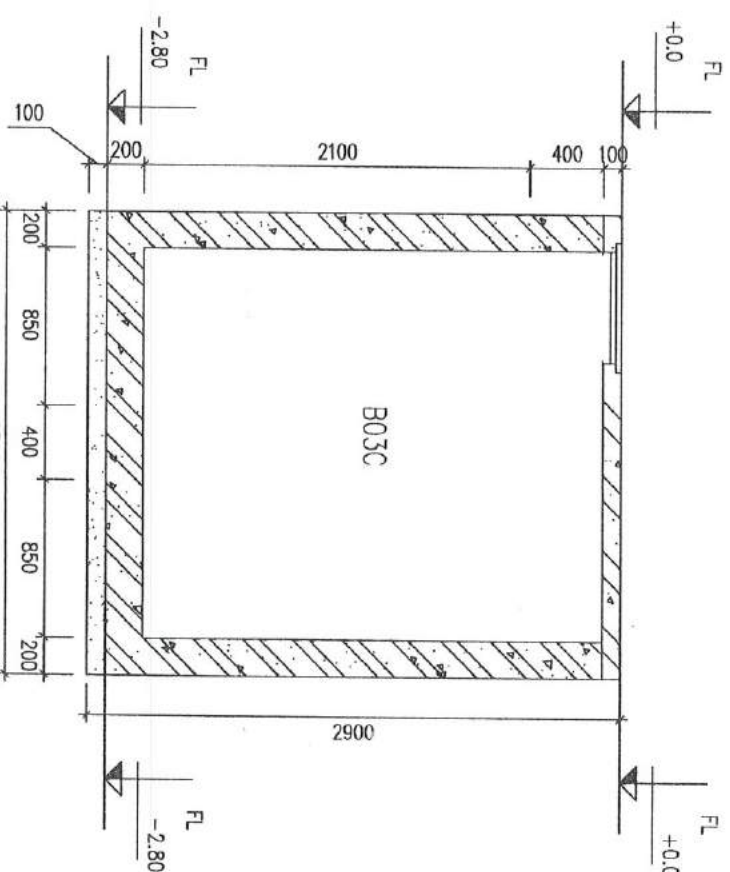
MẶT CẮT 2, 3, 4, 5 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/ NGÀY, ĐÊM.



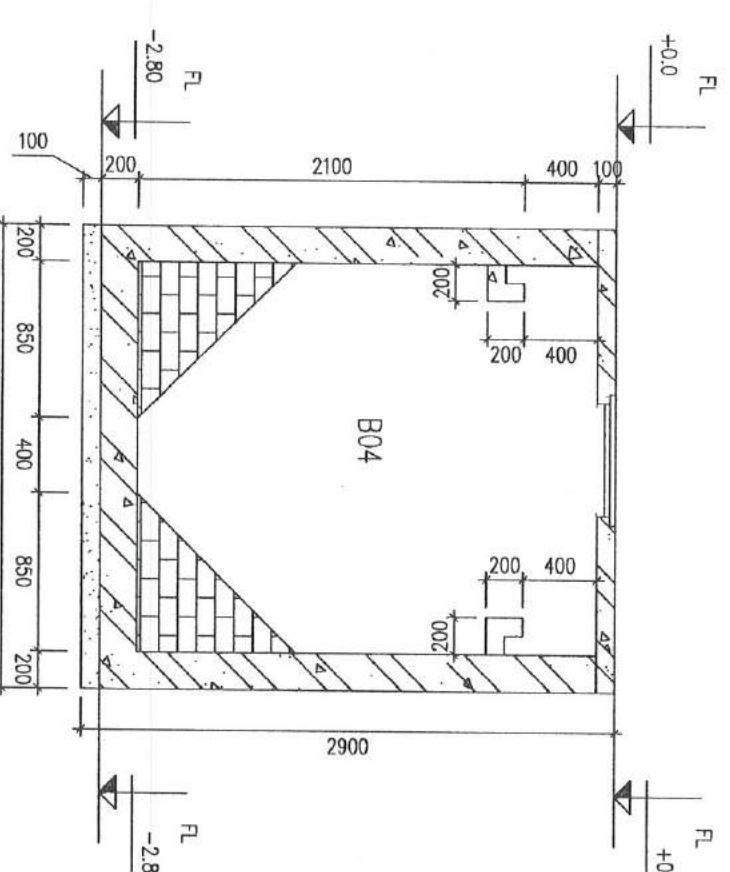
MẶT CẮT 2
TL: 1/40



MẶT CẮT 3
TL: 1/40



MẶT CẮT 4
TL: 1/40



MẶT CẮT 5
TL: 1/40

GHI CHÚ:
BÊ TÔNG CỐT THÉP
BÊ TÔNG LÓT

KÍ HIỆU	TÊN BÊ	KÍCH THUỘC	KÍ HIỆU	TÊN BÊ	KÍCH THUỘC
B01	BÊ ĐIỀU HÒA	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B05	BÊ TIẾP XÚC	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B02	BÊ THIẾU KHÍ	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B06	BÊ TRUNG GIẢN	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B03A	BÊ HIỆU KHÍ MBBR 1	L x W x H = 2,4m x 2,1m x 2,5m	B07	BÊ CHỨA BÙN	L x W x H = 0,8m x 2,2m x 2,5m
B03B	BÊ HIỆU KHÍ MBBR 2	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m	BL01	BỒN LỌC ẤP LỰC	D x H = 0,8m x 1,8m
B03C	BÊ AEROTANK	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m	CT01	BỒN CHỨA DINH DƯỠNG	D x H = 0,72m x 0,89m
B04	BÊ LANG	L x W x H = 2,2m x 2,1m x 2,5m	CT02	BỒN CHỨA JAVEN	D x H = 0,92m x 1,0m

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ SỐ BỐ ☐

TRÌNH DUYỆT ☐

THI CÔNG ☐

HIỆU CHỈNH ☐

HOÀN CÔNG ☒

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
ĐA KHOA HOÀN HẢO

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG
DẠI NAM



CÔNG TY

ĐC: 146 Chu Văn An P.26, Q.Định Thành TP HCM
SDT: 0938 6290 2086 - Website: giảiphapmoitruong.vn

GIÁM ĐỐC

Th.S NGÔ QUANG HIỆU

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Th.S NGÔ QUANG HIỆU

THỂ HIỆN

KS NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

DỰ ÁN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
CHI NHÁNH II

CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY ĐÊM

KÝ HIỆU BẢN VẼ

04

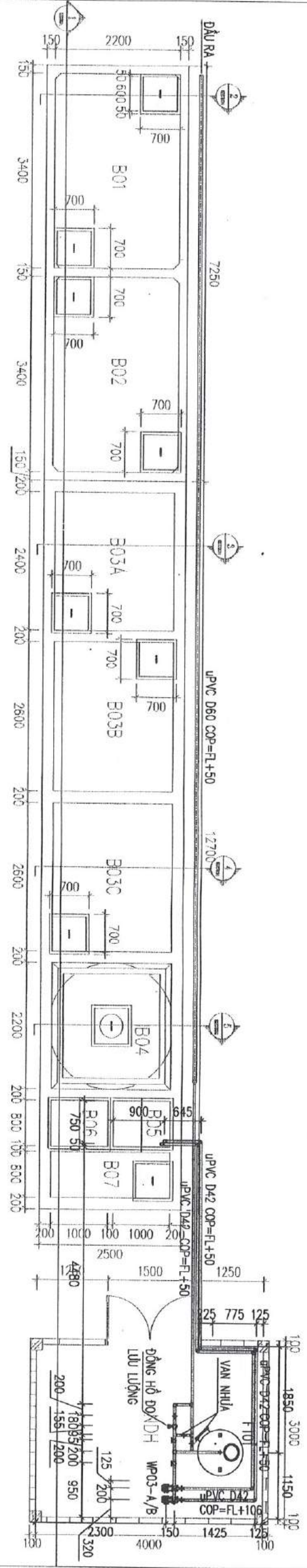
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ

A3 - 1:40

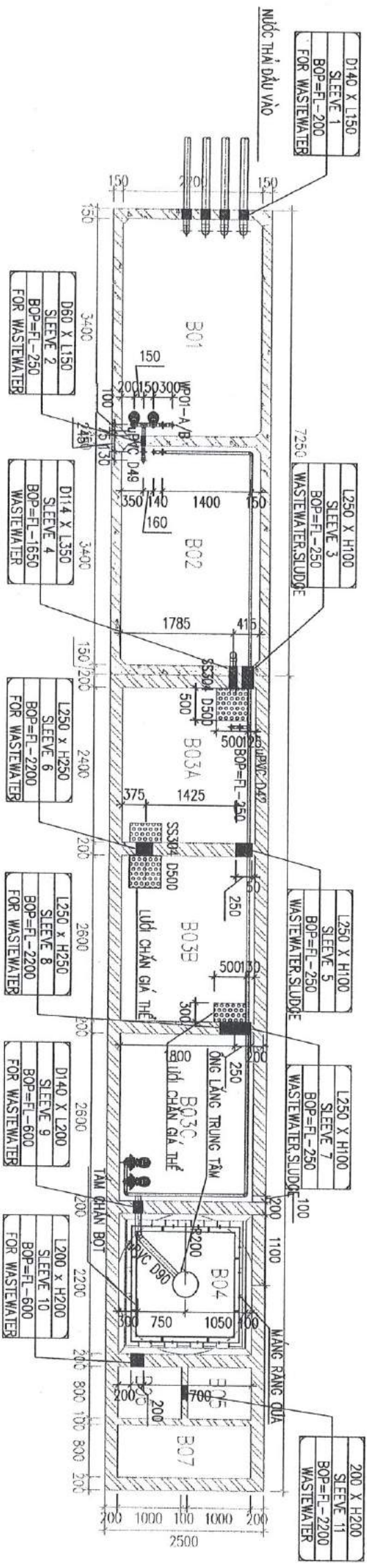
NGÀY HOÀN THÀNH

11/12/2020

MẶT BẰNG ĐƯỜNG NƯỚC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/NGÀY, ĐÊM.



MẶT BẰNG NẬP THÂM
TL: 1/80



MẶT BẰNG DÂY BỂ
TL: 1/80

GHI CHÚ:
BÊ TÔNG CỐT THÉP
BÊ TÔNG LỘT

KÍ HIỆU	TÊN BỂ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
B01	BỂ ĐIỀU HÒA	B07	BỂ CHỨA BÙN	SP01	BƠM BÙN BỂ LĂNG
B02	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	BLAL	BỒN LỌC ẤP LỰC	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
B03A/B/C	BỂ HIỆU KHÍ MBBR	WP01-A/B	BƠM CHÌM BỂ ĐIỀU HÒA	CT01/02	BỒN CHỨA DINH DƯỠNG/GIÀVEN
B04	BỂ LĂNG	WP02-A/B	BƠM CHÌM AEROTANK	CP01.../04	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
B05	BỂ KHỬ TRÙNG	WP03-A/B	BƠM TRỤC NGANG BỒN LỌC	CPA01	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
B06	BỂ TRUNG GIAN				

MỤC DÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ SỐ BỎ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
ĐA KHOA HOÀN HẢO

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG
ĐẠI NAM

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

TH.S NGÔ QUANG HIỆU

TH.S NGÔ QUANG HIỆU

THỂ HIỆN

TH.S NGÔ QUANG HIỆU

KS. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

DỰ ÁN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
CHI NHÁNH II

CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY ĐÊM

KÝ HIỆU BẢN VẼ

05

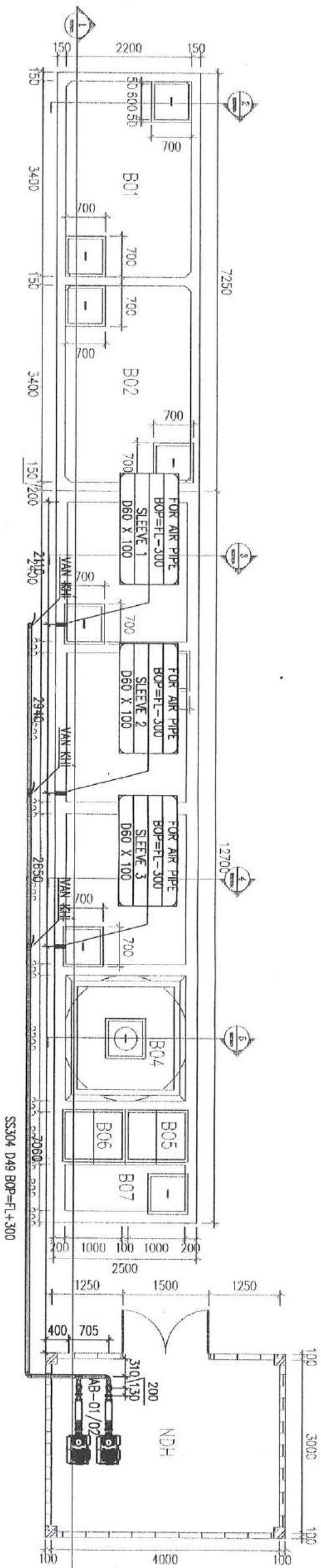
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ

A3 - 1:80

NGÀY HOÀN THÀNH

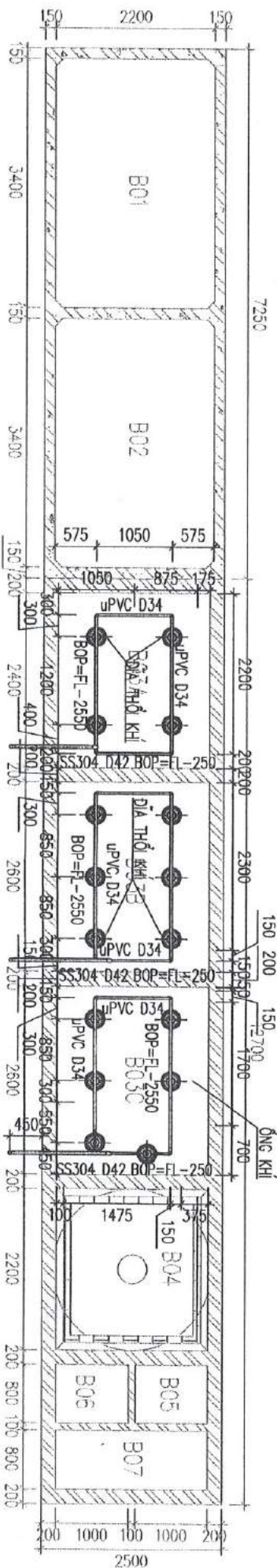
11/12/2020

MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/ NGÀY, ĐÊM.



MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ NẬP THẨM

TL: 1/80



MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ ĐẦY BÊ

TL: 1/80

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG CỐT THÉP
- BÊ TÔNG LỘT

KÍ HIỆU	TÊN BÊ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
B01	BÊ ĐIỀU HÒA	B07	BÊ CHỨA BÙN	SP01	BƠM BÙN BÊ LĂNG
B02	BÊ THIẾU KHÍ ANOXIC	BLAL	BỒN LỌC ÁP LỰC	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
B03A/B/C	BÊ THIẾU KHÍ MBBR	WP01-A/B	BƠM CHÌM BÊ ĐIỀU HÒA	CT01/02	BỒN CHỨA DINH DƯỠNG/JAVEN
B04	BÊ LĂNG	WP02-A/B	BƠM CHÌM AEROTANK	CP01/.../04	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
B05	BÊ KHỬ TRÙNG	WP03-A/B	BƠM TRỤC NGANG BỒN LỌC	CRA01	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
B06	BÊ TRUNG GIAN				

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ SƠ BỐ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG DẠI NAM

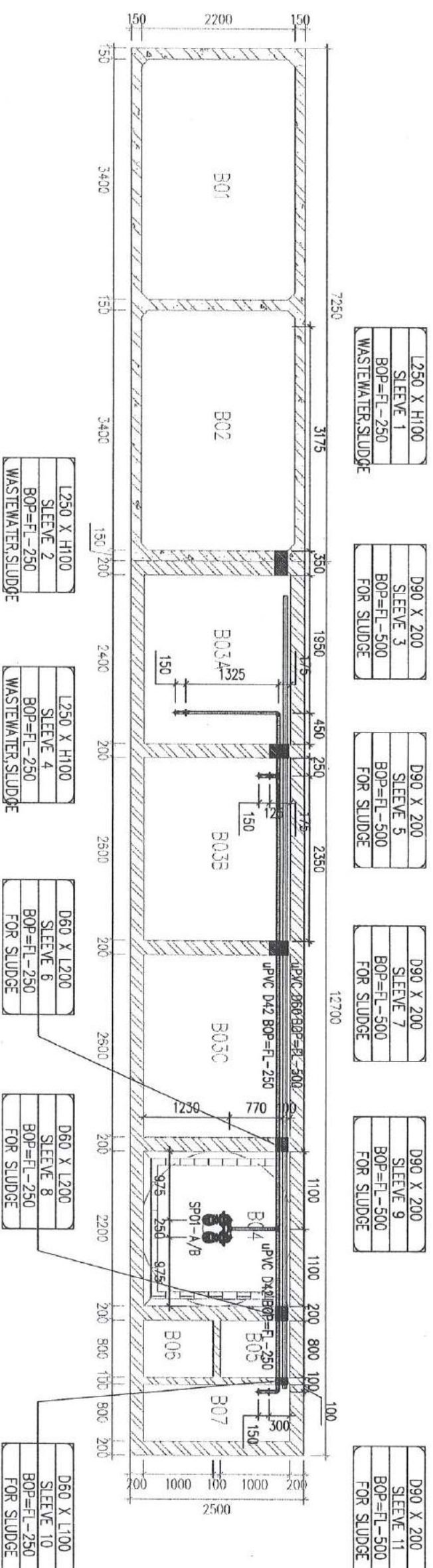
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
TH. S. NGỎ QUANG HIỆU
TH. S. NGỎ QUANG HIỆU

TH. S. NGỎ QUANG HIỆU
TH. S. NGỎ QUANG HIỆU

DỰ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO CHI NHÁNH II
CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC
HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 50 M ³ /NGÀY ĐÊM

KÝ HIỆU BẢN VẼ	06
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ	A3 - 1:80
NGÀY HOÀN THÀNH	11/12/2020

MẶT BẰNG ĐƯỜNG Bùn Đáy Bể Hệ Thống Xử Lý Nước Thải
CÔNG SUẤT: 50M³/NGÀY, ĐÊM.



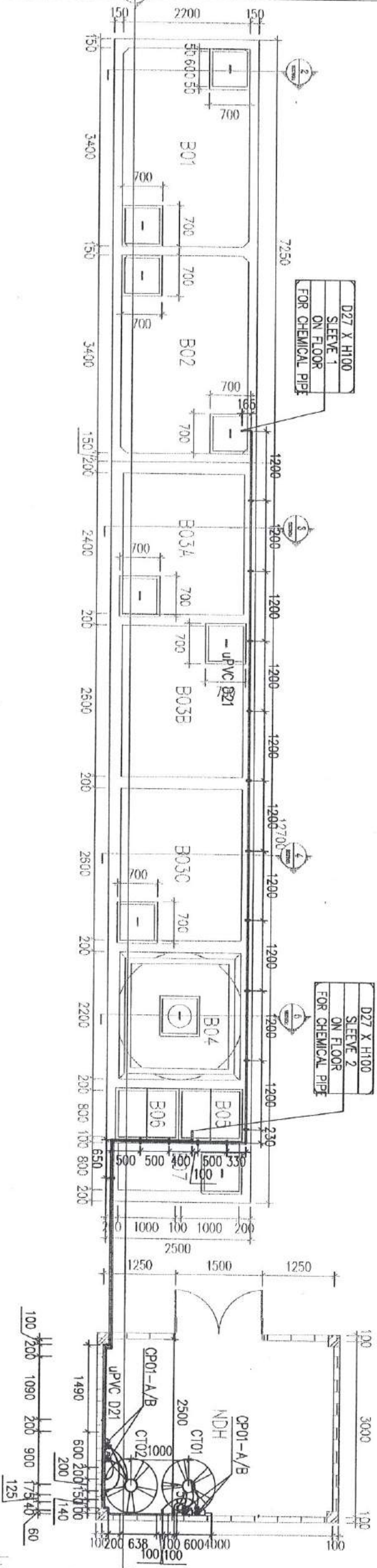
KI HIỆU	TÊN BẾ	KI HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KI HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
B01	BẾ ĐIỀU HÒA	B07	BẾ CHỨA BÙN	SP01	BƠM BÙN BẾ LĂNG
B02	BẾ THIẾU KHÍ ANOXIC	BLAL	BÒN LỌC ÁP LỰC	AB-01/02	MÀY THỜI KHÍ
B03A/B/C	BẾ HIỆU KHÍ MBBR	WP01-A/B	BƠM CHÌM BẾ ĐIỀU HÒA	CT01/02	BÒN CHỨA DINH DƯỠNG/JAVEN
B04	BẾ LĂNG	WP02-A/B	BƠM CHÌM AEROTANK	CP01/.../04	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
B05	BẾ KHỬ TRÙNG	WP03-A/B	BƠM TRỤC NGANG BÒN LỌC	CPA01	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
B06	BẾ TRUNG GIAN				

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH	
THIỆT KẾ SƠ BỘ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM	
 DAI NAM CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM ĐC: Ngã Chua Ván, P.Đống Đa, Thành Phố HCM SĐT: 028 6290 2086 - Mobile: 0906010008 EMAIL: info@daidai.com.vn	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	 Th.S NGÔ QUANG HIẾU
THỂ HIỆN	 K.S NGUYỄN THỊ THẢO TRANG
DỰ ÁN	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO CHI NHÁNH II
CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 50 M ³ /NGÀY ĐÊM	
KÝ HIỆU BẢN VẼ	07
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ	A3 - 1:70
NGÀY HOÀN THÀNH	11/12/2020

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ống HÓA CHẤT NẤP BỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

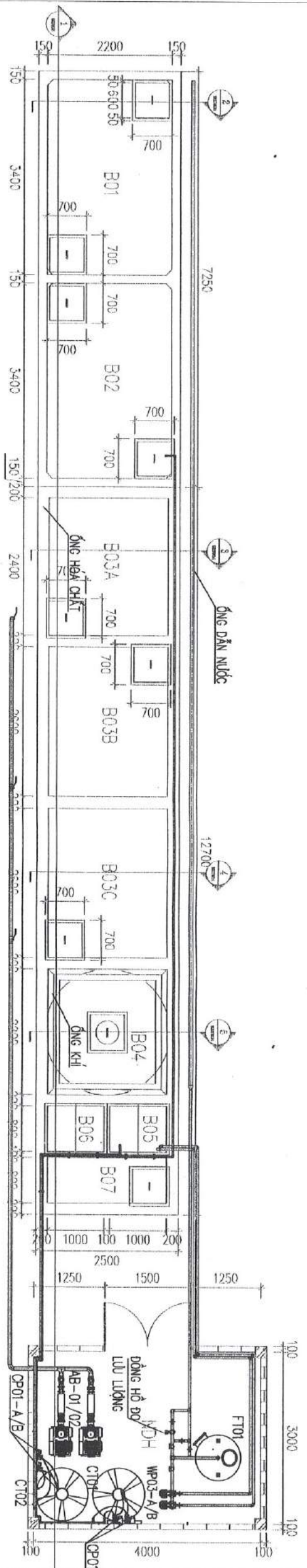
CÔNG SUẤT: 50M³/ NGÀY, ĐÊM.



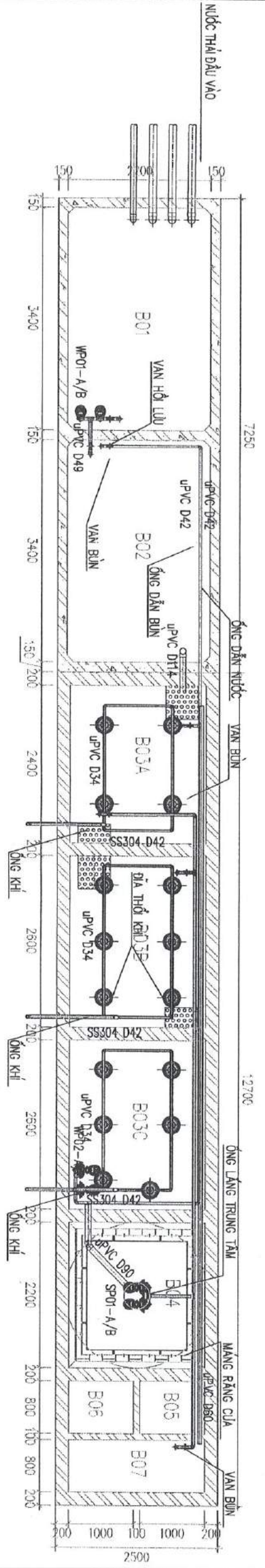
GHI CHÚ:			
BỂ TÔNG CỐT THÉP BỂ TÔNG LÁT			
KÍ HIỆU	TÊN BỂ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
B01	BỂ ĐIỀU HÒA	B07	BỂ CHỨA BÙN
B02	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	BLAL	BỒN LỌC ÁP LỰC
B03A/B/C	BỂ THIẾU KHÍ MBBR	WP01-A/B	BƠM CHÌM BỂ ĐIỀU HÒA
B04	BỂ LẮNG	WP02-A/B	BƠM CHÌM AEROTANK
B05	BỂ KHỬ TRÙNG	WP03-A/B	BƠM TRỤC NGANG BỒN LỌC
B06	BỂ TRUNG GIAN		

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Th.S NGÔ QUANG HIẾU	
THỂ HIỆN	
KS. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG	
DỰ ÁN	
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO CHI NHÁNH II	
CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 50 M ³ /NGÀY ĐÊM	
KÝ HIỆU BẢN VẼ	08
KHUONG GIẤY - TỈ LỆ	A3 - 1:80
NGÀY HOÀN THÀNH	11/12/2020

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ống CÔNG NGHỆ NẤP BỂ VÀ ĐÁY BỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/NGÀY, ĐÊM.



MẶT BẰNG NẤP BỂ
TL: 1/80



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ
TL: 1/70

GHI CHÚ:
BỂ TÔNG CỐT THÉP
BỂ TÔNG LÓT

KI HIEU	TÊN BỂ	KÍCH THƯỚC	KI HIEU	TÊN BỂ	KÍCH THƯỚC
B01	BỂ ĐIỀU HÒA	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B05	BỂ TIẾP XÚC	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B02	BỂ THIẾU KHÍ	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B06	BỂ TRUNG GIAN	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B03A	BỂ HIEU KHÍ MBR 1	L x W x H = 2,4m x 2,1m x 2,5m	B07	BỂ CHỨA BÙN	L x W x H = 0,8m x 2,2m x 2,5m
B03B	BỂ HIEU KHÍ MBR 2	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m		BÓN LỌC ÁP LỰC	D x H = 0,8m x 1,8m
B03C	BỂ AEROTANK	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m	CT01	BÓN CHỨA DINH DƯỠNG	D x H = 0,72m x 0,89m
B04	BỂ LANG	L x W x H = 2,2m x 2,1m x 2,5m	CT02	BÓN CHỨA JAVEN	D x H = 0,92m x 1,0m

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ SƠ BỐ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIEU CHÍNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
ĐA KHOA HOÀN HẢO

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG
ĐẠI NAM

DAINAM

ĐC: 144 Chu Văn An, P. Tân Quý, Quận Tân Phú, TP HCM
SĐT: (028) 6390 2086 - Website: thuanphat.com.vn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Th.S NGÔ QUANG HIỆU

THỂ HIỆN

Th.S NGÔ QUANG HIỆU

KS. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

DỰ ÁN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
CHI NHÁNH II

CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 50 M³/NGÀY ĐÊM

KÝ HIỆU BẢN VẼ

09

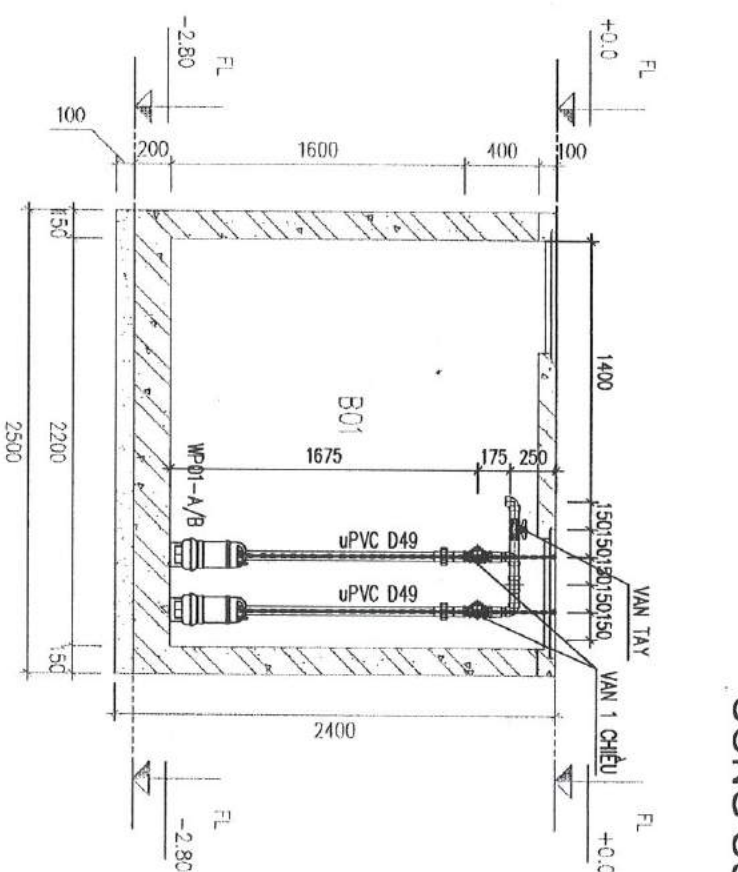
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ

A3 - 1:80

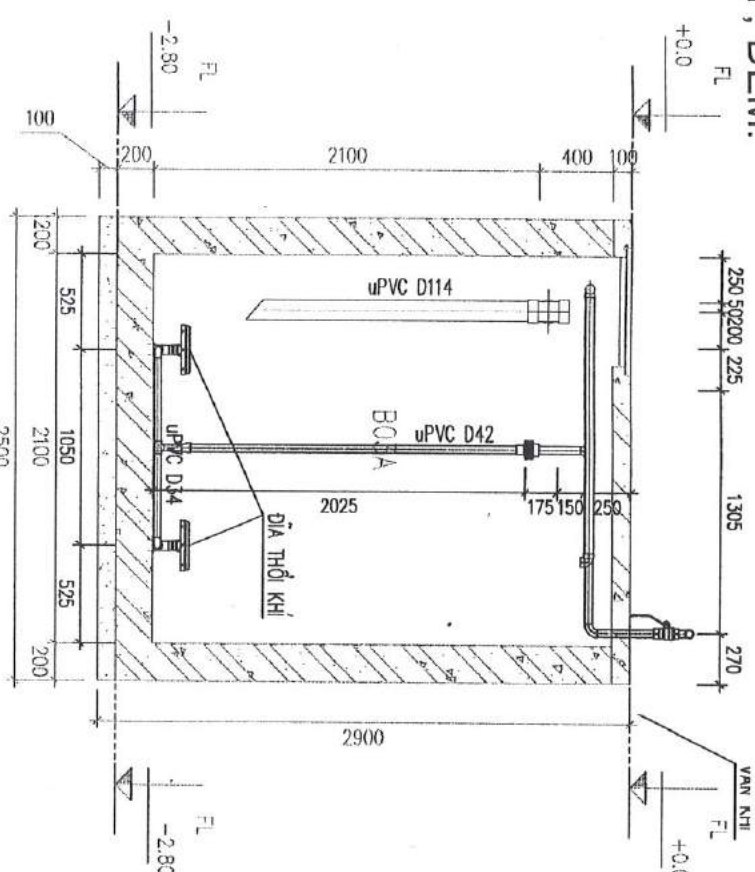
NGÀY HOÀN THÀNH

11/12/2020

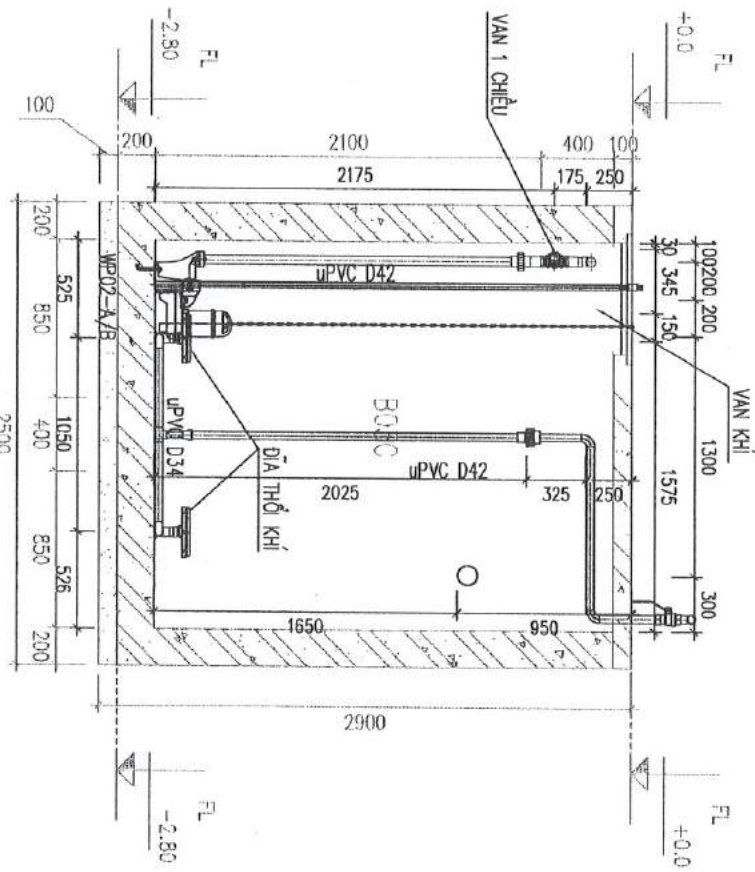
MẶT CẮT 2, 3, 4 ĐƯỜNG ống CÔNG NGHỆ HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/NGÀY, ĐÊM.



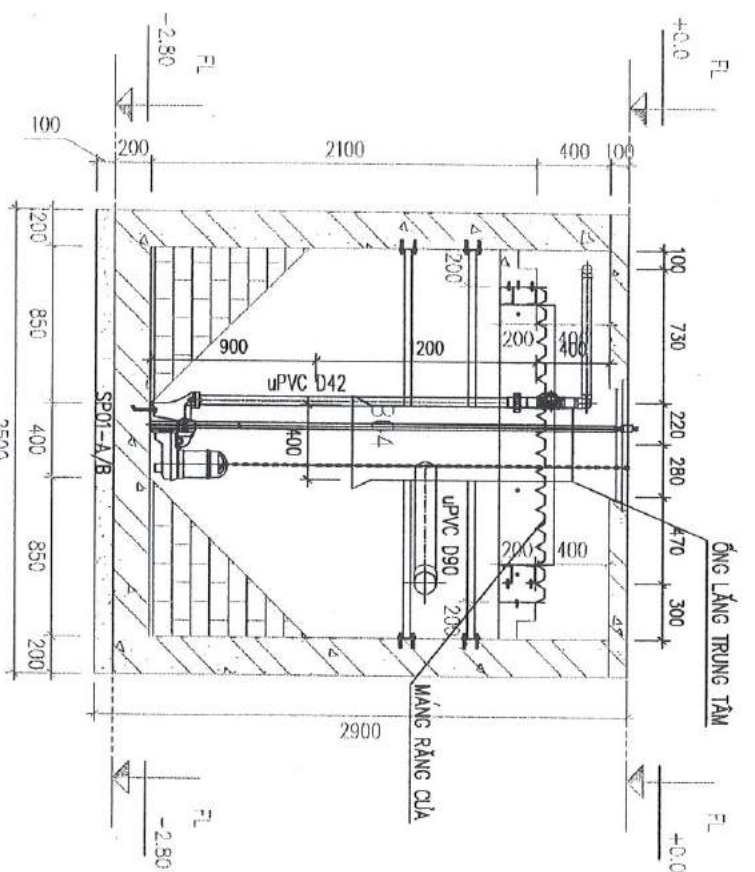
MẶT CẮT 2
TL: 1/40



MẶT CẮT 3
TL: 1/40



MẶT CẮT 4
TL: 1/40



MẶT CẮT 5
TL: 1/40

GHI CHÚ:
BÊ TÔNG CỐT THÉP
BÊ TÔNG LỘT

KÍ HIỆU	TÊN BÊ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÍ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
B01	BỂ ĐIỀU HÒA	B07	BỂ CHỨA BÙN	SP01	BƠM BÙN BỂ LĂNG
B02	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	BLAL	BỘ LỌC ẤP LỰC	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
B03A/B/C	BỂ THIẾU KHÍ MBBR	WP01-A/B	BƠM CHÌM BỂ ĐIỀU HÒA	CT01/02	BỘN CHỨA DINH DƯỠNG/JAVEN
B04	BỂ LĂNG	WP02-A/B	BƠM CHÌM AEROTANK	CP01/.../04	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
B05	BỂ KHỬ TRÙNG	WP03-A/B	BƠM TRÚC NGANG BỘN LỌC	CPA01	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
B06	BỂ TRUNG GIÀN				

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ SƠ BỐ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO	

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
TH.S NGÔ QUANG HIỆU

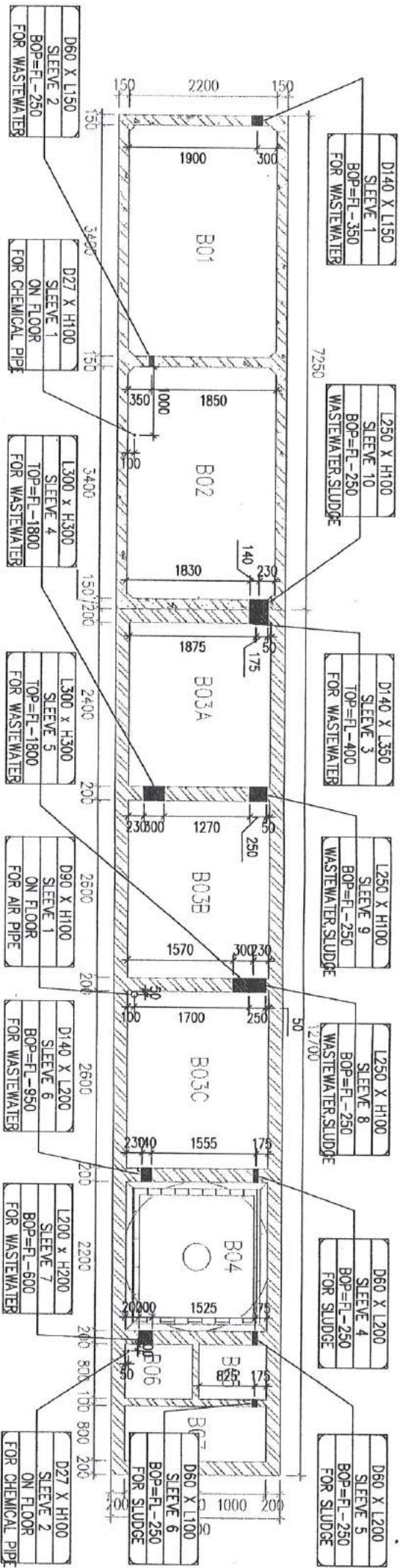
TH.S NGÔ QUANG HIỆU
TH.S NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

DỰ ÁN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO CHI NHÁNH II
CÔNG TRÌNH - HÀNG MỤC

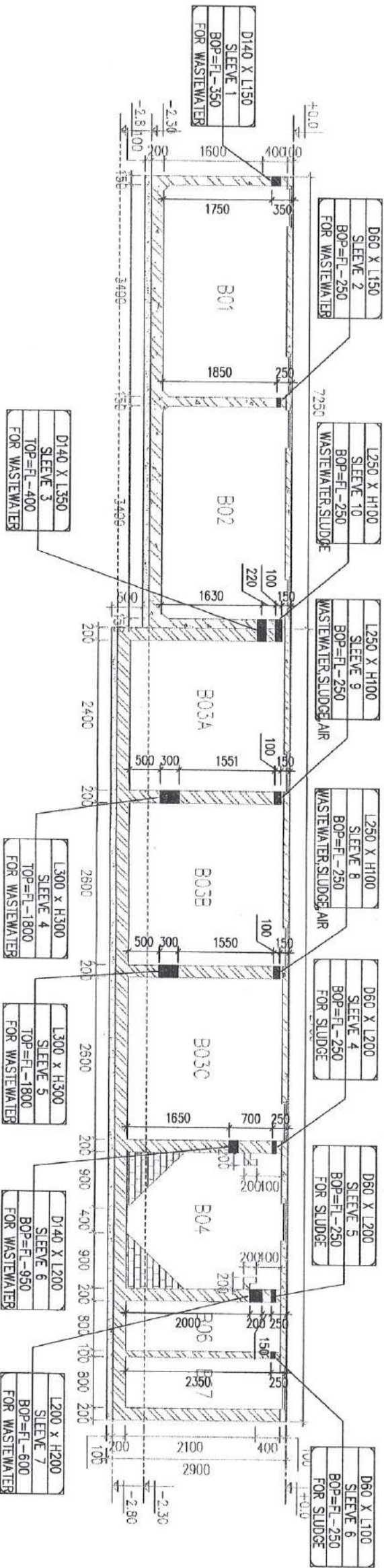
HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 50 M ³ /NGÀY ĐÊM
--

KÝ HIỆU BẢN VẼ	11
KHUNG GIẤY - TỈ LỆ	A3 - 1:40
NGÀY HOÀN THÀNH	11/12/2020

MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỐ TRÍ SLEEVE HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/ NGÀY, ĐÊM.



MẶT BẰNG
T.L: 1/80



MẶT CẮT 4
T.L: 1/80

GHI CHÚ:
BÊ TÔNG CỐT THÉP
BÊ TÔNG LỘT

KÍ HIỆU	TÊN BỂ	KÍCH THƯỚC	KÍ HIỆU	TÊN BỂ	KÍCH THƯỚC
B01	BỂ ĐIỀU HÒA	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B05	BỂ TIẾP XÚC	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B02	BỂ THIỂU KHÍ	L x W x H = 3,4m x 2,2m x 2,0m	B06	BỂ TRUNG GIẢN	L x W x H = 0,8m x 1,0m x 2,5m
B03A	BỂ THIỂU KHÍ MBBR 1	L x W x H = 2,4m x 2,1m x 2,5m	B07	BỂ CHỨA BÙN	L x W x H = 0,8m x 2,2m x 2,5m
B03B	BỂ THIỂU KHÍ MBBR 2	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m	B101	BỂ LỌC ẠP LỰC	D x H = 0,8m x 1,8m
B03C	BỂ AEROTANK	L x W x H = 2,6m x 2,1m x 2,5m	C101	BỂ CHỨA DINH DƯỠNG	D x H = 0,72m x 0,89m
B04	BỂ LẮNG	L x W x H = 2,2m x 2,1m x 2,5m	C102	BỂ CHỨA JAVEN	D x H = 0,92m x 1,0m

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ SƠ BỐ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

BỘ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG
DẠI NAM



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ

TH. S. NGÔ QUANG HIỆU

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

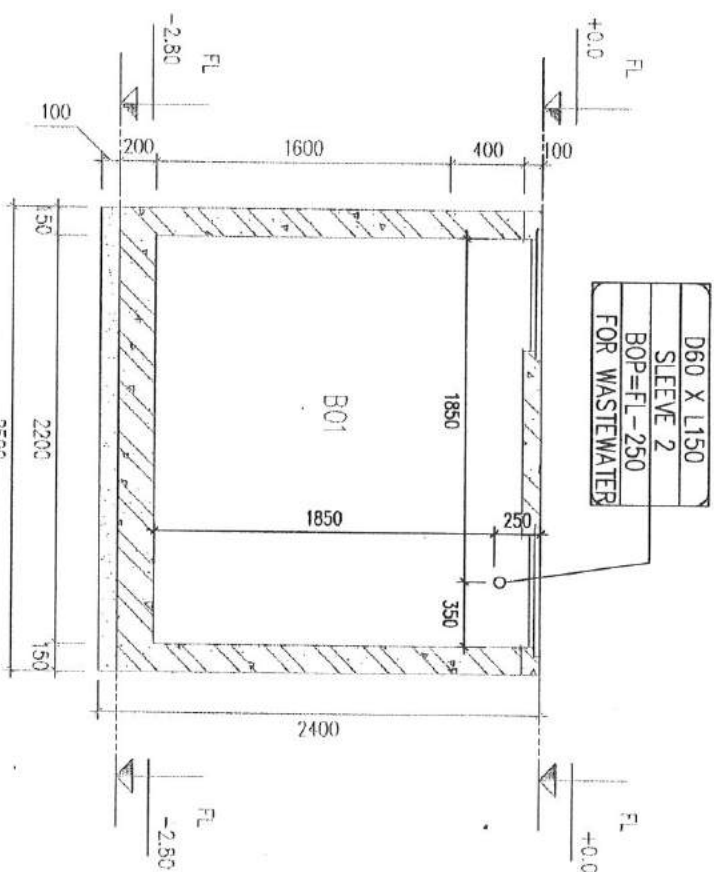
TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

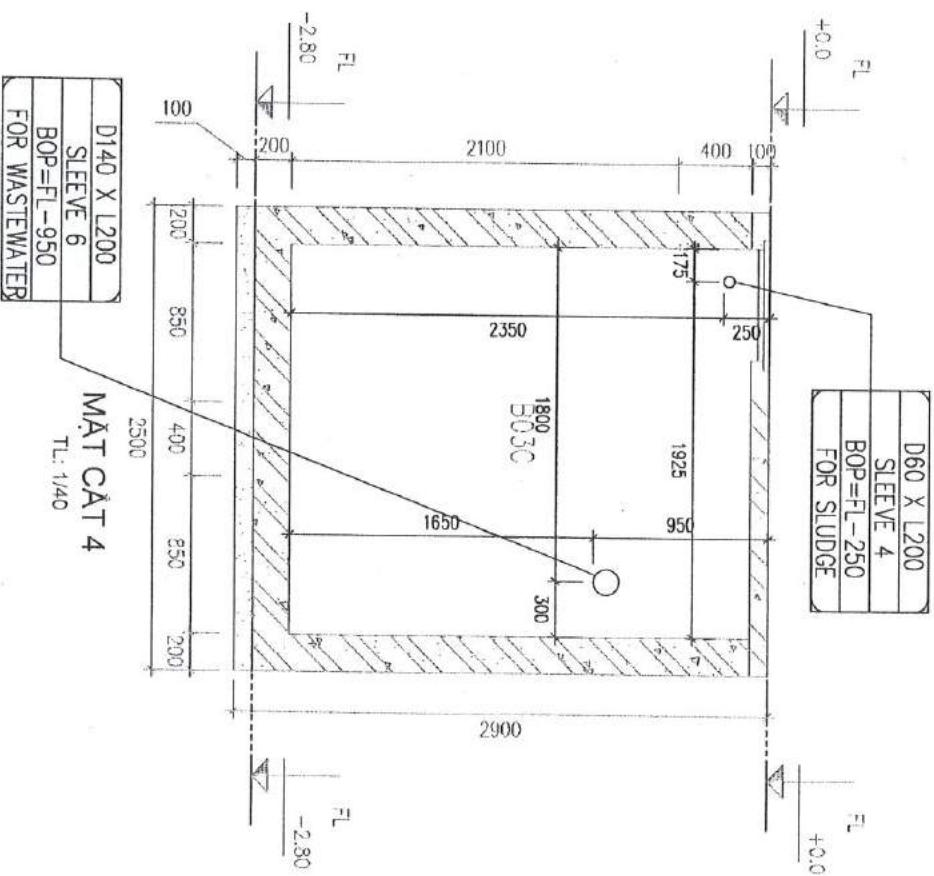
TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

TH. S. NGUYỄN THỊ THẢO TRANG

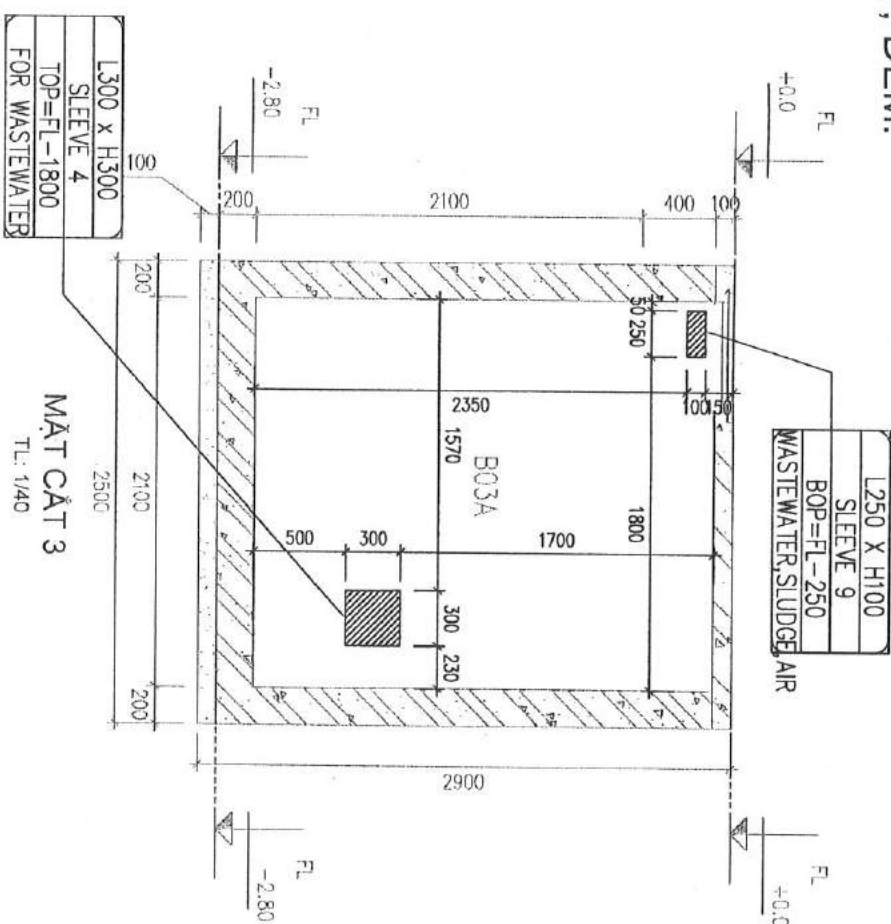
MẶT CẮT 2, 3, 4 BỎ TRÍ SLEEVE HỆ THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 50M³/ NGÀY, ĐÊM.



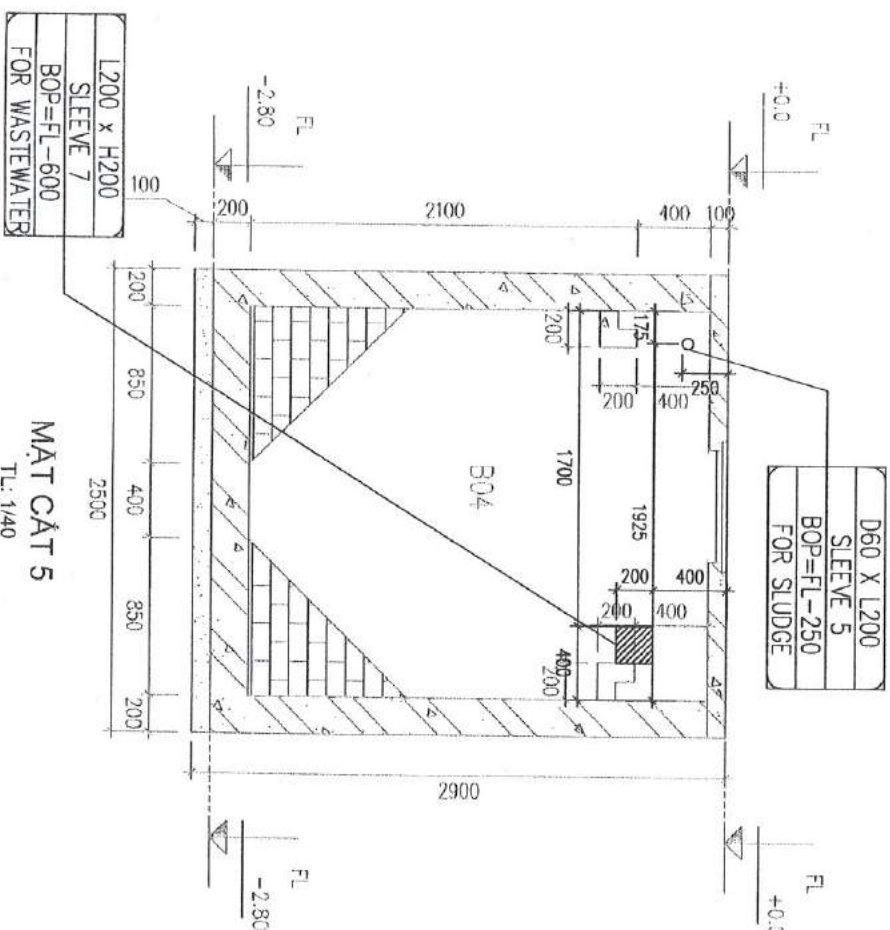
MẶT CẮT 2
TL: 1/40



MẶT CẮT 4
TL: 1/40



MẶT CẮT 3
TL: 1/40



MẶT CẮT 5
TL: 1/40

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ SƠ BỐ	☐
TRÌNH DUYỆT	☐
THI CÔNG	☐
HIỆU CHỈNH	☐
HOÀN CÔNG	☒

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
ĐA KHOA HOÀN HẢO

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG
DẠI NAM



DẠI NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

 BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT	Mã số	ĐN PTC NTH/TLE
	Lần ban hành	01
	Ngày	07/07/2020
	Số trang	06



./DNPTC

Bình Dương, ngày 07 tháng 1 năm 2020.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT

Công trình: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
THUẬN AN

Hạng mục: THI CÔNG VÀ CUNG CẤP VẬT TƯ, THIẾT BỊ, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ CÔNG SUẤT 50 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu hoàn thành lắp đặt theo Hợp đồng số 1107/HĐKT-XLNT/2020

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a/. Bên A: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

* Đại diện:

- Ông/ Bà: Matsunaga Hiroyuki Chức vụ: Giám đốc

- Ông/ Bà: Chức vụ :

b/. Bên B: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

* Đại diện:

- Ông/ Bà : Ngô Quang Hiếu Chức vụ : Giám đốc

- Ông/ Bà: Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 9h

- Kết thúc: 42h

- Tại: Công trường xây dựng

4. Nội dung:

a/. Về tài liệu làm căn cứ nghiêm thu:

- Hợp đồng kinh tế

- Hồ sơ đặc tính kỹ thuật (nếu có)

- Khối lượng thi công thực tế tại hiện trường:

b/. Về chất lượng và số lượng vật liệu, thiết bị, sản phẩm:

	BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT	Mã số	ĐN PTC NHTHLD
		Lần ban hành	01
		Ngày	07/07/2020
		Số trang	06

STT	Tên vật liệu/ thiết bị/ sản phẩm	Quy cách/ Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Mức độ hoàn thành	Ghi chú (1)
A	VỆ SINH KHU VỰC HẦM TỰ HOẠI KHU A, B, C VÀ HỆ THỐNG CŨ						
1	Vệ sinh, tháo gỡ hệ thống cũ gồm: bơm nước, hút bùn, tháo gỡ đường ống và thiết bị hư hỏng,...	-	VN	Hệ	1		
2	Hút hầm tự hoại khu A (A1& A2) & B	-	VN	Hầm	3		
3	Khoan thăm dò, đục, dỡ sàn khu vực hầm tự hoại khu A (A1& A2) & B	-	VN	Hầm	3		
4	Hoàn trả mặt bằng khu vực hầm tự hoại khu A (A1& A2), B	-	VN	Hầm	3		
5	Tạo nắp thăm cho ngăn đầu và ngăn cuối hầm tự hoại để công tác vệ sinh sau này thực hiện dễ dàng. Loại nắp BTCT: kích thước 500x500 mm	-	VN	Nắp	6		
B	HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI TỪ KHU A,B VỀ HỆ THỐNG 50 M3 NGÀY ĐÊM						
1	Bơm chìm đặt tại bể tự hoại khu B và hố gom thu nước phòng xét nghiệm	Lưu lượng: $Q = 6\text{m}^3/\text{h}$ Cột áp: 10m Công suất: 0,75kW/220V/50Hz	HengLong _ Taiwan	Cái	4		
2	Khớp nối bơm tự động	Vật liệu: Nhựa (theo model của bơm)	Việt Nam	Bộ	4		

	BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT	Mã số	ĐN PTC NTHTLĐ
		Lần ban hành	01
		Ngày	07/07/2020
		Số trang	06

STT	Tên vật liệu/ thiết bị/ sản phẩm	Quy cách/ Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Mức độ hoàn thành	Ghi chú (1)
3	Thanh trượt + xích kéo	Vật liệu: Inox SUS304	Việt Nam	Bộ	4		
4	Song chắn rác thô bảo vệ bơm	Kích thước lỗ 10mm Vật liệu: inox 304	Việt Nam	Cái	2		
5	Thi công tuyến ống thu gom nước thải đi âm từ bể tự hoại khu B và hố gom thu nước phòng xét nghiệmhệ thống xử lý nước thải 50 m ³ /ngày đêm	Gồm: đường ống uPVC D60 và D90; Nhân công thực hiện công tác thi công đào, san lấp, hoàn trả mặt bằng.	Việt Nam	M	100		
6	Tủ điện điều khiển cho bơm chìm và dây điện	-	Việt Nam	Tủ	2		
7	Phao báo mực nước	-	Việt Nam	Cái	2		
8	Phụ kiện khác	-	Việt Nam	Hệ	1		
C	PHẦN XÂY DỰNG CHO HT XLNT 50 M3/NGÀY ĐÊM						
I	BỂ ĐIỀU HÒA	Kích thước: DxRxH = 3,4m x 2,2m x 2,0m Vật liệu: BTCT	VN	Bể	1		
II	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC	Kích thước: DxRxH = 3,4m x 2,2m x 2,0m Vật liệu: BTCT	VN	Bể	1		
III	LÀM MÓNG CHO CỤM BỂ ĐIỀU HÒA VÀ ANOXIC	-	-	-	1		
IV	ĐÀO ĐẤT, GIA CỔ TƯỜNG XUNG QUANH VÀ HOÀN TRẢ MẶT BẰNG	-	-	-	1		

	BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT	Mã số	ĐN_PTC_NTHTLĐ
		Lần ban hành	01
		Ngày	07/07/2020
		Số trang	06

STT	Tên vật liệu/ thiết bị/ sản phẩm	Quy cách/ Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Mức độ hoàn thành	Ghi chú (1)
D	PHẦN THIẾT BỊ CHO HT XLNT 50 M3/NGÀY ĐÊM						
I	BỂ ĐIỀU HÒA						
1	Song chắn rác thô	Kích thước lỗ 10mm Vật liệu: inox 304	Việt Nam	Cái	1		
2	Phao báo mực nước bể điều hòa LS-01	-	Italia	Cái	1		
II	BỂ THIẾU KHÍ ANOXIC						
1	Giá thể cố định	Diện tích tiếp xúc: 110 m2/m3 Vật liệu: nhựa pp/pvc	Taiwan	Hệ	1		
2	Sàn đỡ giá thể	Vật liệu: inox 304	Việt Nam	Hệ	1		
3	Bơm định lượng hóa chất clorin CP01-A/B	Màng bơm bằng nhựa EP phủ TEFLON, đầu bơm bằng nhựa PP chịu hóa chất Lưu lượng: 50l/h	Bluewhite- USA	Cái	2		
4	Bồn nhựa chứa dinh dưỡng CT01	Thể tích 500L Tân Á Đại Thành / Sơn Hà	Việt Nam	Bồn	1		
5	Motor khuấy hóa chất	Công suất: 0.1kW/380V/50Hz Số vòng quay: 30 vòng/phút Gồm: trục và cánh khuấy inox 304	Việt Nam	Bộ	1		
III	BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ MBBR VÀ AEROTANK						
1	Máy thổi khí AB- 01A	Lưu lượng: 1.39m3/phút Cột áp: 3m Công suất motor: 2,2kW Điện áp: 380V/50Hz	LongTech	Cái	2		
2	Đĩa khí tinh	Lưu lượng: 2 - 5 m3/h Đường kính đĩa: 270 mm Vật liệu màng đĩa : EPDM	Heywel - Taiwan	Cái	16		

	BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT	Mã số	DN PTC NHTHLD
		Lần ban hành	01
		Ngày	07/07/2020
		Số trang	06

STT	Tên vật liệu/ thiết bị/ sản phẩm	Quy cách/ Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Mức độ hoàn thành	Ghi chú (1)
		Kiểu kết nối: ren trong 27 mm					
3	Hệ chấn giá thể	Kích thước lỗ: 10mm	VN	Bộ	2		
4	Giá thể vi sinh MBBR	Diện tích tiếp xúc 3000m ² /m ³ Kích thước giá thể: 20x20mm Vật liệu: PVC loại đặc chủng Tăng thời gian lưu giữ vi sinh	VN	Hệ	1		
5	Men vi sinh	-	USA	Hệ	1		
6	Bùn vi sinh	-	Việt Nam	Hệ	1		
IV BỂ LẮNG							
1	Ống lắng trung tâm: D400 mm; L1200mm	Vật liệu: inox 304, dày 0.8mm	Việt Nam	Cái	1		
2	Máng răng cưa thu nước	Vật liệu: inox 304, dày 0.8mm	Việt Nam	Cái	1		
V BỂ KHỬ TRÙNG							
1	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải DN50	-	Komax-Hàn Quốc	Cái	1		
VI BỒN LỌC ÁP LỰC							
1.	Tháo bỏ vật liệu cũ	-	VN	Hệ	1		
2.	Thay vật liệu lọc mới: Than, cát, sỏi	-	VN	Hệ	1		

	BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT	Mã số	DN PTC NTHTLĐ
		Lần ban hành	01
		Ngày	07/07/2020
		Số trang	06

STT	Tên vật liệu/ thiết bị/ sản phẩm	Quy cách/ Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Mức độ hoàn thành	Ghi chú (1)
VII KHÁC							
1.	Hệ thống điện điều khiển	- Tủ điện: Kiểu công nghiệp - Điều khiển tự động: Contactor, Overload Relay, CP, Signal Lamp, Timer, LED.	Vỏ tủ: Việt Nam; Thiết bị: Hàn Quốc hoặc tương đương.	Hệ	1		
2.	Cập nhật lại tủ điện cho đúng với nguyên lý xử lý mới	-	Việt Nam	Hệ	1		
3.	Cáp điện	-	Việt Nam	Hệ	1		
4.	Hệ thống đường ống công nghệ	- Đường ống dẫn nước: uPVC - Đường ống dẫn bùn: uPVC - Đường ống dẫn hóa chất: uPVC - Đường ống dẫn khí: phần nổi ống inox, phần ngập nước ống PVC Ống và phụ kiện PVC: Tiền Phong / Bình Minh	Việt Nam	Hệ	1		
5.	Lắp đặt toàn bộ hệ thống	-	Việt Nam	Hệ	1		

c/. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

5. Kết luận:

Thông nhất nghiệm thu cho bên B để triển khai các công việc tiếp theo.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B

Ngô Quang Hiếu

**Phụ lục 4 - Công văn nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải của
Chi Nhánh II Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo
Thuận An.**

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 7 năm 2010



Số 1545 /STNMT-MT

V/v Kiểm tra, nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải của Chi nhánh II - Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ xin kiểm tra nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải của Chi nhánh II - Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo. Sau khi xem xét và kiểm tra thực tế tại bệnh viện, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến trả lời như sau:

Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho Chi nhánh II theo đúng như báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Hệ thống xử lý nước thải có công suất xử lý 40 m³/ngày và bao gồm các công trình xử lý cụ thể như sau:

Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các khu khám chữa bệnh => Bể cân bằng => Bể xử lý sinh học hiếu khí I => Bể xử lý sinh học hiếu khí II => Bể lắng => Bể tiếp xúc chlorine => Bể chứa trung gian => Thiết bị lọc áp lực => Thải ra cống thoát nước đường BH22.

Tại thời điểm kiểm tra ngày 16 tháng 6 năm 2010, nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường (QCVN 14:2008/BTNMT cột B).

Tuy nhiên, nước thải của bệnh viện chưa được thu gom hết về trạm xử lý nước thải để xử lý. Điều này thể hiện qua việc lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải tại cống thoát nước chung của bệnh viện chưa đạt quy chuẩn thải ra môi trường (Kèm theo Phiếu kết quả thử nghiệm số Q626-627 610 ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bình Dương).

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo phải:

- Kiểm tra và sửa chữa lại hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom hết về trạm xử lý nước thải để xử lý.
- Luôn vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Lập hồ sơ xin xác nhận đã thực hiện đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt và các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét. Thời gian thực hiện là 01 tháng kể từ ngày ký văn bản này.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với việc nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải chuyên Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo để biết và thực hiện./.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, Ngh4.

Số CT: 01.9427

Quyển số: 06

STKT-GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Vang

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2484/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 10 tháng 6 năm 2020

Vv cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước
thải tập trung từ 40m³/ngày lên 50m³/ngày



Kính gửi: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào
Thuận An

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 17/CNII-HH/17-05-2020 và văn bản số 19/CNII-HH/19-05-2020 của Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào Thuận An về việc đổi tên chi nhánh và cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 40m³/ngày lên 50m³/ngày. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào đã lập và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Bệnh viện đa khoa tư nhân Hoàn Hào Thuận An, quy mô 50 giường tại 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An tại Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2009. Theo đó, Chi nhánh Công ty phải xây dựng công trình xử lý nước thải với công suất 40m³/ngày, quy trình như sau: Nước thải (nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại, khu khám chữa bệnh...) → Bể cân bằng → Bể sinh học hiếu khí dạng giá thể vi sinh dính bám cố định → Bể lắng → Bể tiếp xúc kết hợp khử trùng → Bể chứa trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Thải ra cống thoát nước.

Hiện nay, Chi nhánh Công ty dự kiến cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 40m³/ngày lên 50m³/ngày nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý và dự phòng khi số lượng bệnh nhân tăng lên, đồng thời đổi tên Chi nhánh Công ty. Tuy nhiên, văn bản giải trình của Chi nhánh Công ty chưa làm rõ nguyên nhân của việc tăng công suất của hệ thống xử lý, quy trình công nghệ xử lý nước thải sau khi cải tạo.... Do vậy, để có cơ sở xem xét đề nghị của Chi nhánh Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Chi nhánh Công ty làm rõ một số nội dung sau: đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải hiện hữu; nguyên nhân của việc tăng công suất của hệ thống xử lý nước thải; số lượng giường bệnh dự kiến tăng thêm; quy trình công nghệ xử lý nước thải sau khi cải tạo, nâng công suất; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý nước thải trong quá trình cải tạo để đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Sau khi nhận được các ý kiến giải trình của Chi nhánh Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ có văn bản đối với việc xin cải tạo hệ thống xử lý nước thải, cũng như việc sử dụng lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4633/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 22 tháng 10 năm 2020

Vv cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý
nước thải tập trung từ 40m³/ngày lên
50m³/ngày



Kính gửi: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo
Thuận An

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 07/CNII-HH/07-09-2020 ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An về việc giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến việc cải tạo, nâng công suất công trình xử lý nước thải từ 40m³/ngày lên 50m³/ngày. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Dự án Bệnh viện đa khoa tư nhân Hoàn Hảo Thuận An, quy mô 50 giường tại 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An của Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2009. Theo đó, Chi nhánh Công ty phải xây dựng công trình xử lý nước thải với công suất 40m³/ngày, quy trình như sau: Nước thải (nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại, khu khám chữa bệnh...) → Bể cân bằng → Bể sinh học hiếu khí dạng giá thể vi sinh dính bám cố định → Bể lắng → Bể tiếp xúc kết hợp khử trùng → Bể chứa trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Thải ra cống thoát nước.

- Nay, theo văn bản giải trình của Chi nhánh Công ty thì Công ty dự kiến cải tạo, nâng công suất công trình xử lý nước thải từ 40m³/ngày lên 50m³/ngày để đảm bảo đủ khả năng xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của bệnh viện với quy trình xử lý như sau: Nước thải → Bể điều hoà → Bể Anoxic → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Thải ra cống thoát nước.

- Qua xem xét cho thấy hiện tại lưu lượng nước thải phát sinh tại bệnh viện đã vượt quá khả năng xử lý của hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, công suất của hệ thống xử lý nước thải tăng. Do đó, căn cứ cột 5, mục 105 của Phụ lục II (dự án nâng công suất hệ thống xử lý nước thải có tổng quy mô, công suất tới mức tương đương với dự án tại cột 5 thuộc đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường có thứ tự mục 8 Phụ lục này) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường,

đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường thì Công ty phải lập Kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung công trình bảo vệ môi trường (trong đó bao gồm đánh giá hoạt động hiện tại của bệnh viện, đồng thời làm rõ phương án cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải) và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, xác nhận.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, CCBVMT, Thao4



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự



BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ văn bản số 4498/CCBVMT-KS ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc khảo sát, lấy mẫu nước thải để đánh giá hiện trạng xả nước thải sau xử lý vào suối, kênh rạch của Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Hôm nay vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 13 tháng 10 năm 2022, Chi cục Bảo vệ môi trường đã tiến hành lấy mẫu nước thải để đánh giá hiện trạng xả nước thải sau xử lý vào suối, kênh rạch từ công trình xử lý nước thải của Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo (Địa chỉ: phường Bình Hoà, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

I. THÀNH PHẦN:

1. Chi cục Bảo vệ môi trường:

- Ông Trần Hoàng Minh – Chuyên viên Phòng Kiểm soát ô nhiễm;
- Ông Đinh Văn Tuấn Anh – Chuyên viên Phòng Kiểm soát ô nhiễm.

2. Đơn vị trưng cầu giám định (Trung tâm Phân tích và Đo đạc môi trường Phương Nam).

- Ông Nguyễn Tường Lam – Quan trắc viên;
- Ông Bùi Bình Dương – Quan trắc viên.

3. Đại diện Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

- Bà Nguyễn Thị Dự - Trưởng Phòng hành chính.

(Bà Nguyễn Thị Dự được ông Tatsuya Yamada, là người đại diện theo pháp luật và Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo ủy quyền làm việc với Đoàn theo Giấy ủy quyền số 01/29092022/BVĐKHH ngày 29 tháng 9 năm 2022).

II. KẾT QUẢ LÀM VIỆC:

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 3700681695-002 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 01 năm 2021.

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2009.

- Tại thời điểm làm việc nước thải từ quá trình hoạt động của Bệnh viện phát sinh với lưu lượng 27 m³/ngày.đêm được thu gom về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm, có quy trình như sau: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí MBBR → Bể Aerotank → Bể



lắng → Bể khử trùng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Thải ra đường ĐT 743

- Để đánh giá các thông số ô nhiễm của nước thải, đoàn tiến hành lấy 01 mẫu nước thải sau công trình xử lý nước thải, thông tin lấy mẫu như sau:

Tên	Vị trí	Chỉ tiêu	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
Nước thải	Lấy 01 mẫu nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS, T-N, T-P, Amoni, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng, Chất hoạt động bề mặt, Độ màu	QCVN 28:2010/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Mẫu đã được niêm phong theo đúng quy định (2245, 2246,)

Chi cục Bảo vệ môi trường đề nghị Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo trong quá trình hoạt động luôn vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Bệnh viện được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Biên bản kết thúc cùng ngày, gồm 02 trang được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Biên bản sau khi đã được đọc lại cho các bên tham dự cùng nghe, thống nhất toàn bộ nội dung và không có ý kiến khác./.

ĐẠI DIỆN

Chi nhánh II Công ty
TNHH Bệnh viện đa khoa
Hoàn Hảo

Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN

Đơn vị trung cầu giám định

Nguyễn Tường Lam

ĐẠI DIỆN

Chi cục Bảo vệ môi trường

Trần Hoàng Minh

Phụ lục 5 – Hợp đồng đấu nối vào hệ thoát nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
XÍ NGHIỆP NƯỚC THẢI THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận An, ngày tháng năm 20...

Số: 751 /HĐNT-TA



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Về việc: Đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thuộc
Dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 14/6/2005:
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 18/6/2014;
 - Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 29/06/2006;
 - Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 23/06/2014;
 - Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;
 - Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 12, thông qua ngày 17/06/2009;
 - Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;
 - Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
 - Căn cứ Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 25/06/2013 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thuộc dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương.
 - Căn cứ chỉ thị Số 26/CT-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện một số nội dung được quy định tại nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, năng lực xử lý nước thải của Xí nghiệp Nước thải Thuận An.
 - Căn cứ phiếu đăng ký đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải của Quý khách hàng.

Hôm nay, ngày tháng năm 20... Chúng tôi gồm:

Bên A (Đơn vị thoát nước): Xí Nghiệp Nước Thải Thuận An

Đại diện (Bà): **Cô Kim Tuyền**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 09 – Đại Lộ Bình Dương - P. Vĩnh Phú - TX. Thuận An

Số tài khoản: 651.10.00.7572727 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: 0650.3787980

Fax: 0650.3799029

Email:

Website: www.biwase.com.vn

Bên B (Hộ thoát nước): BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUÂN HẠC
Đại diện (Ông/Bà): Chức vụ:
Số nhà: 044....., Hẻm/Tổ: Đường: Bình Hòa 24.....
Khu phố/ấp Bến An 2..... Phường: Bình Hòa..... TX. Thuận An
Số tài khoản: tại Ngân hàng:
MST:
Điện thoại: 0907893432 Fax:

Sau khi nghiên cứu các quy định cụ thể, bên A và bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các nội dung như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối

Bên A chấp thuận cho bên B đầu nối nước thải từ điểm xả của gia đình (đơn vị) vào hộp đầu nối thuộc hệ thống thoát nước thải do bên A quản lý.

Vị trí hộp đầu nối: 01000..... Tọa độ:

Địa chỉ: 044....., Hẻm/Tổ: Đường: Bình Hòa 24.....

Khu phố/ấp Bến An 2..... Phường: Bình Hòa..... TX. Thuận An

Hình thức đầu nối: ☐ Tự chảy trực tiếp ☒ Tự chảy qua bể tự hoại ☐ Bơm

Ghi chú:

Điều 2. Khối lượng nước thải

a/ Đối tượng sử dụng nước sạch từ đơn vị cấp nước:

☐ XN cấp nước Thuận An

☒ XN cấp nước Dĩ An

Mục đích sử dụng:

☐ Sinh hoạt

☐ HCSN

☐ Sản xuất

☒ Dịch vụ

- Đối với nước thải sinh hoạt, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;
- Đối với các loại nước thải khác khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước.

b/ Đối tượng không sử dụng nước sạch từ đơn vị cấp nước.

- Đối với nước thải sinh hoạt, khối lượng nước thải được xác định căn cứ theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người tại địa phương do UBND tỉnh Bình Dương quy định.
- Đối với các loại nước thải khác thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải (*hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác*). Trường hợp không lắp đặt đồng hồ thì khối lượng nước thải được xác định theo mức khoán với sự thỏa thuận của 2 bên.

☐ Có đồng hồ đo lưu lượng nước thải

☐ Khối lượng nước thải theo mức khoán

c/ Đối tượng sử dụng nước sạch đồng thời vừa nguồn nước từ đơn vị cấp nước và vừa nguồn nước khác.

+ Khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước

+ khối lượng nước thải được xác định theo mức khoán với sự thỏa thuận của 2 bên (*Đối với nguồn nước khác*)

Điều 3. Chất lượng nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước thải phải đảm bảo các quy chuẩn nước xả thải theo quy định;
- Đối với các hộ thoát nước là các hộ dịch vụ (nhà hàng, khách sạn, siêu thị...) nước thải sinh hoạt phải được tách thành phần dầu mỡ trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải.
- Đối với các loại nước thải khác, các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bên A có các quyền sau đây:

- Thu tiền dịch vụ thoát nước từ các hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải theo các quy định của pháp luật;
- Ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước theo quy định tại điều 28 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ.

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải;
- Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước và xử lý nước thải;
- Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước đầu nối vào hệ thống thoát nước thải do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước theo quy định;
- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Cung cấp thông tin thỏa thuận đầu nối cho các đối tượng có nhu cầu;
- Bảo vệ an toàn, hiệu quả và tiết kiệm trong quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;
- Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định;
- Xác định hàm lượng COD của nước thải (trừ nước thải hộ gia đình) làm căn cứ xác định giá dịch vụ thoát nước, định kỳ 06 tháng kiểm tra hoặc kiểm tra đột xuất để xác định hàm lượng COD này khi cần thiết;
- Cung cấp các dịch vụ thoát nước thải cho khách hàng cả về chất lượng và số lượng;
- Tiếp nhận và giải quyết các đơn yêu cầu về dịch vụ thoát nước thải của khách hàng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B có các quyền sau đây:

- Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Bên A kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;
- Được cung cấp thông tin về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của Bên A;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;
- Xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải đúng quy định; quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước thải;
- Đầu nối hệ thống thoát nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thải chung đúng các quy định của thỏa thuận đầu nối;
- Không xả nước mưa và chất thải độc hại vào hệ thống thoát nước thải;
- Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

- Khi có sự thay đổi về thông tin hợp đồng như đổi chủ hoặc cho thuê phải báo cho Bên A biết trước 7 ngày để 2 bên tiến hành thanh lý hợp đồng hoặc thay thế hợp đồng mới.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán:

- **Giá dịch vụ thoát nước:**

- Giá dịch vụ thoát nước (đồng/m³) do UBND tỉnh Bình Dương quyết định.
- Giá dịch vụ thoát nước sẽ thay đổi khi có quyết định điều chỉnh của UBND tỉnh Bình Dương.
- Hộ thoát nước đã thanh toán tiền dịch vụ thoát nước thì không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo điểm c, khoản 1, điều 43 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

- **Phương thức thanh toán:**

- Hiện nay, UBND tỉnh Bình Dương chưa ban hành mức thu tiền dịch vụ thoát nước nên sau khi UBND tỉnh Bình Dương có quyết định ban hành mức thu tiền dịch vụ thoát nước thì sẽ áp dụng thực hiện.

Điều 7. Sửa đổi hợp đồng

Khi có sự thay đổi về các căn cứ pháp lý, các quy chuẩn kỹ thuật thì hợp đồng sẽ sửa đổi cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

Khi phát sinh các vấn đề liên quan cần chấm dứt hợp đồng. Bên A thông báo cho bên B (hoặc ngược lại) trước 15 ngày làm việc, về quyết định chấm dứt hợp đồng tại văn phòng Xi nghiệp Nước thải Thuận An để giải quyết những vướng mắc của hai bên khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 10. Điều khoản chung

- Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ thoát nước này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi UBND tỉnh Bình Dương ban hành mức chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải và hai bên ký hợp đồng chính thức.
- Hợp đồng gồm 04 (bốn) trang được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

Số CT 04.1.9.3.1..... Quyển số: 11 SCT 04.1.9.3.1.....
 ĐẠI DIỆN BÊN A Ngày 15 tháng 11 năm 2015
 ĐƠN VỊ THOÁT NƯỚC XÍ NGHIỆP NƯỚC THẢI THUẬN AN
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. LINH TRUNG
 ĐẠI DIỆN BÊN B
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐÁK HOA
 HOÀN HẢO
 GIÁM ĐỐC
 Phạm Văn Sĩ
 Nguyễn Thanh Vang



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

V/v: Gia đình tự thi công đấu nối nước thải sinh hoạt của gia đình vào hộp đấu nối thu gom nước thải của Xí nghiệp Xử lý Nước thải Thuận An.

Kính gửi: Xí nghiệp Nước thải Thuận An

Tôi tên: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

Đại diện hộ thoát nước thải:

Địa chỉ: ĐƯỜNG ĐIỂM BÌNH HÒA 2A - KP. BÌNH AN 2 P. BÌNH HÒA

Điện thoại: 090 4 89 34 32

Hồ ga đấu nối: ĐIỂM

Lý do tự thi công thoát nước trong nhà:

☐ Xây nhà mới ☐ Sửa nhà ☐ Khác

Gia đình chúng tôi cam kết với Xí nghiệp Nước thải Thuận An về việc gia đình tự thi công hệ thống nước thải trong nhà vào hộp đấu nối của Xí nghiệp quản lý, cụ thể như sau:

- Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về những đoạn ống tôi tự thiết kế và thi công trong nhà tôi, khi có xảy ra sự cố như tắc nghẽn ống, phát sinh mùi hôi do sử dụng không đúng vật liệu thì tôi chịu hoàn toàn chi phí xử lý nếu có.

- Không xả nước mưa, chất thải rắn, chất thải độc hại vào hệ thống thoát nước thải.

- Không được tự ý đào, lắp đặt các thiết bị để xả nước không phải nước thải sinh hoạt vào hệ thống khi đã hoàn thiện đấu nối vào hộp đấu nối của Xí nghiệp.

Tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm những cam kết này.

Chúng thực bản sao đúng với bản chính.

Số QT 4.....1.9.3.0.....Quyển số: 11 SCT/BS Thuận An, ngày tháng 4 năm 2018

Ngày 15 tháng 11 năm 2018

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HÒA



Nguyễn Thanh Vàng



ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Sĩ

Phụ lục 6 - Giấy phép xả thải vào nguồn nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 14 /GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận An

Bình Dương, ngày 18 tháng 01 năm 2016



GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 07/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo, địa chỉ: Số 344B khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: kênh Ba Bò → sông Sài Gòn;

2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.04.148; Y: 06.88.785;



sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Giấy phép này.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Thuận An;
- CN II-Cty TNHH BVĐK Hoàn Hào;
- LĐVP (Nh, Lg), Tiến;
- Lưu: VT



Trần Thanh Liêm





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Lập hồ sơ xin gia hạn giấy phép xả thải vào nguồn nước
Số: 1801A/2019/TLHD-HANA

- Căn cứ Hợp đồng số 0310B/2018/HĐKT-HANA được ký kết giữa Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo và Công ty TNHH Giải Pháp Môi Trường HANA;
- Căn cứ kết quả thực hiện

Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2019, chúng tôi gồm:

1. BÊN A : CHI NHÁNH II - CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO

Địa chỉ : 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274. 3769 722

Người đại diện : Ông Phạm Văn Tứ Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 3700681695-002

Số tài khoản : 006270600001 tại Ngân hàng TMCP Đông Á – PGD Sóng Thần

2. BÊN B : CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG HANA

Địa chỉ : 950/43 Nguyễn Kiệm, P. 03, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028. 2266 1616 - 028. 2242 1818

Người đại diện : Ông Phạm Ngọc Tĩnh Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0313356572

Số tài khoản : 11100014228330 tại Ngân hàng Đông Nam Á (Seabank)-CN Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh



Hai bên đồng ý thanh lý Hợp đồng số 0310B/2018/HĐKT-HANA về việc Lập hồ sơ xin gia hạn giấy phép xả thải vào nguồn nước được ký kết giữa Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo và Công ty TNHH Giải Pháp Môi Trường HANA.

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Công ty TNHH Giải Pháp Môi Trường HANA (Bên B) đã thực hiện xong các nội dung công việc trong hợp đồng số 0310B/2018/HĐKT-HANA.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương đã ra công văn chỉ thị đầu nối vào hệ thống XLNT của KCN và không cần gia hạn giấy phép xả thải

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
1.	Giá trị quyết toán Hợp đồng (gồm 10%	56.705.000	

Phụ lục 7 - Sổ chủ nguồn thải.

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 3 tháng 9 năm 2013



**SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.000964.T
(Cấp lần 2)**

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải :

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 08.54431537 Fax: 08.54431603

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700681695.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 10): ngày 16 tháng 07 năm 2013.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký :

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH : 74.000964.T cấp lần 1 ngày 17 tháng 04 năm 2012.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo;

- Lưu: VT, HSON3
42578



Tao Mạnh Quân



	bì cứng thái kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	550	18 01 02	Tăng
10	Các loại dung dịch và hóa chất chứa thành phần nguy hại thái	Lỏng	1.500	13 01 02	Tăng
11	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thái	Rắn	100	13 01 03	Tăng
12	Nhiệt kế, huyết áp kế thái	Rắn	20	13 03 02	Tăng
13	Pin, ắc quy chì thái	Rắn	30	19 06 01	Tăng
14	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng xét nghiệm thái	Rắn	245	19 05 02	Tăng
Tổng cộng:			11.345 kg		

1.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	12.000
2	Vỏ chai dịch truyền, dây truyền dịch, bao nylon, nhựa không dính thành phần nguy hại.	Rắn	3.000
3	Bao bì carton, giấy vụn phòng	Rắn	1.000
Tổng cộng:			16.000

2. Cơ sở phát sinh CTNH 02:

Tên: Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Địa chỉ: 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 08.322180333 Fax: 0650.3769122

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 3700681695-002.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 3): ngày 25 tháng 07 năm 2012.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

20/12/12



400964T (3.9/2013)

Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	2.400	12 06 06	-
2	Bông băng, gạc, khăn dính máu	Rắn	1.000	13 01 01	Tăng
3	Kim tiêm, chai truyền dịch, dây truyền dịch dính máu	Rắn	2.000		
4	Mẫu xét nghiệm, mẫu bệnh phẩm, nhau thai thải	Rắn	2.000		
5	Bao bì mềm dính hóa chất, dính thành phần nguy hại, phim Xquang thải	Rắn	300	18 01 01	Giảm
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính hóa chất, dính thuốc, dính thành phần nguy hại	Rắn	333	18 01 03	Bổ sung
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	367	18 01 02	Bổ sung
8	Các loại dung dịch và hóa chất chứa thành phần nguy hại thải	Lỏng	1.000	13 01 02	Tăng
9	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng xét nghiệm thải	Rắn	163	19 05 02	Bổ sung
10	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	67	13 01 03	Giảm
11	Giẻ lau găng tay dính hóa chất, dính dầu nhớt thải, găng tay thải	Rắn	133	18 02 01	Giảm



	đèn huỳnh quả thải	Rắn	67	16 01 06	Tăng
13	Hộp mực in thải	Rắn	100	08 02 04	Tăng
14	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	20	19 06 01	Giảm
15	Nhiệt kế, huyết áp kế thải	Rắn	13	13 03 02	Bổ sung
Tổng cộng:			9.963 kg		

2.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	6.000
2	Bao nylon	Rắn	600
3	Giấy vụn	Rắn	600
4	Vĩ thuốc	Rắn	360
Tổng cộng:			7.560 kg

3. Cơ sở phát sinh CTNH 03:

Tên: Chi nhánh IV - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Địa chỉ: 305 Đại lộ Bình Dương, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3719271 Fax: 0650.3719271

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 3700681695-004.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 1): ngày 25 tháng 07 năm 2012.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

not
OK



7400/64T (3.9./2013)

1 Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06	Tăng
2	Hộp mực in thải	Rắn	75	08 02 04	Tăng
3	Bông băng, gạc, khăn dính máu	Rắn	750	13 01 01	Tăng
4	Kim tiêm, chai truyền dịch, dây truyền dịch dính máu	Rắn	1.500		
5	Mẫu xét nghiệm, mẫu bệnh phẩm, nhau thai thải	Rắn	1.500		
6	Giẻ lau găng tay dính hóa chất, dính dầu nhớt thải, găng tay thải	Rắn	100	18 02 01	Giảm
7	Bao bì mềm dính hóa chất, dính thành phần nguy hại, phim Xquang thải	Rắn	225	18 01 01	Tăng
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính hóa chất, dính thuốc, dính thành phần nguy hại	Rắn	250	18 01 03	Tăng
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	275	18 01 02	Tăng
10	Các loại dung dịch và hóa chất chứa thành phần nguy hại thải	Lỏng	750	13 01 02	Tăng
11	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	50	13 01 03	Tăng
12	Nhiệt kế, huyết áp kế thải	Rắn	10	13 03 02	Tăng



	chất thải	Rắn	15	19 06 01	Tăng
14	chất và hỗn hợp hóa chất phòng xét nghiệm thải	Rắn	123	19 05 02	Tăng
Tổng cộng:			5.673 kg		

3.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	8.000
2	Vỏ chai dịch truyền, dây truyền dịch, bao nylon, nhựa không dính thành phần nguy hại.	Rắn	1.500
3	Bao bì carton, giấy văn phòng	Rắn	500
Tổng cộng:			10.000 kg

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký :

Bộ hồ sơ đăng ký "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.000964.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 31 tháng 3 năm 2013" được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



**Phụ lục 8 - Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại, chất thải y tế,
chất thải rắn thông thường**

Số: *M.H.T.* - RSH/HĐ – KT/23

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải sinh hoạt của Chi Nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hào
Thuận An

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX, của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Chi Nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hào Thuận An theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3700681695-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận thay đổi lần 7 ngày 27/01/2021

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

**BÊN A: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO
THUẬN AN**

Địa chỉ: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3769722

Fax: 0274.3769722

Mã số thuế: 3700681695-002

Do Ông/Bà: Tanabe Mamoru,

Chức vụ: Giám đốc nhân sự

Theo Giấy ủy quyền số 2412/POA-HH ngày 24 tháng 12 năm 2022

Mã khách hàng: 3700681695TA00

Ngành nghề: Bệnh viện đa khoa

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 453/UQ-XLCT.NSQT ngày 21 tháng 12 năm 2022)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải ("Hợp đồng") này với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải sinh hoạt được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu xảy ra tình trạng chất thải ngoài quy định của Hợp đồng (chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất) để chung với chất thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối hoặc đồng ý thu gom chất thải (hai bên lập biên bản xác nhận sự việc). Trường hợp Bên B đồng ý, Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển tương ứng một chuyến vận chuyển theo Hợp đồng.

1.3. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 3 lần/ tuần vào thứ 2,4,6 hàng tuần (trừ ngày lễ và ngày tết).
- Địa điểm giao nhận: Tại Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo (Địa chỉ: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải sinh hoạt được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Đơn giá Xử Lý (đồng/tháng)	Đơn giá vận chuyển (đồng/tháng)	Tổng đơn giá (đồng/tháng)
01	Chất thải sinh hoạt: rác từ nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng.	6.000	4.800.000	4.800.000	9.600.000

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hàng tháng Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A.
- Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được hóa đơn GTGT do Bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng Bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Nguyễn Thị Vi	vi.nguyenthi@hoanhao-keimeikai.vn	0332774711

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT Bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.3. Điều chỉnh đơn giá:

Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh đơn giá của hợp đồng:

- Điều chỉnh giá theo các quy định của ngành.
- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)
- Thay đổi tần suất thu gom rác.
- Thay đổi địa điểm giao rác.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của Bên A

3.1.1. Quyền của Bên A

- Được quyền yêu cầu Bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 1 của Hợp đồng này.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho Bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu Bên B vi phạm hợp đồng.

3.1.2. Trách nhiệm của Bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 1 của Hợp đồng này.
- Thực hiện các quy định về phân loại rác tại nguồn, không được đưa các loại chất thải nguy hại, chất thải không hợp pháp, chất thải có thể gây cháy, nổ, chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất vào chung chất thải sinh hoạt.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi Bên B có yêu cầu.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận lợi cho phương tiện vận chuyển di chuyển vào thu gom.
- Cử người ký xác nhận việc thu gom chất thải khi bên B đến thu gom.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải nộp phạt cho Bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho Bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì Bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật, Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải, trừ trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A mà không khắc phục trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

3.2. Quyền và trách nhiệm của Bên B

3.2.1. Quyền của Bên B

- Được nhận tiền do Bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do Bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do Bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên A vi phạm một trong các nội dung của Hợp đồng này hoặc Bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên B.

002-C
NH II
TNH
ĐA KHO
HÀO
VAN
BINH D

3.2.2. Trách nhiệm của Bên B

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận chất thải của Bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi ngay sau khi thu gom.
- Đảm bảo có đầy đủ năng lực, thẩm quyền, sự chấp thuận, cấp phép có liên quan để thực hiện công việc theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2 Những nội dung không nêu trong Hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 01 năm 2024. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi Hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà Bên A không tiếp tục giao chất thải cho Bên B thì Hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn Hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì Hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *N*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

TANABE MAMORU

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ngô Chí Cường



Số: 2368 -RNH/HĐ – KT/20

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại của Chi nhánh II Công ty TNHH
Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ về Quản lý Chất thải và phế liệu.
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH : 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 23/05/2019 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2019.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại : 74.000.964.T, ngày 03 tháng 9 năm 2013 do Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo.
- Căn cứ theo bảng phân loại danh mục chất thải y tế nguy hại phát sinh tại Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An ngày 26 tháng 07 năm 2019.
- Căn cứ theo nhu cầu của Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700681695 -002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 5) ngày 19/02/2019.

Hôm nay, ngày 26 tháng 07 năm 2020 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3769 722

Fax: 0274.3769 722

MST: 3700681695-002

Do Ông/Bà: **Matsunaga Hiroyuki**

Chức vụ: Giám đốc làm Đại Diện

Ngành nghề: Bệnh viện đa khoa.

Trang 1

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 02/UQ-XLCT.NSQT ngày 04 tháng 05 năm 2020)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 16... lần/02... tháng vào ngày thứ 2, 4, 6... tuần thứ 1, 2, 3... tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)
- Địa điểm giao nhận: tại Chi nhánh II- Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo (Địa chỉ: Số 344B đường BH22, khu phố Đông An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương).

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá từng loại chất thải được thể hiện cụ thể trong bảng sau :

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Tính chất nguy hại chính	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
Chất thải lây nhiễm							
01	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm; bơm liên kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật; các chai, lọ thủy tinh vỡ đã chứa đựng các loại thuốc, hóa chất (không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất) và các vật sắc nhọn khác;	Rắn	13 01 01	Thiêu đốt	SN, LN	15.000	300.000
02	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly;	Rắn/lỏng		Thiêu đốt	LN		
03	Chất thải giải phẫu: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm.	Rắn		Thiêu đốt	LN		
Chất thải nguy hại không lây nhiễm							
01	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	Thiêu đốt	Đ, ĐS	15.000	
02	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Rắn	13 01 04	Hóa rắn/Chôn	Đ	15.000	
03	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua	Rắn	13 03 02	Hóa rắn	Đ, ĐS	15.000	

005816
CHÍNH
CỘNG
HÒA
TH
THUAN

005816
XỬ
CƠ
NƯỚC
BỊ
TRẦN CẢ

4

	sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng					
04	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	16 01 06	Hóa rắn hoặc Chôn	D, DS	15.000
05	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08	Thiêu đốt	D, DS, C	10.000
06	Pin, ắc quy thải bỏ	Rắn	16 01 12	Phá dỡ - TR	D, DS, AM	15.000
07	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thải bỏ	Rắn	16 01 13	PV – TĐ	D, DS	15.000
08	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	D, DS	15.000
09	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	18 01 04	Thiêu đốt	D, DS	15.000
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế	Rắn	10 02 03	Hóa rắn/Chôn	D, DS	15.000
11	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01	Thiêu đốt	D, DS	15.000
12	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	D, DS	15.000
Chú thích: D: Độc DS: Độc sinh học C: Dễ cháy AM: Ăn mòn LN: Lây nhiễm						

Ghi chú:

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.
- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo	accounting.h@hoanhao-keimeikai.vn	(028) 5443 1603
Ngô Giang Châu	chau.ngogiang@cuc-msvn.com	090 789 3 432

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại điều 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.

- Phát hành Chứng từ CTNH theo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT cho bên B khi chuyển giao CTNH theo hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại khoản 2.2 điều 2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 5.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có

sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 26 tháng 07 năm 2023. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 07 (bảy) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ (02) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. ✓

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



Matsunaga Hiroyuki

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Chí Thắng

**CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
ĐA KHOA HOÀN HẢO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 26 tháng 07 năm 2019

**DANH MỤC PHÂN LOẠI CHẤT THẢI Y TẾ CẦN XỬ LÝ TẠI
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO**

1. Tên cơ sở phát sinh chất thải:

Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo

2. Địa chỉ phát sinh chất thải:

- Địa điểm giao nhận 1: tại Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo (Địa chỉ: Số 26/14 khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương)
- Địa điểm giao nhận 2: tại Chi Nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An (Địa chỉ: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương)
- Địa điểm giao nhận 3: tại Chi Nhánh IV - Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo (Địa chỉ: 305 đại lộ Bình Dương, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương)

3. Danh mục chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính
Chất thải lây nhiễm				
01	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm; bơm liềm kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật; các chai, lọ thủy tinh vỡ đã chứa đựng các loại thuốc, hóa chất (không thuộc nhóm	Rắn	13 01 01	SN, LN

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bình Dương, ngày 3 tháng 9 năm 2013

SỐ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 74.000964.T

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.
Địa chỉ văn phòng/ty sở chính: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 08.54431537 Fax: 08.54431603

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700681695

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 10): ngày 16 tháng 07 năm 2013.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản chi trả:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 74.000964.T cấp lần 1 ngày 17 tháng 04 năm 2012.

Nơi nhận:

Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Lưu VT/Hs/...

...

CHI CỤC TRƯỞNG



Lưu Minh Quân



3/2013

PHỤ LỤC

Liên Số đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.00096a.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 5. tháng 9. năm 2013.

1. Cơ sở phát sinh CTNH Q1:

Tên: Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Địa chỉ: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 08.54431537 Fax: 08.54431603

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700681695.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 10): ngày 16 tháng 07 năm 2013.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

1.1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Số	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bìu)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Chức chất
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	100	18 01 01	Tàng
2	Hộp mực in thải	Rắn	150	08 03 01	Tàng
3	Băng băng, gạc, khăn dính máu	Rắn	1.500		
4	Kiểm tiêm, chai truyền dịch, dây truyền dịch dính máu	Rắn	3.000	13 01 01	Tàng
5	Mẫu xét nghiệm, mẫu bệnh phẩm, nhau thai	Rắn	5.000		
6	Giẻ lau găng tay dính hóa chất, dính dầu nhớt thải, găng tay thải	Rắn	200	18 03 01	
7	Bao bì đựng dính hóa chất, dính thành phần nguy hại, phẩm X quang thải	Rắn	450	18 01 01	Tàng
8	Bao bì đựng thải hóa chất, dính thuốc, dính thành phần nguy hại	Rắn	500	18 01 01	Tàng

74.0003644.1/2013



	Chất thải cùng thái kim loại dính phân nguy hại	Rắn	550	18-01-02	Tặng
10	Các loại dung dịch và hóa chất chứa thành phần nguy hại thái	Lỏng	1.500	13-01-03	Tặng
11	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thái	Rắn	100	13-01-03	Tặng
12	Nhiệt kế, huyết áp kế thái	Rắn	20	13-03-02	Tặng
13	Pin, ác quy chì thái	Rắn	30 2.7	19-06-01	Tặng
14	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng xét nghiệm thái	Rắn	245	19-05-02	Tặng
Tổng cộng:			11.345 kg		

1.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bị)-	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	12.000
2	Vỏ chai dịch truyền, dây truyền dịch, bao nylon, nhựa không dính thành phần nguy hại	Rắn	3.000
3	Bàn bị carbon, giấy văn phòng	Rắn	1.000
Tổng cộng:			16.000

2. Cơ sở phát sinh CTNH 02:

Tên: Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn I Lào

Địa chỉ: 364B, đường B122, khu phố Đồng An phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 08.322180333 Fax: 0650.3769122

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 3700681695-002.

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 3) ngày 25 tháng 07 năm 2012.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.



02964T (5.4.2013)

Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên

	Tên chất/thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (số lượng)	Mã CTNH	Cm chất
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	2.400	12.06.01	
2	Bông băng, gạc, khăn dính máu	Rắn	1.000		
3	Khăn tiêm, chai truyền dịch, dây truyền dịch dính máu	Rắn	1.611 2.000	13.01.01	Tung
4	Mẫu xét nghiệm, mẫu bệnh phẩm, nhuộm thải	Rắn	1.611 2.000		
5	Bao bì mềm dính hóa chất, dính thành phần nguy hại, phim X-quang thải	Rắn	300	18.01.01	Giảm
6	Bao bì cứng thấp bằng nhựa dính hóa chất, dính thuốc, dính thành phần nguy hại	Rắn	133	18.01.01	Hệ thống
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	133 367	18.01.02	Hệ thống
8	Các loại dung dịch và hóa chất chưa thành phần nguy hại thải	Lỏng	1.1 1.000	13.01.02	Tung
9	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng xét nghiệm thải	Rắn	163	19.03.02	Hệ thống
10	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	67	13.01.03	Giảm
11	Chỉ lau găng tay dính hóa chất, dính dầu nhớt thải, găng tay thải	Rắn	133	18.01.01	



Đơn vị		Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị
74.000.2011.12.13.2013	đơn vị	đơn vị	đơn vị	đơn vị
13	Hộp mực in đầu	Rắn	67	16 01 06 Tổng
14	Pin, ổ quy chỉ thời	Rắn	100	08 02 04 Tổng
15	Nhiệt kế, huyết áp kế	Rắn	20	19 06 01 Giám
	thời		13	13 03 02 Bộ
Tổng cộng:			9,863 kg	

2.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	5.000
2	Bùn nylon	Rắn	600
3	Giấy vụn	Rắn	600
4	Vt thuốc	Rắn	300
Tổng cộng:			7.500 kg

3. Cơ sở phát sinh CTNH 03:

Tên: Chi nhánh IV - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo.

Địa chỉ: 305 Đại lộ Bình Dương, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3719271 Fax: 0650.3719271

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 3700681025-004

Ngày cấp (thay đổi lần thứ 1): ngày 25 tháng 07 năm 2012.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.



ĐƠN T (3.2/1013)

Đính sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/những)	Mã CTNH	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 05	Tàng
2	Hộp mực in thải	Rắn	75	08 01 04	Tàng
3	Bóng đèn, gác, khăn dính màu	Rắn	750		
4	Kính liếm, chai truyền dịch, dây truyền dịch dính máu	Rắn	1.500	13 01 01	Tàng
5	Mẫu xét nghiệm, mẫu bệnh phẩm, nhai thải thải	Rắn	1.500		
6	Giẻ lau, găng tay dính hóa chất, dính dầu nhớt thải, găng tay thải	Rắn	100	18 02 01	Giảm
7	Bao bì mềm dính hóa chất, dính thành phần nguy hại, phần Xquang thải	Rắn	225	18 01 01	Tàng
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính hóa chất, dính thuốc, dính thành phần nguy hại	Rắn	250	18 01 03	Tàng
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	275	18 01 02	Tàng
10	Các loại dung dịch và hóa chất chưa thành phần nguy hại thải	Lỏng	750	13 01 02	Tàng
11	Thuốc phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	50	13 01 03	Tàng
12	Nhiệt kế, huyết áp kế thải	Rắn	10	13 01 02	Tàng

74.000964 (CTNH/2013)



Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	15	19.06.01	Tăng
Hộp sữa và hộp hộp hóa chất phòng kết nghiệm thải	Rắn	123	19.05.02	Tăng
Tổng cộng:		5.673 kg		

3.2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên.

Số	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/khí)	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	8.000
2	Vỏ chai dịch truyền, dây truyền dịch, dao nylon, nhựa không đính thành phần nguy hại.	Rắn	1.500
3	Hộp bì carton, giấy văn phòng	Rắn	500
Tổng cộng:			10.000 kg

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLC/CTNH/74.000964.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 05 tháng 03 năm 2013" được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận và treo bên và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

Phụ lục 9 - Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường

Phụ lục 10 - Phiếu kết quả quan trắc môi trường 2021, 2022



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 00672/2021/PKQ-THH (21.1427)

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
2. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
3. Địa chỉ lấy mẫu : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
4. Ngày lấy mẫu : 31/03/2021
5. Ngày trả kết quả : 08/04/2021
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	210401.KK.067	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	210401.KK.068	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	210401.NT.051	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

PHỤ TRÁCH PTN**Vũ Thị Hà****P. GIÁM ĐỐC****Phạm Thị Hải Yến**

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00672/2021/PKQ-THH (21.1427)

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 210401.KK.067)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(b)	M.S.D.N.031201008.C.T.T.N.H.H.	TCVN 7878-2:2018	56,7	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG TÂN HUY HOÀNG	QCVN 46-2017/BTNMT	32,9	-
3	Tốc độ gió ^(b)	Q.BINH THANH TP. HO CHI MINH	QCVN 46-2017/BTNMT	61,6	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	243	300
5	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	59	200
6	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	77	350
7	CO ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.515	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 210401.KK.067: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 2/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00672/2021/PKQ-THH (21.1427)

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 210401.KK.068)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
					Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn ^(b)		TCVN 9799 : 2012	61,6	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)		TCVN 5508 : 2009	27,7	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió ^(b)		TCVN 5508 : 2009	0,3	-	0,2 ÷ 1,5
4	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,38	5 ⁽²⁾	-
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,10	3,13	-
6	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,13	3,13	-
7	CO	mg/m ³	QT-PTKCO - 29	5,13	12,5	-
8	Tia X ^(b)	mSv/hr	TCVN 6561-1999	0,001	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng
- 210401.KK.068: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 3/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00672/2021/PKQ-THH (21.1427)

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 210401.NT.051)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	6,81	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	20	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	7,0	120
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,40	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,84	-
7	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1,5 x 10 ²	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 210401.NT.051: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01063/2021/PKQ-THH (21.2112)

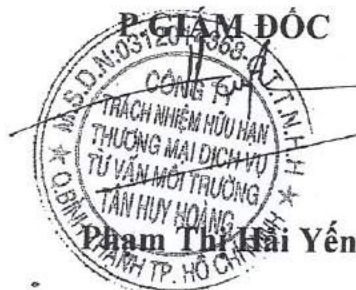
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu** : CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa điểm lấy mẫu** : CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa chỉ lấy mẫu** : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, TP. Thuận An
tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu** : 21/05/2021
- Ngày trả kết quả** : 01/06/2021
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	210522.KK.010	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	210522.KK.011	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	210522.NT.008	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2 – 4/4

PHỤ TRÁCH PTN**Vũ Thị Hà**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01063/2021/PKQ-THH (21.2112)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 210522.KK.010)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	61,3	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2017/BTNMT	31,2	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2017/BTNMT	0,6	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	238	300
5	NO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	53	200
6	SO ₂ ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	72	350
7	CO ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.380	30.000

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 210522.KK.010: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SĐ: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 2/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG-ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01063/2021/PKQ-THH (21.2112)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2021****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 210522.KK.011)**

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
				Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn ^(b)	TCVN 9799 : 2012	56,6	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	TCVN 5508 : 2009	29,1	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió ^(b)	TCVN 5508 : 2009	0,3	-	0,2 ÷ 1,5
4	Bụi (TSP)	TCVN 5067 : 1995	0,35	5 ⁽²⁾	-
5	NO ₂	TCVN 6137 : 2009	0,11	3,13	-
6	SO ₂	TCVN 5971 : 1995	0,13	3,13	-
7	CO	QT-PTKCO - 29	5,19	12,5	-
8	Tia X ^(b)	TCVN 6561-1999	0,002	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng
- 210522.KK.011: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 3/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 01063/2021/PKQ-THH (21.2112)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 210522.NT.008)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	7,62	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	21	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	9,0	120
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,09	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,76	-
7	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1,2 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 210522.NT.008: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SĐ: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 4/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778 VIMCERTS 076

Số phiếu: 02069-20/2021/PKQ-THH (21.4306)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : Chi nhánh II - Công ty TNHH bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An
2. Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh II - Công ty TNHH bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An
3. Địa chỉ lấy mẫu : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
4. Ngày lấy mẫu : 30/09/2021
5. Ngày trả kết quả : 08/10/2021
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	211001.KK.032	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	211001.KK.033	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	211001.NT.022	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 4/4

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

**GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Hải Yến

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 1/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02069-20/2021/PKQ-THH (21.4306)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211001.KK.032)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
				Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn (a)	TCVN 7878-2:2018	60,8	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	30,6	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	0,6	-
4	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/m ³	221	300
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	47	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	59	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	5.709	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 211001.KK.032: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.

BM03-QT20-BCTN

BH/SĐ: 03/01

Ngày BH/HL: 09/03/2021

Trang 2/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCER 076

Số phiếu: 02069-20/2021/PKQ-THH (21.4306)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211001.KK.033)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
				Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn dBA	TCVN 9799 : 2012	54,8	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ °C	TCVN 5508 : 2009	28,7	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió m/s	TCVN 5508 : 2009	0,5	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b) mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,30	5 ⁽²⁾	-
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b) mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,091	3,13	-
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b) mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,11	3,13	-
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b) mg/m ³	QT-PTKCO - 29	5,12	12,5	-
8	Tia X mSv/hr	TCVN 6561-1999	0,002	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng
- 211001.KK.033: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 3/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02069-20/2021/PKQ-THH (21.4306)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211001.NT.022)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,59	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	9	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	20	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	8	120
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,63	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,69	-
7	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1,5 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 211001.NT.022: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.

BM03-QT20-BCTN

BH/SĐ: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 4/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 02810/2021/PKQ-THH (21.6287)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu** : Chi nhánh II - Công ty TNHH bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An
- Địa điểm lấy mẫu** : Chi nhánh II - Công ty TNHH bệnh viện đa khoa Hoàn Hào Thuận An
- Địa chỉ lấy mẫu** : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu** : 03/12/2021
- Ngày trả kết quả** : 11/12/2021
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	211204.KK.001	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	211204.KK.002	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	211204.NT.006	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang 2 – 4/4

PHỤ TRÁCH PTN**Vũ Thị Hà****P. GIÁM ĐỐC****Phạm Thị Hải Yến**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02810/2021/PKQ-THH (21.6287)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211204.KK.001)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,d)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,5	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	32,0	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,7	-
4	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	233	300
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	39	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	54	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	5.617	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 211204.KK.001: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02810/2021/PKQ-THH (21.6287)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211204.KK.002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
					Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799 : 2012	47,9	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 : 2009	26,1	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 : 2009	0,3	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	KPH (MDL=0,023)	5 ⁽²⁾	-
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,12	3,13	-
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,16	3,13	-
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	mg/m ³	QT-PTKCO - 29	5,37	12,5	-
8	Tia X	mSv/hr	TCVN 6561-1999	KPH	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chứng
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 211204.KK.002: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

TAN HUY HOANG ENVIRONMENT CONSULTING SERVICE TRADING CO., LTD

Trụ sở chính: B24, Cư Xá 301, Đường D1, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 02810/2021/PKQ-THH (21.6287)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211204.NT.006)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,19	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	53	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	109	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	46	120
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	24,6	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,76	-
7	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 211204.NT.006: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00885/2022/PKQ-THH (22.1087)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu** : CN II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa điểm lấy mẫu** : CN II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa chỉ lấy mẫu** : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu** : 29/03/2022
- Ngày trả kết quả** : 06/04/2022
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220330.KK.013	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	220330.KK.014	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	220330.NT.012	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00885/2022/PKQ-THH (22.1087)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220330.KK.013)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn (a)	dB	TCVN 7878-2:2018	55,5	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ (b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	31,5	-
3	Tốc độ gió (b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	225	300
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	36	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	59	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	5.359	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 220330.KK.013: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thù Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00885/2022/PKQ-THH (22.1087)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220330.KK.014)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
				Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn	TCVN 9799 : 2012	52,7	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ	TCVN 5508 : 2009	29,3	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 : 2009	0,4	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	TCVN 5067 : 1995	0,32	5 ⁽²⁾	-
5	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	TCVN 6137 : 2009	0,099	3,13	-
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	TCVN 5971 : 1995	0,16	3,13	-
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	QT-PTKCO - 29	5,27	12,5	-
8	Tia X	TCVN 6561-1999	0,00015	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- 220330.KK.014: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 3/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00885/2022/PKQ-THH (22.1087)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220330.NT.012)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	6,58	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	20	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	120
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,1	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,26	-
7	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	9,3 x 10 ²	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 220330.NT.012: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TÂN HUY HOÀNG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 01992/2022/PKQ-THH (22.2912)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CN II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa điểm lấy mẫu : CN II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa chỉ lấy mẫu : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 08/06/2022
- Ngày trả kết quả : 16/06/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220609.KK.024	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	220609.KK.025	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	220609.NT.012	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC

ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 1/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyền 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01992/2022/PKQ-THH (22.2912)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220609.KK.024)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn (a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	60,8	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ (b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	30,0	-
3	Tốc độ gió (b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	217	300
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	41	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	64	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	5.307	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 220609.KK.024: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 7/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778 VIMCERTS 076

Số phiếu: 01992/2022/PKQ-THH (22.2912)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 220609.KK.025)**

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
				Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn (b)	TCVN 9799 : 2012	55,2	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ (b)	TCVN 5508 : 2009	29,6	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió (b)	TCVN 5508 : 2009	0,4	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	TCVN 5067 : 1995	0,23	5 ⁽²⁾	-
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	TCVN 6137 : 2009	0,014	3,13	-
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	TCVN 5971 : 1995	0,24	3,13	-
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	QT-PTKCO - 29	5,35	12,5	-
8	Tia X	TCVN 6561-1999	0,00024	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng
- 220609.KK.025: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày BH/ HI.: 09/03/2021

Trang 2/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01992/2022/PKQ-THH (22.2912)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220609.NT.012)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,67	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	25	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	14	120
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,4	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,53	-
7	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,2 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 220609.NT.012: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02985/2022/PKQ-THH (22.4618)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 09 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu** : CN II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa điểm lấy mẫu** : CN II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN
- Địa chỉ lấy mẫu** : 344B, đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu** : 06/09/2022
- Ngày trả kết quả** : 14/09/2022
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220907.KK.001	Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)	Không khí xung quanh
2	220907.KK.002	Khu vực phòng chụp X - Quang	Không khí lao động
3	220907.NT.002	Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN**Vũ Thị Hà****P. GIÁM ĐỐC****ThS. Phạm Thị Hải Yến**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyền 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02985/2022/PKQ-THH (22.4618)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 09 năm 2022****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 220907.KK.001)**

STT	THÔNG SỐ THÔNG SỐ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2013/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	61,2	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2012/BTNMT	29,4	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2012/BTNMT	0,6	-
4	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	206	300
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	66	200
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	63	350
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/m ³	QT-PTKCO-29	4.589	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 220907.KK.001: Khu vực cổng phòng khám (X = 1204541; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/01

Ngày RH/ H/ / 09/2022

Trang 2/4



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 02985/2022/PKQ-THH (22.4618)**TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 09 năm 2022****KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****(Mã hóa mẫu: 220907.KK.002)**

STT	THÔNG SỐ THỬ NGHIỆM VÀ HƯỚNG PHÁP THỬ			KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
					Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn		TCVN 9799 : 2013	56,4	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 : 2009	28,3	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 : 2009	0,4	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,34	5 ⁽²⁾	-
5	Nitơ dioxit (NO ₂) ^(b)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,086	3,13	--
6	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂) ^(b)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,16	3,13	-
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	mg/m ³	QT-PTKCO - 29	5,12	12,5	-
8	Tia X	mSv/hr	TCVN 6561-1999	0,00024	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chứng
- 220907.KK.002: Khu vực phòng chụp X - Quang

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



TAN HUY HOANG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đồng Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778 VIMCERTS 076

Số phiếu: 04086/2022/PKQ-THH (22.6296)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 221110.KK.036)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 26:2016/BYT
				Làm việc 7 ngày	Tại nơi làm việc
1	Tiếng ồn	TCVN 9799 : 2013	55,1	-	85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ	TCVN 5508 : 2009	28,2	-	18 ÷ 32
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 : 2009	0,3	-	0,2 ÷ 1,5
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	TCVN 5067 : 1995	0,37	5 ⁽²⁾	-
5	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	TCVN 6137 : 2009	0,089	3,13	-
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	TCVN 5971 : 1995	0,14	3,13	-
7	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	QT-PTKCO - 29	5,23	12,5	-
8	Tia X	TCVN 6561-1999	0,00031	0,011 ⁽³⁾	-

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimecerts;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- (2): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- (3): TT19/2012/TT-BKHCN: Quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng
- 221110.KK.036: Khu vực phòng chụp X - Quang

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SĐ: 03/01

Ngày BH/ HL: 09/03/2021

Trang 3/4



TÂN HUY HOÀNG CO., LTD

CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đồng Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
 Chi nhánh: Đường Huyện 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778



VIMCERTS 076

Số phiếu: 04086/2022/PKQ-THH (22.6296)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 221110.NT.015)



STT	THÔNG SỐ		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 28:2010/BTNMT
					Cột B; K=1,2
1	pH ^(b)		TCVN 6492:2011	8,32	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(a,b)		TCVN 6001-1:2008	16	60
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	35	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	21	120
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,6	-
6	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,42	-
7	Tổng Coliforms ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,4 x 10 ³	6.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

- Cột B; K=1,2 : Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; K: Hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế

- 221110.NT.015: Nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1204543; Y = 606654)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Phụ lục 11 – Quyết định phê duyệt DTM và Hồ sơ điều chỉnh nội dung Báo Cáo Đánh Giá Tác Động Môi Trường.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4147/STNMT-CCBVMT

Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2014



Điều chỉnh nội dung báo cáo ĐTM
Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hào
Thuận An quy mô 50 giường bệnh

Kính gửi: Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào.

Phúc đáp văn bản số: 15/HH2-14 ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hào về việc điều chỉnh một số nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được phê duyệt của Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hào Thuận An quy mô 50 giường bệnh. Qua xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến trả lời như sau:

1. Đối với việc điều chỉnh các hạng mục công trình của Bệnh viện:

- Công ty đã lập báo cáo ĐTM cho Dự án Bệnh viện Đa khoa tư nhân Hoàn Hào Thuận An quy mô 50 giường bệnh và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 4795/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2009. Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt Bệnh viện có quy mô 50 giường bệnh với các hạng mục công trình như sau:

+ Khu A (6 tầng, diện tích 435m²) gồm các khoa cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, sản, lây nhiễm, bộ phận tiếp nhận, dược, khám và điều trị ngoại trú, khu dinh dưỡng, khu giặt ủi;

+ Khu B (4 tầng, diện tích 389m²) gồm: các khoa mổ, hồi sức, ngoại, phục hồi chức năng, khám ngoại trú;

+ Khu C (trệt, diện tích 689m²) gồm sảnh tiếp nhận, khoa Đông y, nội nhi, khối hành và khối công trình phụ trợ (khu xử lý nước thải và lưu giữ chất thải).

- Nay, theo giải trình của Công ty, để thuận lợi cho hoạt động khám và điều trị bệnh, Công ty đang xây dựng, cải tạo khu A từ 01 tầng lên 06 và bố trí, chuyển đổi lại chức năng các khu của Bệnh viện, cụ thể như sau: Chuyển khối mổ, khoa hồi sức, khoa ngoại ở khu B và khối hành chính ở khu C sang khu A; đồng thời bổ sung thêm các khu thanh trùng, tiểu phẫu, lưu bệnh, kho thiết bị, hồ sơ, phòng trực, dụng cụ phụ trợ vào khu A; chuyển khoa nhi, khoa y học cổ truyền, sảnh tiếp nhận từ khu C sang khu B; đồng thời khu C cải tạo thành khu vực giữ xe (diện tích khu C giảm từ 689m² xuống còn 509m²). Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải không thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và xây dựng hệ thống sử dụng máy bơm thả chìm đặt trong giếng ga kín, các công trình xử lý được đặt dưới mặt đất, có nắp đan đậy kín, khoảng cách an toàn về môi trường từ vị trí hệ thống xử lý nước thải đến nhà dân lân cận khoảng 30m.

- Qua xem xét cho thấy, hiện nay trong quá trình hoạt động, khu A chỉ mới xây 01 tầng trệt vì nhu cầu khám chữa bệnh còn ít, khu B và khu C đã xây dựng hoàn thiện. Việc tiến hành cải tạo, xây dựng khu A hiện hữu thành khu có

6 tầng là phù hợp với nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; việc bố trí, chuyển đổi lại chức năng các khu của bệnh viện cho phù hợp với hoạt động khám chữa bệnh không làm thay đổi quy mô hoạt động của Bệnh viện đa khoa 50 giường; đồng thời báo cáo ĐTM chỉ mang tính chất dự báo và được lập vào thời điểm năm 2009 nên trong quá trình thực hiện các dự báo có thể không còn phù hợp điều kiện hiện nay.

Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất việc cải tạo, xây dựng khu A hiện hữu thành khu có 6 tầng và việc việc bố trí, chuyển đổi lại các phòng chức năng của bệnh viện của Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo quy mô 50 giường bệnh như đã nêu trên cho phù hợp với nhu cầu khám chữa bệnh của Bệnh viện. Trong quá trình cải tạo và hoạt động của Bệnh viện, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty phải thực hiện và thường xuyên vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; đồng thời phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận theo đúng quy định.

2. Đối với nội dung giám sát chất lượng môi trường:

Đối với nội dung giám sát chất lượng nước thải: do trước đây không có quy chuẩn áp dụng riêng cho nước thải y tế nên trước đây theo báo cáo ĐTM thì nước thải được so sánh theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Tuy nhiên hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT. Do đó, đề nghị Công ty phải thực hiện việc giám sát chất lượng nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

Ngoài ra, theo giải trình của Công ty, trong thời gian tới Công ty dự kiến xin giấy phép của Bộ Y tế để nâng quy mô bệnh viện từ 50 giường bệnh lên 100 giường bệnh để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty trước khi triển khai dự án nâng quy mô bệnh viện phải lập báo cáo ĐTM cho dự án nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường để được thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo để biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo) **Chứng thực bản sao đúng với bản chính**
- Lưu: VT, CCBVMT, **019422** Quyền số: 06

Ngày 26 tháng 06 năm 2015

P. CHỦ TỊCH UBND P. LINH TRUNG



Nguyễn Thanh Vang

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4795/QĐ-UBND

Thị Dầu Một, ngày 9 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An quy mô 50 giường bệnh
tại 344B, đường BH22, ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình
Dương của Công ty TNHH Bệnh viện – Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/ NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 349/TTr-STNMT ngày 20 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An quy mô 50 giường bệnh tại 344B, đường BH22, ấp Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Bệnh viện – Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo.

Điều 2. Công ty TNHH Bệnh viện – Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt quy chuẩn thải QCVN 14:2008/BTNMT, cột B ($k_f = 1,2$; $k_f = 1,0$);

- Khí thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 5939:2005 và TCVN 5940:2005;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Quản lý và xử lý chất thải y tế theo đúng qui định của Quy chế quản lý chất thải y tế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Điều 44 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành

kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường; tổng hợp xây dựng báo cáo môi trường với tần suất 03 tháng/lần, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại khoản 1, 2 Điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác;

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Công ty TNHH Bệnh viện – Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu theo điều 2, điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận An, Giám đốc Công ty TNHH Bệnh viện – Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận: ✓

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN&MT; Sở XD;
- UBND huyện Thuận An;
- Chủ dự án;
- LĐVP (Cư, Trú), Lâm, TH;
- Lưu: VT.



H. CHU TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Kim Vân



Phụ lục 12- Hóa đơn điện 2022.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Địa chỉ

Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Điện thoại

0903093341

Email

chau.ngogiang@hoanhao-keimeikai.vn

Mã số thuế

3700681695-002

Địa chỉ sử dụng điện

Số 344B, đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mục đích sử dụng điện

**100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ thấp điểm**

Cấp điện áp sử dụng

Từ 380V đến dưới 6kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 1/2022 (31 ngày từ 06/12/2021 đến 05/01/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16028826				
Khung giờ thấp điểm	10	25.910	25.346	5.640
Khung giờ bình thường	10	76.298	74.834	14.640
Khung giờ cao điểm	10	28.534	28.050	4.840
				Tổng: 25.120



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	14.640	25.927.440
Toàn thời gian	1.771	4.840	8.571.640
Toàn thời gian	1.771	5.640	9.988.440
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		25.120	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			44.487.520
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			4.448.752
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			48.936.272

Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PB04030043938



Số tiền thanh toán

48.936.272 đồng



Hạn thanh toán

10/01/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

☎ 19001006-19009000

✉ cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 05/01/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Thuận An



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Địa chỉ

Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Điện thoại

0903093341

Email

chau.ngogiang@hoanhao-keimeikai.vn

Mã số thuế

3700681695-002

Địa chỉ sử dụng điện

Số 344B, đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mục đích sử dụng điện

**100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ thấp điểm**

Cấp điện áp sử dụng

Từ 380V đến dưới 6kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 2/2022 (31 ngày từ 06/01/2022 đến 05/02/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16028826				
Khung giờ bình thường	10	77.624	76.298	13.260
Khung giờ cao điểm	10	28.983	28.534	4.490
Khung giờ thấp điểm	10	26.509	25.910	5.990
				Tổng: 23.740



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	13.260	23.483.460
Toàn thời gian	1.771	4.490	7.951.790
Toàn thời gian	1.771	5.990	10.608.290
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		23.740	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			42.043.540
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.363.483
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			45.407.023

Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu bốn trăm linh bảy nghìn không trăm hai mươi ba đồng.



Mã khách hàng

PB04030043938



Số tiền thanh toán

45.407.023 đồng



Hạn thanh toán

11/02/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspec.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

☎ 19001006-19009000

✉ cskh@evnspec.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/02/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Thuận An



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Địa chỉ

Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Điện thoại

0903093341

Email

chau.ngogiang@hoanhao-keimeikai.vn

Mã số thuế

3700681695-002

Địa chỉ sử dụng điện

Số 344B, đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Từ 380V đến dưới 6kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 3/2022 (28 ngày từ 06/02/2022 đến 05/03/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16028826				
Khung giờ thấp điểm	10	26.966	26.509	4.570
Khung giờ cao điểm	10	29.517	28.983	5.340
Khung giờ bình thường	10	79.168	77.624	15.440
				Tổng: 25.350



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	15.440	27.344.240
Toàn thời gian	1.771	5.340	9.457.140
Toàn thời gian	1.771	4.570	8.093.470
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		25.350	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			44.894.850
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.591.588
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			48.486.438

Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng.



Mã khách hàng

PB04030043938



Số tiền thanh toán

48.486.438 đồng



Hạn thanh toán

11/03/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/03/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Thuận An



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Địa chỉ

Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Điện thoại

0903093341

Email

chau.ngogiang@hoanhao-keimeikai.vn

Mã số thuế

3700681695-002

Địa chỉ sử dụng điện

Số 344B, đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ thấp điểm

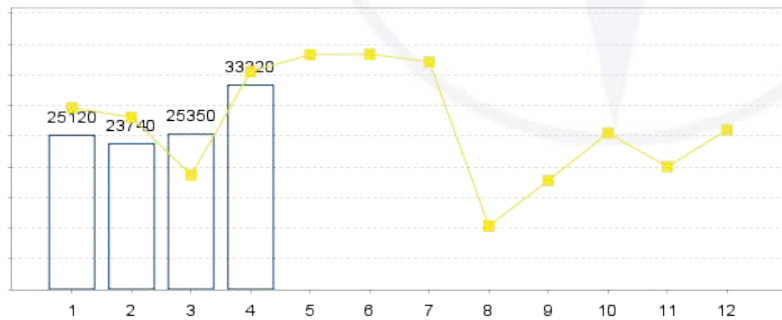
Cấp điện áp sử dụng

Từ 380V đến dưới 6kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 4/2022 (31 ngày từ 06/03/2022 đến 05/04/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16028826				
Khung giờ bình thường	10	81.175	79.168	20.070
Khung giờ cao điểm	10	30.153	29.517	6.360
Khung giờ thấp điểm	10	27.655	26.966	6.890
				Tổng: 33.320



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	20.070	35.543.970
Toàn thời gian	1.771	6.360	11.263.560
Toàn thời gian	1.771	6.890	12.202.190
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		33.320	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			59.009.720
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.720.778
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			63.730.498

Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng.



Mã khách hàng

PB04030043938



Số tiền thanh toán

63.730.498 đồng



Hạn thanh toán

11/04/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/04/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Thuận An



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Địa chỉ

Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Điện thoại

0903093341

Email

chau.ngogiang@hoanhao-keimeikai.vn

Mã số thuế

3700681695-002

Địa chỉ sử dụng điện

Số 344B, đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ thấp điểm

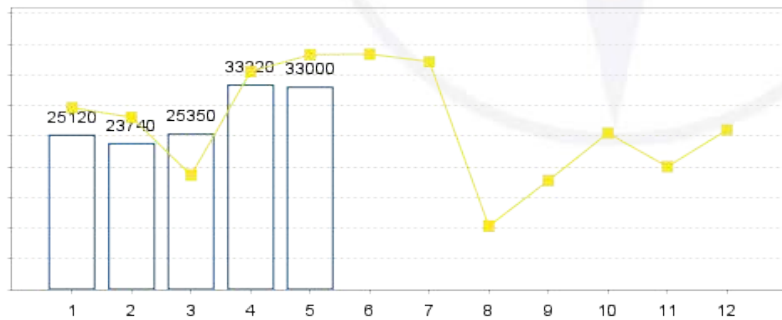
Cấp điện áp sử dụng

Từ 380V đến dưới 6kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 5/2022 (30 ngày từ 06/04/2022 đến 05/05/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16028826				
Khung giờ bình thường	10	83.132	81.175	19.570
Khung giờ cao điểm	10	30.807	30.153	6.540
Khung giờ thấp điểm	10	28.344	27.655	6.890
				Tổng: 33.000



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	19.570	34.658.470
Toàn thời gian	1.771	6.540	11.582.340
Toàn thời gian	1.771	6.890	12.202.190
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		33.000	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			58.443.000
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.675.440
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			63.118.440

Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng.



Mã khách hàng

PB04030043938



Số tiền thanh toán

63.118.440 đồng



Hạn thanh toán

11/05/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/05/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Thuận An



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Địa chỉ

Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Điện thoại

0903093341

Email

chau.ngogiang@hoanhao-keimeikai.vn

Mã số thuế

3700681695-002

Địa chỉ sử dụng điện

Số 344B, đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông - Giờ thấp điểm

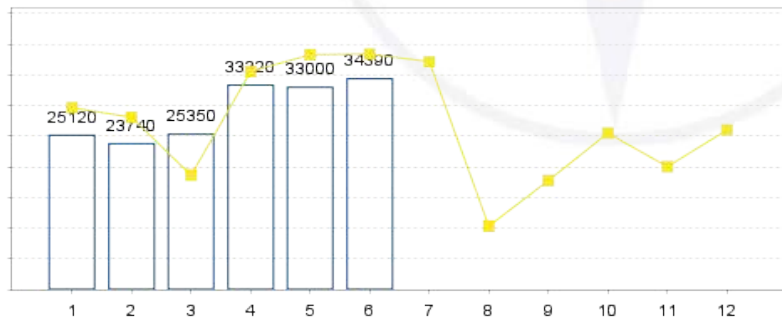
Cấp điện áp sử dụng

Từ 380V đến dưới 6kV

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 6/2022 (31 ngày từ 06/05/2022 đến 05/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
16028826				
Khung giờ thấp điểm	10	29.060	28.344	7.160
Khung giờ cao điểm	10	31.498	30.807	6.910
Khung giờ bình thường	10	85.164	83.132	20.320
				Tổng: 34.390



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	20.320	35.986.720
Toàn thời gian	1.771	6.910	12.237.610
Toàn thời gian	1.771	7.160	12.680.360
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		34.390	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			60.904.690
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.872.375
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			65.777.065

Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng.



Mã khách hàng

PB04030043938



Số tiền thanh toán

65.777.065 đồng



Hạn thanh toán

11/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://www.cskh.evnspsc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspsc.vn



TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

BÊN BÁN ĐIỆN

Ngày ký 06/06/2022

Người ký : Công ty Điện lực Bình Dương - Điện lực Thuận An



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THC

Số (No): 31051

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Tên đơn vị (Company name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số thuế (Tax code): 3700681695-002

Địa chỉ (Address): Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030043938

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 06/06/2022 đến ngày 05/07/2022	kWh	37.560	-	66.518.760
	(kèm theo bảng kê số 1133054586 ngày 10 tháng 07 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					66.518.760
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.321.501
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			71.840.261
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn hai trăm sáu mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 10/ 07/ 2022 17:39:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THC

Số (No): 115665

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Tên đơn vị (Company name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số thuế (Tax code): 3700681695-002

Địa chỉ (Address): Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030043938

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2022 từ ngày 06/07/2022 đến ngày 05/08/2022	kWh	37.500	-	66.412.500
	(kèm theo bảng kê số 1140317495 ngày 06 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					66.412.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.313.000
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			71.725.500
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 06/ 08/ 2022 12:54:14



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THC

Số (No): 274414

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Tên đơn vị (Company name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số thuế (Tax code): 3700681695-002

Địa chỉ (Address): Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030043938

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2022 từ ngày 06/08/2022 đến ngày 30/09/2022	kWh	66.080	-	117.027.680
	(kèm theo bảng kê số 1160026867 ngày 02 tháng 10 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					117.027.680
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.362.214
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			126.389.894
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 10/ 2022 10:00:17



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THC

Số (No): 366165

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Tên đơn vị (Company name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số thuế (Tax code): 3700681695-002

Địa chỉ (Address): Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030043938

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2022 từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/10/2022	kWh	34.180	-	60.532.780
	(kèm theo bảng kê số 1169789148 ngày 01 tháng 11 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					60.532.780
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.842.622
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			65.375.402
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm linh hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 11/ 2022 18:19:53



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22THC

Số (No): 458625

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Tên đơn vị (Company name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số thuế (Tax code): 3700681695-002

Địa chỉ (Address): Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030043938

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2022 từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/11/2022	kWh	32.420	-	57.415.820
	(kèm theo bảng kê số 1179795946 ngày 01 tháng 12 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					57.415.820
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.593.266
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			62.009.086
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi hai triệu không trăm linh chín nghìn không trăm tám mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 12/ 2022 21:48:31



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Thuận An - Số TK: 0031000648003 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 01 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THC

Số (No): 1937

Họ tên người mua hàng (Buyer name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Tên đơn vị (Company name): Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số thuế (Tax code): 3700681695-002

Địa chỉ (Address): Số 344B đường BH 22, KP. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04030043938

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2022 từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022	kWh	26.940	-	47.710.740
	(kèm theo bảng kê số 1190874661 ngày 04 tháng 01 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					47.710.740
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.771.074
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			52.481.814
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi hai triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm mười bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
DƯƠNG
Ngày ký: 04/ 01/ 2023 18:20:31

Phụ lục 13 - Hóa đơn nước 2022.



HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/12/2021 đến ngày: 2/1/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Mẫu số: 01GTKT0/001

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: TN/21E

Số: 1996220

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG**

Số BL: 39039

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02		01/2022	0	1708	2374	666
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 666	22.050	14.685.300		Tiền nước: 13.986.000		
				Tiền thuế GTGT 5%: 699.300		
				Phí BV môi trường 10%: 1.398.600		
Tổng số tiền phải trả:				Ngày 06 tháng 01 năm 2022		
16.083.900				TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Mười sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn chín trăm đồng				Signature Valid		
				Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG		
				Ký ngày: 06/01/2022		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngô Văn Trí - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG**

Số BL: 327560

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/1/2022 đến ngày: 2/2/2022

Mã số thuế: 3700145694

Mẫu số: 01GTKT0/001

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: TN/21E

Số: 2334959

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02	02/2022	0	2374	3042	668
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
DV: 668	22.050	14.729.400	Tiền nước: 14.028.000 Tiền thuế GTGT 5%: 701.400 Phí BV môi trường 10%: 1.402.800		
Tổng số tiền phải trả: 16.132.200 Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm ba mươi hai ngàn hai trăm đồng			Ngày 09 tháng 02 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 09/02/2022		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG**

Số BL: 600708

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/2/2022 đến ngày: 2/3/2022

Mã số thuế: 3700145694

Mẫu số: 01GTKT0/001

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: TN/21E

Số: 2626700

Danh bộ 8108.1900.02		Kỳ/Năm 03/2022	Khoán 0	Chi số cũ 3042	Chi số mới 3567	M ³ Tiêu thụ 525
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 525	22.050	11.576.250		Tiền nước: 11.025.000		
				Tiền thuế GTGT 5%: 551.250		
				Phí BV môi trường 10%: 1.102.500		
Tổng số tiền phải trả: Bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng				Ngày 04 tháng 03 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 04/03/2022		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG**

Số BL: 897206

Ông (Bà): **CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN**

Địa chỉ KH: **SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH
DƯƠNG, VIỆT NAM**
DCLD: **344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD**

Mã số thuế KH: 3700681695-002

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/3/2022 đến ngày: 2/4/2022

Mã số thuế: 3700145694

Mẫu số: 01GTKT0/001

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: TN/21E

Số: 2977920

Danh bộ 8108.1900.02		Kỳ/Năm 04/2022	Khoán 0	Chi số cũ 3567	Chi số mới 4242	M ³ Tiêu thụ 675
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 675	22.050	14.883.750		Tiền nước: 14.175.000 Tiền thuế GTGT 5%: 708.750 Phí BV môi trường 10%: 1.417.500		
Tổng số tiền phải trả: 16.301.250 Bằng chữ: Mười sáu triệu ba trăm lẻ một ngàn hai trăm năm mươi đồng				Ngày 05 tháng 04 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC		
				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 05/04/2022		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

**Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY
CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH
DƯƠNG**

Số BL: 1198957

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM
DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/4/2022 đến ngày: 2/5/2022

Mã số thuế: 3700145694

Mẫu số: 01GTKT0/001

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: TN/21E

Số: 3324351

Danh bộ 8108.1900.02		Kỳ/Năm 05/2022	Khoán 0	Chi số cũ 4242	Chi số mới 5011	M ³ Tiêu thụ 769
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 769	22.050	16.956.450		Tiền nước: 16.149.000		
				Tiền thuế GTGT 5%: 807.450		
				Phí BV môi trường 10%: 1.614.900		
Tổng số tiền phải trả: 18.571.350 Bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm bảy mươi một ngàn ba trăm năm mươi đồng				Ngày 06 tháng 05 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/05/2022		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/5/2022 đến ngày: 2/6/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: 199273

PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 1584881

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-TUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02	06/2022	495	0	437	932
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
DV: 932	22.050	20.550.600	Tiền nước: 19.572.000 Tiền thuế GTGT 5% : 978.600 Phí BV môi trường 10%: 1.957.200		
Tổng số tiền phải trả: 22.507.800 Bằng chữ: Hai mươi hai triệu năm trăm lẻ bảy ngàn tám trăm đồng			Ngày 20 tháng 06 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 20/06/2022 16:08:07		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/6/2022 đến ngày: 2/7/2022

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: 395796

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ
PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 1796004

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG,
VIỆT NAM

DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02	07/2022	0	437	1.312	875
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
DV: 875	22.050	19.293.750	Tiền nước: 18.375.000 Tiền thuế GTGT 5% : 918.750 Phí BV môi trường 10%: 1.837.500		
Tổng số tiền phải trả: 21.131.250			Ngày 06 tháng 07 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/07/2022 14:41:39		
Bằng chữ: Hai mươi một triệu một trăm ba mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng					



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/7/2022 đến ngày: 2/8/2022

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: 730278

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ

PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 2097227

Tên Khách Hàng: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02	08/2022	0	1.312	2.284	972
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
DV: 972	22.050	21.432.600	Tiền nước: 20.412.000 Tiền thuế GTGT 5% : 1.020.600 Phí BV môi trường 10%: 2.041.200		
Tổng số tiền phải trả: 23.473.800			Ngày 05 tháng 08 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 05/08/2022 10:38:37		
Bằng chữ: Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm đồng					



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/8/2022 đến ngày: 2/9/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: 1071283

PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 2400089

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-THUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02		09/2022	0	2.284	3.116	832
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 832	22.050	18.345.600		Tiền nước: 17.472.000 Tiền thuế GTGT 5% : 873.600 Phí BV môi trường 10%: 1.747.200		
Tổng số tiền phải trả: 20.092.800 Bằng chữ: Hai mươi triệu không trăm chín mươi hai ngàn tám trăm đồng				Ngày 06 tháng 09 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/09/2022 19:48:41		



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ
PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số BL: 2721990

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG,
VIỆT NAM
DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-TUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/9/2022 **đến ngày:** 2/10/2022

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: **1416058**

Danh bộ 8108.1900.02		Kỳ/Năm 10/2022	Khoản 0	Chi số cũ 3.116	Chi số mới 3.812	M ³ Tiêu thụ 696
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 696	22.050	15.346.800		Tiền nước: 14.616.000 Tiền thuế GTGT 5% : 730.800 Phí BV môi trường 10%: 1.461.600		
Tổng số tiền phải trả: 16.808.400 Bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm lẻ tám ngàn bốn trăm đồng				Ngày 05 tháng 10 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 05/10/2022 10:54:00		



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/10/2022 đến ngày: 2/11/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: 1776013

PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 3058130

Ông (Bà): CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-TUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02		11/2022	0	3.812	4.561	749
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 749	22.050	16.515.450		Tiền nước: 15.729.000 Tiền thuế GTGT 5% : 786.450 Phí BV môi trường 10%: 1.572.900		
Tổng số tiền phải trả: 18.088.350				Ngày 05 tháng 11 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 05/11/2022 10:09:13		
Bằng chữ: Mười tám triệu không trăm tám mươi tám ngàn ba trăm năm mươi đồng						



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi
TP. TDM- T. Bình Dương

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 3/11/2022 đến ngày: 2/12/2022

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K22TTN

Số: 2121278

Chi nhánh: CN CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CỔ

PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số BL: 3389903

Tên Khách Hàng: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Địa chỉ KH: SỐ 344B ĐƯỜNG BH22, KHU PHỐ ĐỒNG AN, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

DCLD: 344B KDC ĐỒNG AN 04-TUẬN AN-BD

Mã số thuế KH: 3700681695-002

Danh bộ		Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M ³ Tiêu thụ
8108.1900.02		12/2022	0	4.561	5.225	664
M ³ chia ra	Đơn giá	Tiền nước		Số tiền phải trả		
DV: 664	22.050	14.641.200		Tiền nước: 13.944.000 Tiền thuế GTGT 5% : 697.200 Phí BV môi trường 10%: 1.394.400		
Tổng số tiền phải trả: 16.035.600				Ngày 06 tháng 12 năm 2022 TỔNG GIÁM ĐỐC		
Bằng chữ: Mười sáu triệu không trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 06/12/2022 19:49:37		

Phụ lục 14 - Chứng từ thu gom chất thải.



TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

881 / 2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH: CHI NHANH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.542.907

2. Chủ CS DV XLCTNH 1:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT: 028.5443.1537

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, lưỡi dao mổ, đinh cựa, chai lọ thủy tinh vỡ	X			13 01 01	115	TH
2	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm không sắc nhọn: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly	X			13 01 01	484	TH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển:

GLC30896

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

An

Ngày:

28/01/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 28 tháng 1 năm 2022

28 tháng 01 năm 2022



AMADA



Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số:

1□

2□

4□

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

6788/2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH I: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.542.907

2. Chủ CS DV XLCTNH I:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hào Thuận An

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT: 028.5443.1537

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, lưỡi dao mổ, đinh cưa, chai lọ thủy tinh vỡ	X			13 01 01	40	TA
2	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm không sắc nhọn: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly	X			13 01 01	309	TA
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C30896

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký: An

Ngày: 28/2/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

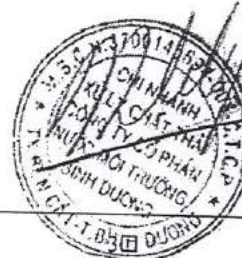
Thuận An, ngày 28 tháng 02 năm 2022



TATSUYA YAMADA

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số:

1□

2□

4□

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



Nhấn 417

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

67873/2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX
ĐT: 02743. 542. 906
ĐT: 02743. 543. 644
ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 1:Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An
Địa chỉ văn phòng: Số 344B đường BH22, khu phố. Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T
ĐT: 028.5443.1537

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, lưỡi dao mổ, đinh cưa, chai lọ thủy tinh vỡ	X			13 01 01	48	TD
2	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm không sắc nhọn: Chất thải thẩm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly	X			13 01 01	575	TD
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 30896

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hồng An Ký: An Ngày: 30/3/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:Ký:Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

30 tháng 03 năm 2022
HOÀN HẢO THUẬN AN
YAMADA

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số: 1□ 2□ 4□

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lỗi CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



TỈNH/THÀNH PHỐ **TỈNH BÌNH DƯƠNG** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

5538/2022/1-2-3-4-5-6.012.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình DươngĐT: 02743. 542. 906
Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình DươngĐT: 02743. 543. 644
ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH:Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An Mã số QLCTNH: 74.000.964.T
Địa chỉ văn phòng: Số 344B đường BH22, khu phố Đồng An, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình DươngĐT: 028.5443.1537
Địa chỉ cơ sở:ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, lưỡi dao mổ, đinh cưa, chai lọ thủy tinh vỡ	X			13 01 01	90	TH
2	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm không sắc nhọn: Chất thải thẩm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly	X			13 01 01	592	TH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hồi rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 30836

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: An Ngày: 29/4/22
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH:Ký:Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Choi Thuận An, ngày 29 tháng 4 năm 2022 Me

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục
Bến Cát, ngày 29 tháng 4 năm 2022



YAMADA



Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 32/2022/ 74.000.964.T

1. Chủ nguồn thải: Chi nhánh II Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Hảo Thuận An

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: Số 344B đường B122, Khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT: 0274.3769722

2. Chủ hành nghề QLCTNH I: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.528-29

Địa chỉ cơ sở đại lý: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.542.907

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):

Địa chỉ văn phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly	X			13 01 01	447	TH
2	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, lưỡi dao mổ, đinh cưa, chai lọ thủy tinh vỡ	X			13 01 01	43	TH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	X			08 02 04		

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tán/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):Nước nhập khẩu:Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: 61C50896Ngày xuất cảng:Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH I: Lê Thị Huyền Trang

Ký:Ngày: 29/5/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):Ký:Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông tin đầy đủ và chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An, ngày 30 tháng 5 năm 2022



TATSUYA YAMADA

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Bến Cát, ngày 30 tháng 5 năm 2022

Bê Thanh Phi
Phó Giám Đốc

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1□- 2□- 2^S□- 2^T□- 3□- 3^S□- 3^T□- 4□- 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:.....1511.2...../2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 1:

Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

ĐT:

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01 01	553	TH
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đốt xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khảo (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày: 29/06/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở Mục 1-4 (trên 5)

TP. Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 06 năm 2022

HOÀN HẢO THUẬN AN

TATSUYA YAMADA

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 29 tháng 6 năm 2022



Phó Giám Đốc

Liên số:

1□

2□

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16779 /2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH I: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 17, Ngõ Văn Trĩ, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH I:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Di An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01 01	591	FD
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cà lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số liệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số liệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày: 30/07/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH II:

Ký:

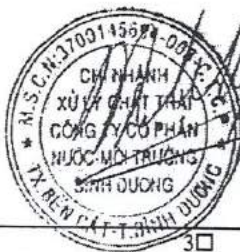
Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã đồng nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 30 tháng 7 năm 2022

TATSUYA YAMADA



Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

*Liên số: 1

2

3

4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 10529 / 2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 1:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO (CNT)

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương. ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01 01	707	TH
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/lái chôn); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiếu/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đốt nóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày: 31/08/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (quỹ dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Thuận An, ngày 31 tháng 08 năm 2022

Bến Cát, ngày 31 tháng 8 năm 2022



TATSUYA YAMADA



Bồ Thanh Phó
Phó Giám Đốc

Liên số: 10 20 30 40
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/ THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 20958 /2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH I: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH I:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01 01	627	TA
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); GL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SG (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày: 30/09/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin về CTNH (hoặc)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 30 tháng 9 năm 2022



Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số: ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 7667 / 2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH I: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH I:Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng:ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương. ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01 01	610	TA
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I: Nguyễn Lê Hoàng An Ký: Ngày: 31/10/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH II: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An, ngày 31 tháng 10 năm 2022



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 31 tháng 10 năm 2022



Phó Giám Đốc

@Liên số:

1

2

3

4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 15903.../2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

ĐT: 02743. 542. 906

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 1:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương. ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01.01	599	TH
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TB (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố kết/dóng kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày: 30/11/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thuận An, ngày 06 tháng 11 năm 2022



TATSUYA YAMADA

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 30 tháng 11 năm 2022

Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số:

1 ☐2 ☐3 ☒4 ☐

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp 16 CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 20746/2022/1-2-3-4-5-6.028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH I: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trĩ, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.542.906

Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa, TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 02743.543.644

ĐT: 02743.542.907

2. Chủ CS DV XLCTNH I:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CHI NHÁNH II CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN HẢO THUẬN AN

Mã số QLCTNH: 74.000.964.T

Địa chỉ văn phòng: 26/14, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, Tp.Di An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 344B đường BH22, khu phố Đồng An, phường Bình Hòa, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương

ĐT:

4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải có chứa các tác nhân lây nhiễm	X			13 01 01	603	TD
2		X					
3		X					
4		X					
5		X					

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiên đối); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 07340

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I: Nguyễn Lê Hoàng An

Ký:

Ngày: 31/12/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH I:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dòng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục

Bến Cát, ngày 31 tháng 12 năm 2022



TANABE MAMORU

Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số:

1□

2□

3□

4□

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)